

Warren Fellows

CÁI GIÁ PHẢI TRẢ

THE DAMAGE DONE

Câu chuyện có thật về
chốn địa ngục trần gian



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

VĂN HỌC AUSTRALIA

WARREN FELLOWS

**CÁI GIÁ
PHẢI TRẢ**

Damage Done (2000)

UNG THỊ BẠCH TUYẾT dịch

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – 2013

LỜI GIỚI THIỆU

Hãy suy nghĩ về những ngày tồi tệ nhất trong cuộc đời bạn. Có lẽ đó là khi người mà bạn yêu thương qua đời; hoặc khi bạn bị thương nặng trong một tai nạn, hoặc bạn gặp một điều ghê sợ đến nỗi khó có thể chịu đựng nổi. Bây giờ hãy hình dung 4000 ngày như thế trong một nhà tù lớn.

Trong cuốn sách này, W. Fellows mô tả những gì ông đã trải qua suốt 12 năm tại nhà tù Bangkok. Thật khó để tưởng tượng làm thế nào có thể tồn tại với tình trạng tinh thần kiệt quệ mỗi ngày. Hãy tưởng tượng bạn bị buộc phải đứng trong một hệ thống cống với tay chân bị xiềng. Một vài phút có lẽ sẽ dài bằng cả thế kỷ. Hãy tưởng tượng bạn phải ăn gián và chuột cống để duy trì sự sống. Nghe có vẻ siêu thực quá, phải không? Nhưng đó chỉ là một trong những khoảnh khắc mà tác giả cuốn sách này đã chịu đựng trong 12 năm ròn rã.

“*Cái giá phải trả*” chính là những trải nghiệm đau thương mà Warren Fellows muốn gửi đến độc giả. Chỉ vì thiếu suy nghĩ, muốn kiếm tiền thật nhanh và thật dễ dàng nên ông đã đánh mất tuổi thanh xuân, đánh mất ý nghĩa cuộc sống.

Nhưng trên hết, những hình ảnh kinh hoàng về cách con người đối xử với nhau trong nhà ngục đã trở thành nỗi ám ảnh khôn nguôi.

Câu hỏi đọng lại trên tất cả các trang sách của ông là liệu con người có đáng phải chịu đựng những gì có lẽ chỉ tồn tại trong ác mộng như vậy? Tác giả không trực tiếp trả lời nhưng chắc chắn bạn sẽ có câu trả lời khi đọc xong trang cuối cùng của cuốn sách.

Mạn phép gửi đến bạn đọc cuốn hồi ký này, hy vọng sẽ góp một phần nhỏ trong việc thức tỉnh những ai đang mê muội dẫn thân vào con đường tội lỗi! Rằng, việc gì cũng có cái giá của nó.

Người dịch

Ung Thị Bạch Tuyết

Năm 1978, Warren Fellows đã bị kết án tù chung thân ở Thái Lan do buôn bán và vận chuyển heroin. Cái Giá Phải Trả là câu chuyện về một cơn ác mộng không thể tưởng tượng trong một nơi mà chuột cống và gián là nguồn thực phẩm bổ dưỡng duy nhất, và nơi diễn ra hình phạt tồi tệ nhất là “khun deo” - phòng biệt giam, theo phong cách Thái.

Warren Fellows biết mình phạm tội, nhưng ông đã phải chịu đựng và tồn tại trong một môi trường kinh hoàng ngoài sức tưởng tượng. Tác giả viết cuốn sách này không vì mục đích cầu xin sự tha thứ, cũng không phủ nhận mình là kẻ tội lỗi, nhưng đây là câu chuyện về một thử thách mà không ai muốn trải qua... Đau lòng, hấp dẫn và không thể đặt xuống là điểm nổi bật của cuốn sách này.

Warren Fellows gửi đến các bạn trẻ kinh nghiệm bản thân trong mười hai năm tù đầy do thiếu suy nghĩ, muốn kiếm tiền thật nhanh và dễ dàng, để rồi tiêu phí cả tuổi thanh xuân một cách phi lý, với những ám ảnh theo đuổi suốt đời ngay cả khi đã trở về với đời sống tự do.

James Brown, GQ

PHẦN MỞ ĐẦU

Tôi sắp kể cho các bạn câu chuyện đời tôi, một cuộc đời đầy ắp những sự kiện vô cùng tồi tệ.

Thật sự thì tôi cũng chẳng muốn viết ra làm gì, vì lẽ mỗi lần nhắc đến là tôi thấy nó quá ư kinh khiếp. Song, không thể nào chất chứa mãi trong lòng nên tôi phải kể: một phần cho tâm tư mình với bớt nặng nề, nhưng phần quan trọng hơn là tôi muốn tất cả các bạn đều biết.

Sự kiện đó đã kéo dài không ngừng trong suốt *mười một năm rưỡi*. Bạn thử hình dung xem khi cuộc sống của mình đầy ắp những điều đau khổ: chẳng hạn khi một người thân yêu của mình qua đời, hoặc chính mình bị thương trầm trọng trong một tai nạn, hoặc một việc gì đó xảy ra quá ư kinh khủng đến mức bạn không thể chịu đựng được. Bạn nghĩ sao nếu như những việc tương tự cứ liên tục trong *bốn ngàn ngày* đồng thời với một việc hóc búa mà bạn bị bắt buộc phải đương đầu?

Tôi viết ra câu chuyện này không có mục đích gợi lòng thương hại từ độc giả, vì tôi biết chắc những hành động mà tôi đã làm khiến cho nhiều người rất ghét tôi, không những ghét mà còn muốn cho tôi bị hành hạ thêm, càng nhiều càng tốt. Tôi xin hỏi những ai, sau khi đọc đến trang cuối, có còn nghĩ là bất cứ một người nào cùng hoàn cảnh như tôi xứng đáng chịu đựng những hình phạt mà tôi đã trải qua trong từng ấy thời gian không? Giả sử lúc bấy giờ bạn cũng là một trong số những phạm nhân, tàn bạo và đầy lòng căm thù. Nếu bạn cho là xứng đáng thì có thể vì bạn chưa bị ‘tóm’ đó thôi.

Tôi sẽ kể cho bạn những điều tôi đã chứng kiến tại Bang Kwang, một nhà tù ở Thái Lan, nơi tôi bị giam giữ trong suốt chín năm. Và đây mới chỉ là một trong rất nhiều sự kiện đã xảy ra ở đó, nhưng hình ảnh dưới đây đã ăn sâu vào tiềm thức khiến tôi không tài nào quên được, nó cứ diễn đi diễn lại trong đầu tôi như một đoạn phim ngắn hết sức kinh hoàng.

Vào một đêm khá khuya, bỗng dưng tôi bị đánh thức bởi một tiếng hét ghê rợn, tiếng hét đó phát xuất từ xà lim của một thanh niên người Pháp còn rất trẻ. Tiếng hét không những biểu lộ sự đau đớn về thể xác mà còn pha lẫn nỗi điên loạn về tinh thần. Một loại âm thanh chắc bạn không bao giờ muốn nghe, thoát ra từ miệng của một CON NGƯỜI, vì vậy tôi không làm sao quên được. Anh ta cứ hét như thế từ giờ này qua giờ khác. Đến lúc tôi và David, người bạn ở xà lim đối diện, không chịu nổi nữa cũng bắt đầu hét lại hỏi xem việc gì đang xảy ra bên đó. Nhưng hình như anh ta đang đau đớn dữ dội khiến không còn đủ sức để nghe tiếng la của chúng tôi.

Vào thời điểm khuya khoắt thế này chắc chắn không một nhân viên y tế nào thèm quan tâm đến tù nhân. Biết như thế nên cuối cùng David và tôi quyết định xin tên cai ngục cho chúng tôi vào thẳng xà lim của chàng thanh niên đó để xem sự thể ra sao. Vì đã từng phục vụ trong quân đội Mỹ nên David biết khá nhiều về việc cấp cứu, anh ta muốn xem có thể giúp gì cho ông bạn này không. May mắn đêm hôm đó chúng tôi gặp phải người cai ngục khá tử tế.

Bước vào phòng, chúng tôi thấy chỉ có mỗi một mình anh đang nằm cuộn người như một quả bóng, mặt quay vào tường. Anh vẫn hét không ngừng và hình như đau quá nên không biết có sự hiện diện của ai bên cạnh. Hai đứa tôi lật anh ta quay lại thì thấy ngay trên cổ, bên dưới mang tai có một khối u to bằng quả lê. Nhìn kỹ, khối u này đang động đậy. David nhận ra ngay đó là hiện tượng gì nên anh chạy vội về phòng mình lấy một lưỡi dao cạo (cắt giữ bất cứ vật bén nhọn nào ở nhà tù Bang Kwang cũng đều là bất hợp pháp nhưng trong trường hợp khẩn cấp đó anh lính gác buộc lòng phải làm ngơ). David bảo tôi đè anh Pháp này xuống để anh ta rạch khối u. Lưỡi dao vừa lạng qua da, khối u đó toét ra như một đoá hoa mới nở. Từ vết mổ, hàng

trăm con vật nhỏ li ti tủa tràn xuống cổ, ngo ngoạy như những cọng mì spaghetti. Thật là một giấc mơ kinh hoàng! Nhưng hình ảnh này không phải là mơ nữa mà là thật, sự thật đó xảy đến cho một CON NGƯỜI và đang phơi bày trước mắt chúng tôi. Theo các nhân viên y tế của nhà giam, nguyên nhân này là do một con gián đã bò vào tai; đào hang thông qua cổ và đẻ trứng tại đó. Thật đau lòng: một con người; có cha có mẹ có gia đình; đã bị bỏ rơi để trở thành một cái ‘tổ sống’ cho loài giòi bọ! Mỗi lần nhớ lại tiếng hét ghê rợn của anh chàng Pháp này tôi thật sự bàng hoàng và tin rằng, lúc bấy giờ, anh ta cũng ý thức được điều gì đang xảy đến cho mình.

Cảnh tượng nhỏ nhất này lúc bấy giờ không làm cho tôi sửng sốt. Lẽ ra có đấy, nhưng nó lại không vì còn quá nhiều những cảnh tượng ghê gớm khác nữa, những cảnh tượng đó đã đánh dấu ngày tháng của tôi trong ngục tù như tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ.

Một việc xui xẻo nào đó cũng đều mang rất nhiều ý nghĩa của chính nó. Nhưng khi ta đặt cái xui đó vào trong hàng triệu cái bất hạnh khác thì nó không có nghĩa gì cả.

Tôi nhớ có lần gặp một thanh niên Mỹ, vừa mới đến trại giam anh ta đã khóc và khóc suốt đêm. Tôi hỏi anh việc gì đã xảy ra, nhưng mỗi khi nghĩ lại tự dừng tôi thấy câu hỏi của mình lúc bấy giờ thật quá ngớ ngẩn. Bởi vì trường hợp nào cũng đều có nguyên nhân riêng của nó cả.

Bây giờ tôi thật sự đã mất hết tất cả những xúc cảm đến độ không còn nhớ và cảm nhận được đời sống thật của một con người bình thường ra sao. Trong lòng tôi nặng trĩu bao nỗi chán chường.

Ngày hôm nay, trong khi rảnh rang đi tản bộ, tôi thỉnh thoảng tự hỏi có phải sự kiện đó, tất cả những cảnh tượng tôi đã trải qua và chứng kiến ở trại giam bên Thái Lan, đã thật sự xảy ra hay không? Tôi cứ cho đó chỉ là một ác mộng. Còn lúc khác, tôi lại cảm thấy cuộc đời mình đang sống đây rất là xa xôi và không có thật - cho dù nó đang vây bọc xung quanh tôi. Tôi nghĩ chính ngục tù bên Bangkok mới là nơi tôi thực sự đã sống và hiện nó vẫn còn tồn tại để chờ tôi về. Đầu óc tôi cứ loay quanh mãi và đôi khi lý luận

rằng không thể nào cả hai thế giới đều hiện hữu cùng một lúc, vì hai thế giới đó đối lập nhau hoàn toàn giống như hai kẻ thù. Vậy thì chắc chắn cái này phải thống trị cái kia.

Chương 1

SỰ TÌNH CỜ

Năm 1949, cha tôi đoạt giải đua ngựa ở Melbourne: Bill Fellows và con ngựa Foxzami về đích trước một cách thật dễ dàng.

Trong thời gian đó, cha mẹ tôi đã có hai người con, Gary 4 tuổi và Gail 2 tuổi. Đời sống gia đình tôi lúc bấy giờ rất ổn định. Nhưng trước khi tôi sinh ra, năm 1953, gia đình Fellows bắt đầu suy sụp. Sáu tháng sau ngày chiến thắng của cha tôi, Gary qua đời vì bị bệnh đường ruột. Kể từ đó cha tôi mất hết hứng thú trong các cuộc thi tranh tài. Tinh thần ông xuống dốc thê thảm đến mức không có cách gì vực lên được. Tôi nhớ rất rõ cha tôi từng là một người khá lạc quan nhưng, cũng theo tôi biết, không phải ông không có nỗi buồn và một điều bức dọc nào đó đã giấu kín trong lòng. Mặc cho những biến cố xảy ra trong gia đình và những buồn bức của riêng ông, ông vẫn tiếp tục chăm sóc, huấn luyện ngựa và đã trở thành một chuyên viên huấn luyện ngựa đua thật tài tình mà lúc bấy giờ khó có thể tìm đâu ra người thứ hai như ông.

Tôi thường hay theo cha tham gia vào những buổi tập luyện ngựa và rồi dần trở nên quen thuộc với công việc. Hơn nữa, cha tôi lại là một nhân vật quan trọng trong hội đua ngựa; do đó, tôi rất thích thú tham gia vào một phần sinh hoạt của ông. Rồi từ đó, chính trường đua này đã khiến sở thích cá cược của tôi phát triển. Cũng như những người chơi khác, khi chơi ai cũng muốn thắng nhưng đồng thời họ cũng thích cái cảm giác vừa hồi hộp vừa thú vị khi biết mình sắp thua dù đôi khi thua một cách thảm hại.

Sự đam mê vô bờ đó kéo dài cho đến khi, sau cha tôi 30 năm, hình ảnh của tôi được đưa lên báo. Không phải vì tôi lập được chiến tích gì hoặc được ai ca ngợi như cha tôi đã từng mà là hình ảnh của một chàng thanh niên còn rất trẻ ngồi co rúm trước hai bàn tay đặt trên bàn với 8,5kg heroin bày ra trước mặt.

Lý do nào tôi có mặt trên báo chí, việc này là nguyên nhân của một loạt rắc rối giữa những cuộc gặp gỡ tình cờ và những quyết định sai lầm của tôi. Như đã kể với các bạn, tôi luôn luôn bị lôi kéo vào các trò chơi có liên quan đến may rủi. Vì thế, tôi hoàn toàn tin vào Số Mệnh, cái Số Mệnh đang chờ đợi ở ngã tư đường để thay đổi cuộc đời tôi.

Thời gian tôi làm việc tại một quán rượu ở Wynyard, quán này nằm tận trong cùng của trung tâm thương mại Sydney, chính tại nơi này tôi đã gặp Richard. Richard thường đến đây để uống bia và hình như anh đang làm nghề đánh cá ngựa thuê chuyên nghiệp. Một hôm Richard gọi tôi và nhờ đem 500USD đến phòng bán vé để đặt cược giùm. Anh ta bảo mình không đi được vì hiện đang giữ trong người một số tiền khá lớn. Tôi chưa hề được cảnh giác về việc này, nhưng qua kinh nghiệm ở những trận cá độ thì những người chơi thuê chuyên nghiệp thường là những kẻ làm việc mờ ám; tuy nhiên, họ hiếm khi hại ai trừ hại chính bản thân mình hoặc những người họ vay nợ. Từ hôm đó tôi bắt đầu chạy công việc lật vạt này cho Richard một cách đều đặn. Người chủ quán rượu chẳng quan tâm gì đến việc làm riêng tư của tôi vì tôi chắc rằng ông cũng có tham gia vào cuộc ăn thua mờ ám đó nên xem đây như là một lối sống ở các quán rượu mà thôi.

Sau một thời gian, tôi và Richard trở thành bạn thân. Chúng tôi thường đi ăn nhậu với nhau giờ này qua giờ khác. Chúng tôi lại sinh cùng ngày, ngày 13 tháng 9.

Một đêm cũng ở tại quán rượu, Richard hỏi tôi có dám làm công việc mạo hiểm không. Anh ta cho biết anh hiện đang liên hệ với một người có thể cung cấp heroin với giá rất rẻ, nếu tôi dám làm thì chỉ cần qua Ấn Độ rồi mang thuốc về bán. Tiền lời khá lớn.

Lúc này tôi chỉ mới có 21 tuổi. Ma túy không đóng vai trò nào trong cuộc đời tôi và thành thật mà nói tôi chưa hề biết những loại thuốc đó ra sao, nhưng tôi biết nhiều người rất ghiền nó. Riêng cá nhân tôi, tôi chẳng thấy có gì gọi là hấp dẫn. Trong thời gian học nghề làm tóc ở Double Bay, ngoại ô Sydney, tôi được nghe vài mẫu chuyện về tác dụng của ma túy. Người ta bảo sau khi hút vào, người cứ lâng lâng như ở trên mây. Còn vấn đề thuốc này được trồng ở đâu, sản xuất chỗ nào tôi không hề quan tâm. Ý tưởng tôi sẽ làm công việc chuyên chở ma túy hoặc có khả năng thâm nhập vào thế giới đó để rồi nó sẽ thay đổi vĩnh viễn cả cuộc đời mình, thật sự là điều không tưởng.

Bốn năm trước đây, cũng vào cái đêm này, lúc ấy tôi chỉ mới 18 tuổi, lần đầu tiên tôi tập hút thuốc. Sau khi hút xong, tôi có cảm giác cả căn phòng quay cuồng như thể nó được gắn trên một cái bánh xe khổng lồ. Trước khi điều thuốc tàn, tôi đã nhuộm bệnh. Chuyện này nghe khó tin nhưng là sự thật. Đó là trải nghiệm đầu tiên về sử dụng ma túy trước khi tôi nhận lời đề nghị đi đến Ấn Độ của Richard.

Richard cho tôi biết là giá một pound heroin chỉ có 50USD thôi. Thật sự tôi không có một tí ý niệm gì về chuyện này và cũng chẳng biết giá cả thị trường ra sao, cho nên tôi bảo để suy nghĩ lại rồi sẽ trả lời sau.

Cuối tuần đó tôi đến một hộp đêm để gặp vài người bạn cũ khi còn học trường De La Salle ở Ashfield. Trong lúc ôn lại chuyện xưa, tôi có nhắc đến lý do tại sao mình bị đuổi học. Ngày đó tôi thường chơi cá độ ở trong lớp: Tôi bị đuổi vì dính vào chuyện đánh cá gian lận. Tôi lôi tờ hướng dẫn cá độ đưa ngựa để dưới hộc bàn ra rồi thu tiền cá độ của các bạn, chờ đến giờ ăn trưa chạy đến phòng bán vé để đặt cược. Việc này diễn ra rất suôn sẻ trong thời gian đầu - theo tôi biết, có vài thầy giáo trong trường cũng thích chơi trò này lắm. Nhưng sau đó thì mọi việc bị đổ bể.

Một hôm, trong buổi họp toàn trường, thầy hiệu trưởng tuyên bố là đã phát hiện trong trường có hiện tượng cá độ đua ngựa và thầy bảo học sinh nào có liên quan nên bước ra phía trước. Thầy còn nói thêm đã biết rõ ai là người đầu têu nhưng thầy cho một cơ hội cuối cùng để tự thú và chuộc tội.

Trước đó, tôi đã được vài bạn mách là tên tôi đã bị đưa lên ban giám hiệu như đầu sỏ trong vụ này rồi, tuy nhiên tôi vẫn đứng im vì nghĩ rằng ông ta chỉ nói dọa thể thôi... Sau một hồi thấy không ai phản ứng, ông nói tiếp: “Được, thế thì... Warren Fellows bước ra ngay!”. Đó không phải là lần cuối trong đời tôi đã lờ đi những lời cảnh cáo và bước vào trận phục kích. Các bạn học cũ tin rằng tôi hiện vẫn còn tiếp tục con đường phạm pháp nên hỏi xem tôi có thích buôn ma túy không. Đầu tiên tôi trả lời không, nhưng sau đó lại tò mò muốn biết giá thị trường của heroin là bao nhiêu. Khi một bạn cho biết giá một pound heroin là 1.800USD, tôi sửng sờ. Món tiền này quá hấp dẫn đến độ tôi, thành thật mà nói, nghĩ rằng có lẽ hậu quả xấu sẽ không xảy đến cho tôi đâu và khả năng kiếm lời vượt trên sự rủi ro bị bắt. Thế là tôi quyết định ngay.

Vài ngày sau gặp lại Richard, tôi bảo với anh ta là tôi chấp nhận lời đề nghị hôm nọ. Anh ta giải thích thêm: trước khi làm bất cứ việc gì cũng phải có tiền để mua vé máy bay và lo nơi ăn chốn ở, đồng thời cũng còn phải có sự thỏa thuận nữa. Tôi bảo với Richard tôi biết một người có thể cho tôi vay... Khi gặp lại người đó, tôi nói rõ mục đích của việc vay tiền, anh ta đồng ý ngay: “Được, tôi tin anh, Warren”.

Cho đến giờ tôi vẫn còn một cảm nhận rất đặc biệt về xứ Ấn Độ. Có lẽ không ai có thể quên được chuyến đi ngoại quốc đầu tiên của đời mình và quên đi những cảm giác khi đặt chân lên một vùng đất lạ. Bây giờ, mỗi lần nhắm mắt lại, tôi vẫn cảm thấy đâu đây mùi nồng nặc, nóng rang và hơi hám xông lên từ nơi ăn, chốn ở của những con người cùng khổ. Tôi còn nghe được tiếng van xin của các gã hành khất; của những kẻ khốn cùng; của những con người tuyệt vọng sống chui rúc và lớn lên trên các ngõ phố chật hẹp bẩn thỉu; của những người với hình hài đã biến dạng. Và nữa... hình ảnh gương mặt của một người đàn bà hầu như mất hết đường nét vì các lỗ đờ hỏn do hậu quả của những cái mụn vừa bùng mủ trước đó vài phút. Và sống động nhất là những câu hỏi thường xuyên ám ảnh tôi: “Tại sao tôi có mặt ở đây? Tại sao tôi làm chuyến đi này? Tại sao tôi cần tiền?”, và “Hiện tại tôi chẳng làm điều gì tồi tệ, phải không?”.

Sau đó chúng tôi gặp Rashik, đầu mối giao dịch ma túy của Richard, một người trông có vẻ thật xuề xòa. Rashik tha thiết mời chúng tôi đến ở với gia đình ông, nhưng sao ông lại chẳng biết điều tí nào. Khi Richard đề cập đến mục đích của chuyến viếng thăm, ông ta tỏ ra kinh hãi và căng thẳng hết sức. Ông từ chối thẳng thừng, viện lý do không làm bất cứ việc gì dính líu đến ma túy trong lúc này vì Thủ tướng Gandhi vừa đưa ra tuyên bố khẩn cấp - không phải không thường xuyên xảy ra ở Ấn Độ - mọi hành vi có liên quan đến ma túy dù nhỏ nhất đến đâu cũng lãnh ít nhất 2 năm ngồi khám.

Mấy ngày kế tiếp, tôi và Richard giả làm khách du lịch đi loanh quanh để nghe ngóng tình hình. Cuối cùng chúng tôi lần mò về phía Nam đến Bangalore, một thành phố gần nhất, nơi đó có trường đua ngựa. Tại đây chúng tôi gặp Ronny Monroe, người đảo Corse khoảng 35 tuổi, khá láu cá. Không hiểu vì lý do gì, Ronny bị cấm nhập cảnh vào bất cứ một xã hội văn minh nào, vì vậy hắn ở lại đây và nhận Ấn Độ làm quê hương. Trong khi chưa có nơi nào để đi lấy ‘hàng’, Ronny giới thiệu cho chúng tôi những người cần tiếp xúc. Tối đó hắn mời chúng tôi đi ăn cơm ở khách sạn Quốc tế Bangalore.

Vừa rời trường đua, tôi và Richard bị ba cảnh sát chặn lại. Họ hỏi tên họ và nơi chúng tôi đang trú ngụ. Richard ngốc chưa từng thấy, anh ta khai ra hết.

Ngay chiều hôm ấy, vào lúc 6 giờ, có tiếng gõ cửa. Tôi ra mở thì đối mặt ngay với ba người cảnh sát gặp lúc chiều. Tôi lấy làm lạ sao họ chỉ đi ngang qua mặt tôi rồi đến thẳng chỗ Richard để đòi xem căn cước. Sau đó họ lục soát tất cả hành lý của anh ta nhưng chẳng hề động một thứ gì của tôi cả. Lúc ra về, tên đại tá, tôi đoán thế, còn quay lại nhìn tôi mỉm cười và chúc tôi ngủ ngon. Tôi nhớ rất rõ, lúc bấy giờ tôi có một cảm giác thật kỳ lạ - cái cảm giác mình đang vướng vào một cái gì thật khó hiểu, nhưng nó không thể nào làm hại tôi. Hay là về vô tư đã bảo vệ tôi được an toàn mặc dù mình đang có tội?

Trong buổi cơm tối hôm đó, Ronny giới thiệu chúng tôi với nhiều người ở địa phương mà hắn quen biết mật thiết. Cách chỗ ngồi của chúng tôi không

xa, tôi để ý thấy một anh Ấn Độ, khoảng gần 40, nhìn đáng ngồi có vẻ chán đời, đầu gục giữa hai cánh tay dang rộng trong tư thế như đang cầu kinh. Ronny giới thiệu người đó là Ahma, chủ nhân của khách sạn này. Nói xong, Ronny bước đến mời anh vào ngồi chung bàn với chúng tôi. Trong suốt buổi cơm, tôi để ý thấy Ahma cố gắng hết sức để tham gia vào câu chuyện, nhưng hình như anh ta không thể nào tập trung nổi. Rồi bỗng dưng anh ta oà lên khóc nức nở. Ronny tiết lộ rằng Ahma đang thất tình vì vừa bị một cô gái bỏ rơi. Tôi bước đến cạnh bày tỏ sự cảm thông, nhưng vô ích. Nỗi buồn đó không vơi được. Sau cùng, tôi hỏi tôi có thể giúp gì cho anh không thì Ahma ngưng khóc ngay, ngẩng đầu lên nhìn tôi và rồi yêu cầu tôi đi theo anh ấy. Đến văn phòng, Ahma chỉ cho tôi bức ảnh của một cô gái. Vừa thấy bức ảnh, tôi hiểu ngay tại sao anh ta đau khổ đến mức độ ấy. Đó là một thiếu nữ Ấn lai Pháp đẹp cực kỳ, có mái tóc đen dài và đôi mắt xanh rất thu hút. Tên nàng là Avril.

Ahma nhờ chúng tôi đến nhà Avril, gần Cochín, để mang nàng về cho anh. Anh ta hứa sẽ trả mỗi người 1.000USD, đồng thời sẽ lo vé máy bay cùng nơi ăn chốn ở cho tôi và Richard. Anh ta còn bảo mình đang sửa lại một lỗi lầm khủng khiếp và mãi mãi mang ơn chúng tôi với điều kiện là đừng bao giờ đề cập đến tên của anh khi gặp cô gái đó. Anh dặn thêm, nếu tình cờ có nói thì chỉ nhắc đến tên Arthur, một người đua ngựa mà nàng quen biết thôi. Việc này phải hoàn toàn giữ bí mật và không được tiết lộ với bất kỳ ai.

Tôi hội ý với Richard và trong khi chưa tìm được nơi lấy ‘hàng’ thì chúng tôi coi đây như một chuyến hưởng công việc khá thú vị. Nghe chúng tôi chấp thuận lời đề nghị này, Ahma càng khóc to hơn trước.

Ba hôm sau đến Cochín, chúng tôi bỏ cả buổi sáng đi la cà xung quanh khu vực um tùm cây cối của khách sạn tìm kế sách. Đến trưa chúng tôi vẫn chưa nghĩ ra điều gì ngoạn mục nên quyết định đi tới địa chỉ đã cho để xem có tìm được cái gì hay hay không. Nhà của Avril được bao bọc bằng một bức tường rất cao, khiến người ta nghĩ bên trong cất giấu một báu vật mà chủ nhân của nó không muốn cho ai nhìn thấy. Để ý một cái lỗ nhỏ chỗ

tường gỗ mà ai đó đã khoét sẵn trước đây, tôi ghé mắt nhìn vào tìm hiểu nguyên nhân tại sao nhà lại kín cổng cao tường đến thế và ý đồ của cái lỗ này là gì.

Khi nhìn vào bên trong, tôi thấy Avril đang ngồi trên bậc cấp phía sau nhà, trên người không mặc gì cả trừ mỗi cái quần short trắng. Nàng đang ngồi chải tóc, mái tóc đen mượt đổ xuống đến tận thắt lưng. Trước đây tôi chưa bao giờ được chiêm ngưỡng một vẻ ngoại lai nào lộng lẫy và tuyệt vời đến thế. Thảo nào Ahma không đau khổ và nổi khổ đó bây giờ đang chuyển dần sang cho tôi.

Chúng tôi vòng ra cổng trước rồi gõ cửa. Mẹ Avril ra mở, chúng tôi tự giới thiệu là bạn của Arthur và nói dối là Arthur bảo chúng tôi đến thăm Avril nhân dịp đi Cochín. Bà mỉm cười vui vẻ, mời vào nhà cho uống trà và ăn bánh.

Thoạt đầu Avril có vẻ dè dặt, nhưng sau đó thì cả bà mẹ và Avril đều hòa nhập vào câu chuyện của chúng tôi một cách thật thoải mái. Tôi không rời mắt khỏi Avril nhưng cứ làm ra vẻ mệt mỏi để che giấu những ý định của mình. Ngồi một lúc, tôi nóng ruột muốn mời họ ra ngoài ăn tối nhưng trong lòng cứ ngại sợ họ không chịu đi. Thật hết sức ngạc nhiên, họ nhận lời ngay tức khắc. Chúng tôi đưa hai mẹ con đến một nhà hàng đẹp nhất ở Cochín và gọi mấy chai champagne. Cả buổi tối hôm đó tôi thỉnh thoảng bắt gặp Avril nhìn tôi làm tôi bắt đầu thấy xao xuyến. Tôi biết mình đang bị sắc đẹp của nàng lôi cuốn. Đầu óc tôi hầu như quay cuồng trong những cảm xúc riêng tư đến nỗi không còn nhớ là mình đang uống rượu champagne của Ahma.

Sau buổi cơm, Avril rủ tôi ra vườn đi dạo với nàng. Hạnh phúc dâng lên làm tôi choáng ngợp đến độ hầu như không thể đứng dậy nổi. Lúc đi dạo, nàng tâm sự với tôi rằng nàng muốn tìm một nơi an toàn để mẹ con nàng thoát khỏi cảm giác nặng nề đang vây hãm, đồng thời nàng cũng muốn biết nhiều về bản thân tôi. Nàng hỏi tôi đang làm gì ở Cochín, tôi cảm thấy đau nhói vì những lời nói dối quanh co. Đến bên luống hoa, nàng dừng lại ngắt một đoá hoa cánh thật to, trắng muốt và quay lại trao cho tôi. Rồi chúng tôi ôm hôn nhau đắm đuối, say mê.

Khi về khách sạn, tôi kể hết cho Richard những việc đã xảy ra giữa tôi và Avril. Richard bảo rằng mối tình lãng mạn này sẽ mang đến cho hai chúng tôi một tai hoạ khó lường vì Ahma không phải là người không có quyền lực; hơn nữa, hắn đang đau khổ vì vụ này. Vậy thì chỉ còn cách nói dối rằng Avril từ chối không chịu đi theo chúng tôi thôi.

Trở về Bangalore, khi đến khách sạn tôi đã thấy Ahma chạy nhào ra với vẻ mặt vô cùng thất vọng. Hắn hỏi tới tấp: “Các anh không thành công à? Avril ở đâu?”. Nghe chúng tôi nói xong, mặt hắn chảy dài đau đớn. Hắn không tin những lời giải thích của chúng tôi nên cứ tiếp tục vặn hỏi. Cuối cùng, hắn ngỏ ý muốn gặp riêng tôi ở văn phòng của hắn. Tại đây, hắn nhìn thẳng vào mặt tôi và nói: “Tôi biết cậu có thể đem nàng về lại cho tôi. Tôi biết không ai ngoài cậu làm được việc này. Vậy tôi cần cậu trở lại Cochín”.

Giọng nói của Ahma lúc này không còn yếu mềm và nhát nhẽo như trước nữa mà rất cương quyết và đầy sức thuyết phục. Tôi nghĩ hắn không thể biết được điều gì đã xảy ra giữa tôi và Avril, nhưng một cái gì đó mách cho tôi rằng hắn có thể đã đoán ra. Nhưng hắn đâu có cần, miễn sao tôi mang được Avril về cho hắn thôi. Tôi không hiểu mình mũi lòng vì cảm thông với tâm trạng của hắn hay vì tình cảm của tôi dành cho Avril mà tôi nhận lời trở lại Cochín hai ngày sau đó bất chấp mọi tình huống có thể xảy ra. Cho đến bây giờ tôi cũng không biết nốt.

Khi thấy tôi đứng trước cổng, Avril chạy ào ra với vẻ mặt rất hớn hờ. Nàng xúc động và ôm chầm lấy tôi âu yếm. Qua mấy ngày liền chúng tôi quấn quýt bên nhau không rời nửa bước. Chẳng làm sao tả hết niềm hạnh phúc của tôi lúc bấy giờ. Vào buổi tối, Avril lấy xe gắn máy chở tôi đến thăm một ngôi làng ở gần đó. Ngôi làng này không có bóng một chiếc xe, không có máy móc,... không có bất cứ thứ gì ngoại trừ vài túp lều dựng lên bằng đất sét. Nó cổ xưa và lạc hậu đến mức tôi có cảm tưởng mình đang trở về thời kỳ nguyên thủy. Trước những ngôi nhà, tạm thời gọi như thế, vài ba người phụ nữ đang ngồi giã từng hạt thóc để lấy bột làm bánh. Giữa làng, một nghi lễ diễn ra thật kỳ lạ: một người đàn bà nằm dưới đất quằn quại và quăng tung tóe mấy thứ gì giống như nội tạng của bà ta. Trong khi đó, một

người đàn ông mặc đồ trắng đeo lưng lủng lẳng những chuỗi hạt đứng phía trên đầu bà này và lầm bầm khấn vái những câu gì mà tôi chẳng hiểu. Avril giải thích: ở đây người ta vẫn còn sử dụng tà thuật để chữa bệnh. Người đang nằm dưới đất đã bị quỷ ám nên thầy phù thủy phải đọc thần chú để hoá giải. Đồng thời lúc đó lại có một người đàn bà khác xuất hiện, tay ôm một con gà còn sống. Trong khi người phù thủy đọc thần chú thì bà này chặt phăng đầu con gà. Cái thân không đầu của nó chạy lòng vòng một cách đau đớn và điên cuồng, một lúc sau nó kiệt sức và ngã xuống thì người đàn bà bị quỷ ám kia có phần thư giãn hơn. Avril nói tiếp: “Như vậy ma quỷ từ trong thân thể người đàn bà đã chuyển sang con gà không đầu rồi đó”.

Vì chưa từng chứng kiến cảnh tượng này bao giờ nên tôi thấy rất khó chịu. Ngược lại, Avril có vẻ thật tự nhiên như thể đã quen với cái thế giới kỳ lạ này, cái thế giới hoàn toàn khác với thế giới mà chúng ta đang sống. Chịu, tôi không thể nào hiểu nổi.

Một đêm khi tôi và Avril đang ở trong khách sạn thì có tiếng điện thoại reo, Ahma gọi. Tim tôi đập mạnh đến nỗi tôi có cảm tưởng Ahma ở Bangalore cũng cảm nhận được. Tôi vừa trả lời anh ta là tôi đang ở khách sạn một mình và đồng thời cũng phải đánh lạc hướng để Avril không biết ai đang bên kia đầu dây. Ahma hỏi tôi đã gặp Avril chưa và nàng có chịu đi về cùng tôi không, tôi trả lời tôi chưa biết. Avril bắt đầu tò mò và tỏ chút lo ngại. Tôi quay lại mỉm cười để trấn an nàng rồi quay sang điện thoại nói chuyện tiếp với Ahma: “Tôi sẽ gọi cho anh sau khi có kết quả”.

Cuộc điện đàm vừa chấm dứt, Avril vặn hỏi tôi người gọi là ai. Tôi nói dối đó là Richard, anh ta muốn biết chừng nào tôi về lại Bangalore.

Khi nghe giọng Ahma, tôi mới sực nhớ lại mục đích sự có mặt của mình ở Cochin. Lúc đó nếu không tự chủ được, tôi suýt khai hết cho Avril rồi. Nhưng một cảm nghĩ lạ lùng xuất hiện buộc tôi phải giữ lời hứa với Ahma và rồi tiếp tục đánh lừa nàng.

Tôi ngỏ ý đưa Avril về Bangalore vì thật sự tôi không thể chịu được nếu bỏ nàng ở lại. Lúc đầu nàng từ chối viện lý do không thích Bangalore. Nàng

nói: “Em không thích trở lại nơi đó, mặc dù em rất muốn gần gũi anh”. Tôi yêu cầu nàng giải thích lý do, nhưng Avril chỉ lắc đầu. Tôi cố nài nỉ và hứa rằng khi về đây tôi sẽ không bỏ nàng một mình và hứa sẽ đưa nàng trở về thăm mẹ bất cứ lúc nào nàng muốn. Cuối cùng Avril đồng ý với điều kiện là chúng tôi phải di chuyển bằng xe hơi chứ không được đi máy bay vì nàng không muốn người khác gặp nàng ở phi trường. Điều này khiến tôi càng thắc mắc hơn, nhưng tôi không dám vặn hỏi thêm nữa vì sợ nàng đổi ý.

Tôi gọi điện thoại cho Ahma để giải thích tình huống. Hẳn không những không ngạc nhiên mà còn tỏ vẻ rất xúc động. Hẳn bảo sẽ thuê taxi để đón chúng tôi về. Trên suốt dọc đường, đầu óc tôi rối bời vì nhiều cảm nghĩ khác nhau: tình yêu đối với Avril làm tôi hạnh phúc, nhưng vì lời hứa với Ahma tôi phải phản bội nàng. Tôi thật không biết điều gì sẽ xảy ra cho nàng, nhưng lúc thấy Avril lộ vẻ sợ hãi tôi bắt đầu cảm thấy không yên. Tôi đang rơi vào một tình huống khó xử mà chưa nghĩ được cách giải quyết nào thỏa đáng cả. Trước khi xe vào địa phận Bangalore, tôi mới thấy quyết định của mình sai lầm một cách chết người.

Taxi vừa đỗ ở bãi của khách sạn Quốc tế Bangalore, mặt Avril bỗng tái nhợt và người nàng cứng đờ. Tôi hỏi nàng có việc gì không nhưng nàng chỉ lắc đầu và từ chối không chịu xuống xe... Quá muộn rồi! Ahma vừa nhận ra chiếc taxi và nhìn thấy Avril bên trong, hẳn chạy ào đến với vẻ mặt hết sức thỏa mãn. Trong lúc đó, Avril rũ rượi vì sợ hãi và tuyệt vọng. Nàng quay lại yêu cầu tôi giải thích... Tôi chết lặng người!

Ahma kéo Avril ra khỏi xe một cách thô bạo và lập tức lôi nàng vào khách sạn khi tôi chưa kịp lấy lại hơi thở. Về phòng riêng của mình, tôi nhớ đến việc vừa xảy ra và bắt đầu nghĩ cách đối phó.

Chiều hôm sau tôi xuống quầy rượu dò la tin tức của Avril. Tôi hỏi thăm mọi người ở đây nhưng chẳng ai biết nàng ở đâu, song qua cách trả lời thì rõ ràng bọn họ đã có sự đồng lõa với nhau. Cuối cùng tôi gặp được Ronny Monroe. Hẳn nhìn tôi ngạc nhiên thật sự khi nghe tôi tiết lộ hết những việc vừa rồi. Tôi choáng váng khi nghe Ronny nói: như vậy là Avril đang bị giam giữ tại đây, trong một căn hộ đặc biệt, ở đó có người mang vũ khí canh gác.

Mỗi đêm Ahma đưa nàng xuống phòng ăn của khách sạn để nàng đánh đàn guitar cho thực khách thưởng thức rồi đến khuya lại hộ tống nàng trở về phòng. Có nghĩa là trước đây Avril đã trốn một lần và rồi ngày hôm nay tôi lại mang nàng giao lại vào tay hắn, như thế thì làm sao hắn rời mắt khỏi nàng?

Tôi nài nỉ Ronny chỉ cho tôi nơi nàng đang ở. Đọc được ý định trong đầu tôi nên hắn nói ngay: “Chỉ có điên mới dám đương đầu với Ahma”. Ngoài tình cảm đối với Avril, tôi biết tôi không thể nào sống yên nếu bỏ đi mà không cố gắng đảo ngược tình huống khó xử tôi đã gây ra cho nàng. Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được Ronny. Anh ta chỉ cho tôi chỗ ở của Avril. Nó nằm trên tầng lầu ba của khách sạn, bên dưới ngay lối vào cầu thang lúc nào cũng có hai tên mang súng trường nòng 303 túc trực.

Trước khi trời tối, tôi quan sát cấu trúc của tòa nhà và tìm ra được một lối có thể đến chỗ Avril đang bị nhốt, lối này nối từ ban công tầng bốn. Điều này có hơi mạo hiểm nhưng tôi quyết định hành động thử xem sao.

Ngày hôm sau, chờ cho Ahma vắng mặt ở khách sạn, tôi leo ra cửa sổ của tầng bốn, bò theo mái dốc và đu mình xuống ban công bên dưới và đợi ở bên ngoài một lúc. Khi biết chắc không có ai khác ngoài Avril, tôi gõ cửa. Vừa mở cửa, Avril vừa mừng vừa kinh hãi khi nhìn thấy tôi. Nàng vội vàng kéo tôi vào trong và đóng ngay cửa lại. Avril bảo nếu Ahma biết được thì chết cả hai. Thật ngắn gọn, tôi giải thích những chuyện đã xảy ra và lý do tôi phản bội nàng. Những giây phút gần gũi bên nhau vừa lo âu lại vừa tràn ngập yêu đương, cuối cùng tôi bảo tôi sẽ làm mọi cách để giải thoát cho nàng. Trước khi từ giã căn phòng ‘nhà giam’ nhỏ hẹp đó, tôi hứa khi nào nàng ra khỏi chỗ đấy thì chúng tôi sẽ cưới nhau.

Mấy ngày tiếp theo tôi cất công đi tìm một vị linh mục để xin làm lễ cưới cho hai đứa, có như thế tôi mới chính thức đưa Avril về Úc được. Đi khắp nơi và đến chỗ nào người ta cũng bảo rằng tôi phải chờ ba tháng để làm các thủ tục pháp lý ở tòa án. Thời gian cứ thế trôi đi.

Trong lúc tôi vướng bận việc riêng của mình thì Ronny khám phá ra một đầu mối có thể cung cấp heroin với chất lượng tuyệt hảo, và anh ta còn tìm được một người hợp tác lo việc giấu hàng trong các hành lý mang theo. Như vậy có nghĩa là Richard và tôi sẽ rời Ấn Độ trong vài ngày tới.

Trước khi ra đi, tôi trở lại thăm Avril một lần nữa. Tôi cho nàng biết việc đám cưới gặp rất nhiều trở ngại. Bây giờ tôi bận công việc phải về Úc nhưng hứa sẽ sớm trở lại tìm nàng. Buổi chia tay thật buồn, cảm động. Avril yêu cầu tôi để lại cho nàng một vật gì đó để làm kỷ niệm. Vật đó sẽ nhắc nàng nhớ đến tôi trong thời gian chờ ngày tôi quay lại. Tôi chẳng có cái gì khác đáng giá ngoại trừ một chiếc lược, vật duy nhất đang nằm trong túi. Tôi bảo với Avril: “Vật này, anh nghĩ, rất thích hợp với em vì lần đầu tiên anh nhìn thấy em là lúc em đang ngồi chải tóc.” Giờ sắp chia tay, Avril ôm chầm lấy tôi khóc nức nở, rồi hai đứa hứa hẹn sẽ đợi nhau.

Cả ngày hôm sau, trước khi rời Ấn Độ, tôi lang thang xuống phố. Khi đi ngang qua nhà của một thầy bói, tự dưng tôi dừng lại và bước vào. Trong căn phòng tối tăm lơ mờ hiện ra dáng một bà già gầy yếu. Thoạt đầu, tôi nghĩ rằng bà này làm gì còn đủ hơi sức và đủ kiên nhẫn để cho tôi biết về việc xảy ra trong hiện tại hướng hồ nói chi đến chuyện tương lai. Tuy nhiên, tôi cũng ngồi xuống đối diện với bà. Nhưng những câu mở đầu bà thốt lên khiến tôi giật mình kinh hãi và có cảm giác như mình đang bị thôi miên. Bà ấy nói ngày sinh tháng đẻ của tôi đúng vanh vách, ngay cả giờ sinh của tôi nữa, trong khi tôi chưa mở miệng nói lời nào. Rồi bà tiếp tục cho tôi biết những điều sắp xảy đến. Bà ta bảo đến năm 25 tuổi tôi sẽ bắt đầu bước vào 10 năm lao đao, khổ nhọc, rồi tiếp theo phải chịu đựng những mất mát không tả xiết và nữa, tôi sẽ mắc một chứng bệnh hiểm nghèo nhưng nó không làm tôi chết đâu. Sau cùng bà còn nói thêm rằng có một người đàn bà tôi gặp trong cuộc đời, người này, theo lời bà, rất độc ác. Bà khuyên tôi không nên để người ấy cất giữ bất cứ món đồ dùng nào của tôi, ngay đến một sợi tóc cũng không, và tôi phải vô cùng thận trọng với người đó. Lúc sắp đứng dậy ra về bà còn dặn khi ra phi trường phải hết sức thận trọng và còn dặn tôi đừng bao giờ trở lại Ấn Độ nữa.

Trở lại Ấn Độ lần nữa sẽ gặp đại họa.

Chúng tôi lấy chuyến bay nội địa đến Madras, để từ đó mới chuyển máy bay đi Úc. Lúc đến cửa hải quan, tôi bắt đầu thấy lạnh xương sống vì trong những chiếc vali của chúng tôi chất đầy heroin. Ở đây tất cả các vali và hành lý xách tay bị lục soát rất kỹ. Đồ đạc nào sau khi kiểm xong thì được đánh dấu X lên trên và để sang một bên. Như vậy làm sao những chiếc vali này họ làm ngơ được. Nhanh trí, tôi và Richard bèn giả vờ dựng lên một màn kịch đánh mất chìa khóa. Đứa này sẽ đổ lỗi cho đứa kia hầu mong đánh lạc hướng sự chú ý của thuế quan.

Khi một nhân viên bảo tôi mở vali ra, tôi quay lại hỏi Richard chìa khóa. Hắn trả lời hắn không có giữ và tôi chưa hề giao chìa khóa cho hắn. Thế là cuộc cãi vã ầm ỹ bắt đầu, tôi làm bộ nổi cơn thịnh nộ, đá lung tung vào những chiếc vali như thể muốn chúng bật tung ra. Các nhân viên hải quan đứng nhìn và có lẽ họ cho rằng chẳng đời nào người ta muốn mở hành lý của mình một khi trong đó có cất giấu những thứ bất hợp pháp. Một tên thấy thế bèn trấn an và bảo tôi không cần thiết phải nổi giận, rồi đánh dấu X vào hành lý của chúng tôi, đồng thời xua chúng tôi qua cửa cho nhanh.

Nhưng tình hình khó khăn này chưa hết, chúng tôi còn một chặng đối mặt với máy bay ở phi trường Singapore nữa. Ở phi trường này chúng tôi buộc phải trình giấy thông hành và thẻ chích ngừa. Lúc đứng trước mặt các quan chức Singapore, Richard sức nhớ là giấy chủng ngừa của hắn không có trong xách tay mà để ở một trong những chiếc vali kia. Tôi nghĩ là họ sẽ thông qua cho chúng tôi, nhưng không, họ sai một người hộ tống chúng tôi đến khu hành lý để lấy tờ khai đó ra. Tự cho mình đóng kịch giỏi hơn Richard, tôi tình nguyện đi thay. Đóng vai một người hiền lành, thơ ngây và vui vẻ thật là một công việc hết sức nhức đầu. Một nhân viên hộ tống tôi đến khu hành lý. Anh ta mang súng đứng ngay sau lưng và ngoái cổ qua vai tôi nhìn chăm chăm trong lúc tôi lục hết vali này đến vali khác. Cuối cùng tờ giấy đó cũng đã tìm thấy, thế là chúng tôi được thông qua.

Chưa hết, trong lúc đợi hành lý xuất hiện trên băng chuyền tại phi trường Sydney, việc xử lý mấy cái vali này còn khủng khiếp hơn là khi ở Madras.

Một cái bị té đường may, chỉ cần chạm nhẹ là nó sẽ toạc ra và tuôn hết các gói heroin trước mặt đám đông hành khách đang tụ tập chung quanh. Tôi có ý định chuẩn đi và bỏ hết hành lý trên băng chuyền, nhưng lại nghĩ họ chẳng khó khăn gì mà không lần ra tung tích của tôi và Richard. Thế là tôi giật phắt mấy cái túi xách bỏ lên xe đẩy rồi tiến về phía lối ra, mạnh dạn tuyên bố với hải quan tôi chẳng có gì để khai cả. Tôi lại qua trót lọt! Như vậy, một lần nữa vận may đã che chở tôi trong mọi tình huống thảm khốc có thể xảy ra.

Mấy tháng sau tôi có mặt tại Ấn Độ vì một phi vụ khác. Đã đến đây rồi, tôi phải tới thăm Avril. Khi đi ngang qua khách sạn Quốc tế Bangalore, tôi nhìn thấy nàng đang ngồi trong khu vườn phía trước, đầu hơi cúi xuống. Tôi dừng lại. Và hình như linh cảm có người nhìn mình, nàng ngước lên. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau. Avril vẫn quyến rũ như thuở nào, nhưng trên gương mặt nàng biểu lộ một nét thật kỳ lạ mà trước đây tôi chưa từng thấy bao giờ - không ngạc nhiên, không biểu lộ tình yêu, không hằn nét thù hận, và không... không gì cả... - như thể nàng đang nhìn vào bóng tối mênh mông. Nàng khẽ cúi chào tôi rồi tiếp tục chải tóc, mái tóc dài đen mượt đổ xuống đến tận thắt lưng.

Tôi kể câu chuyện này chỉ để thấy rằng tôi thiếu thận trọng như thế nào. Sự việc như thế này, chẳng là khi đến Ấn Độ tôi đã gặp và ăn ở với một cô gái khác vào thời điểm tôi biết Avril. Vì thiếu suy nghĩ, dễ bị cảm kích và hơi quẩn trí nên tôi không thể kiềm chế cảm xúc sâu đậm và mạnh mẽ dù chỉ trong một khoảnh khắc, nhưng ngược lại tôi là người chuyên chở thuốc phiện lậu thật hoàn hảo.

Chuyến đi sang Ấn Độ lần này chỉ là việc ham kiếm tiền và sau đây là câu chuyện của tôi.

Các bạn nên biết, chỗ nào kiếm ra được nhiều tiền nhanh chóng thì chỗ đó sẽ dễ ra hàng vạn tên lừa đảo. Có những người từ khi sinh ra cho đến lúc lớn lên đã là những người có tư cách trong xã hội, trong khi đó những kẻ khác, như tôi, được sinh ra với bản chất không thật thà. Tôi không muốn đưa hết tên những người như thế ra đây vì thấy không cần thiết. Hơn nữa, nó có thể

ảnh hưởng đến tương lai của vài người khác. Đó là lý do mà trong câu chuyện này tôi đã loại bỏ hẳn tên của một vài nhân vật và thay bằng những biệt danh.

Dĩ nhiên, mãi đến hôm nay mấy tên đó vẫn còn tồn tại với bản chất man trá. Thịnh thoảng tôi nghe những chuyện đồn đại về họ như chuyện đồn về Elvis. Nếu tôi nêu đích danh họ ra đây thì lập tức tôi bị giết ngay. Vì thế tôi không làm.

Trong bất cứ tình huống nào, những gì tôi đã làm và những gì đã xảy đến cho tôi cũng tại ‘NÓ’. Tôi không muốn khởi tố người nào vì thật sự tôi chẳng muốn làm điều này. Để tự họ giải quyết lấy hoặc giao họ cho Thượng Đế, hoặc luật tạo hóa sẽ đào thải họ thôi. Điều này bây giờ đối với tôi không thành vấn đề nữa rồi. Tuy nhiên cũng có vài trường hợp ngoại lệ đáng lưu ý khác, tôi sẽ kể sau.

Khi trở về Sydney, tôi lập gia đình và có một đứa con. Tôi ao ước được nhắc nhiều đến vợ con tôi, nhưng trong câu chuyện này vợ con tôi không có dính dáng gì nên tốt hơn tôi không nên đề cập đến. Ngày nay họ đã tạo dựng lại cuộc đời mới rồi, thế nên tôi càng không muốn làm sống lại những đau khổ mà vợ con tôi đã chịu đựng, vì mục đích của một vài chi tiết thú vị được nhắc đến trong quyển sách này. Bây giờ mỗi lần nghĩ đến vợ con, lòng tôi lại quặn lên.

Khi bạn tổng giam một người nào dù có tội hay không hoặc khi bạn bắt bớ một kẻ vô tội, tất cả những người đó đều có tình mẫu tử, cho dù họ là một tên giết người đốn mạt nhất.

Vì những lý do hoàn toàn khác nhau, nên trong câu chuyện này, tôi rất muốn loại bỏ hẳn một nhân vật. Tôi muốn xem như hắn không còn hiện hữu trên thế gian này, song không thể được. Tôi không thể loại bỏ hẳn ra khỏi tiềm thức của tôi, vì hắn, chính hắn đã đóng vai trò chủ chốt làm thay đổi cuộc đời tôi khiến tôi không còn là người trong sạch nữa.

Tên hắn là William Sinclair. Mỗi khi đề cập đến hai từ này tôi cảm thấy hết sức khó chịu, như thế nhắc đến một con quỷ đội lốt người. Ước gì tôi có

thể nói tại sao mình có cảm giác về hắn như vậy, nhưng tôi không dám. Tôi không muốn nhắc tên hắn một lần nữa trong câu chuyện này, vậy từ đây tôi gọi hắn là ‘Lão Già’ cho tiện.

Tôi biết Lão Già trong một quán rượu ở Wynyard, nơi toàn thể câu chuyện này đã xảy ra. Lão thường cá độ ngựa đua cùng với một gã được xem như trùm đánh cá cược thuê chuyên nghiệp ở đó. Lão Già tự coi mình là một thương gia, nhưng chưa bao giờ dấn động đến công việc làm ăn thật sự của hắn: lúc thì ‘cố vấn về du lịch’, khi thì ‘môi giới về tài chính’. Và rõ ràng hắn rất giàu. Với cái mã bề ngoài ông ọ làm như mình là trưởng giả, hắn bắt chước giọng quý tộc và đi khắp nơi để giới thiệu mình. Sự thật, hắn không biết gì về tội ác do chính hắn gây ra mà sau này vì nó hắn cũng bị tổng giam vào tù. Nhưng chắc chắn hắn không phải là một tên ngu dại. Hắn rất xảo quyệt, độc ác và không hề quan tâm đến người khác, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến bản thân thôi.

Lúc đầu tôi chẳng biết gì về hắn cả nhưng sau này tôi mới nhận ra.

Lão Già nghe những thành tích vận chuyển ‘hàng’ của tôi - có lẽ thông qua Richard, người bạn đã bắt hòa với tôi vì một chuyện không đâu - và bắt đầu đánh hơi xung quanh. Rõ ràng là hắn muốn nhảy vào vụ làm ăn này. Tuy nhiên, để đạt được điều mình muốn, hắn phải loại trừ gã đánh cược ra để chộp lấy cơ hội.

Mấy tháng kế tiếp tôi bắt đầu đi đi về về ở các nước nhiều hơn - đi bằng vé của gã đánh cược. Tôi sang Hawaii, Los Angeles và vài vùng ở Nam Mỹ để thu mua cocain. Có lần trong một chuyến đi, người tôi phải tiếp xúc không chịu giao ‘hàng’ mà ôm tiền cọc trốn mất. Mặc dù ai cũng biết đây là chuyện thường tình xảy ra trong giới buôn bán ma túy, nhưng tôi bối rối và lo lắng gọi điện về báo cáo sự tình cho gã ‘đánh cược’. Thật là nhẹ nhõm khi nghe hắn bảo rằng chuyện đó không quan trọng, khi nào tôi trở về thì tôi và hắn sẽ chọn lọc lại.

Trong thời gian tôi vắng mặt, Lão Già nghe được việc này bèn nắm lấy cơ hội bơi nhò tôi bằng cách nói với gã ‘cá cược’ rằng tôi đã lấy tiền đó bỏ túi

riêng và khuyên đừng nên tin cậy tôi nữa. Thủ đoạn này khá thành công, bởi khi tôi trở về thì gã ‘cá cược’ liên tục quấy rầy, tuyên bố là tôi nợ hăn món tiền đó.

Một buổi tối tại quán rượu ở Wynyard, có hai tên lạ mặt tôi chưa từng gặp bao giờ tiến về phía tôi và thoi vào người tôi. Bọn chúng bảo: “Ê, mày thiếu nợ thì phải trả, nếu không sẽ gặp rắc rối to.” Nói xong chúng xúm nhau đập tôi tới bời. Chịu không nổi, cuối cùng tôi phải cam kết sẽ giải quyết món tiền trên vào cuối tuần. Lúc bấy giờ chúng mới chịu ngưng tay. Ngày hôm sau tôi đến gặp tên ‘cá cược’. Thấy mặt mày tôi tím bầm, hăn làm ra vẻ sững sốt và bối rối. Tôi bảo tôi dự định trả lại tiền cho hăn nhưng vào thời gian quy định đó tôi không thể có đủ số tiền như thế. Hăn im lặng một lúc - rồi để rơi cái bộ mặt thật - hăn nói tiếp: “Tao rất tiếc việc đã xảy ra, nhưng nếu mày trả cho tao, tao sẽ rất cảm kích.” Bây giờ nhớ lại tôi thật sự thấy hăn có vẻ buồn buồn và lúng túng vì sự việc đã xảy ra cho tôi.

Tôi phải vắt óc tìm cách làm sao để có tiền trả nợ. Lúc đó Lão Già xuất hiện, coi như đang đi thì tình cờ gặp nhau, hăn liền tuyên bố sẽ giúp tôi.

Chương 2

THÁI LAN

Thái Lan là một xứ sở có địa hình rất hấp dẫn và chưa từng bị đô hộ; điều này luôn luôn khiến tôi ngạc nhiên. Nhưng có lẽ dân Thái có sức chịu đựng đáng kính nể. Chính nhờ lòng kiên trì đã giúp họ chiến thắng các cuộc xâm lược, và một khi lòng kiên trì không còn nữa thì họ sẽ trở thành những con người độc ác nhất; dù đó không phải kẻ thù mà bất cứ người nào cũng muốn gây hấn.

Thái Lan, một đất nước mất trật tự về mọi mặt, chỉ có những tên ngốc hoặc nghiện ma túy mới thích thừa kế cái xứ sở này. Tôi nghĩ rằng nó không bị xâm lược chỉ trong một thời gian nào đó thôi. Ma túy vào Thái Lan khá dễ dàng như một trò đùa. Lần đầu tiên khi đến Bangkok, gã tài xế taxi ở phi trường đã hỏi ngay tôi hai câu: “Ông muốn đi đâu? Ông thích loại ma túy nào?”.

Dân Thái ở các vùng quê đã trồng và hút thuốc phiện từ hàng ngàn năm nay và không hề biết thế giới bên ngoài đang xôn xao về vụ việc này. Người phương Tây lên án họ đã làm những việc bất hợp pháp khiến người dân nghèo ở Thái Lan vô cùng lúng túng. Vì đối với họ, từ xưa đến nay, hút thuốc phiện được xem rất bình thường như chúng ta uống rượu vậy.

Chắc có lẽ vì áp lực của quốc tế mà chính phủ Thái đã áp đặt những hình phạt tàn bạo lên những người cố tình xuất khẩu ma túy. Nếu ma túy được hợp thức hóa thì Thái Lan đã đứng hàng đầu trong lĩnh vực tài chánh vùng Châu Á Thái Bình Dương lâu rồi.

Tuy nhiên, trong khi khoan hồng cho dân quê trồng cây thuốc phiện thì chính phủ Thái lại đòi tiền thật nặng trên việc buôn bán bất hợp pháp này. Chẳng khác gì đi siêu thị mua cà phê, trong khi trên kệ chất hàng đồng, bạn lấy một ít đem ra quầy tính tiền thì bị bắt giữ. Bạn thử nghĩ có vô lý không?

Có một điều khó hiểu là làm thế nào chính phủ khuyến khích cảnh sát thực thi việc này. Họ khích lệ bằng cách thưởng tiền cho mỗi cuộc bắt giữ có liên quan đến ma túy. Bây giờ thì tôi không chắc lắm, nhưng điều đó, theo nguồn tin đáng tin cậy, đã xảy ra trong năm 1978. Điều thú vị là để khích lệ các nhân viên cảnh sát tích cực ráo riết trong công việc này, chính phủ rao tiền thưởng tính theo phần trăm giá thị trường của ma túy lúc bị bắt. Vì lương hàng tháng của cảnh sát Thái không cao nên đã khiến cho khách du lịch thuần túy cảm thấy không yên lòng. Còn tôi, rất rõ ràng, tôi không phải là một trong những người du lịch trong sạch đó. Mặc dù tôi có nghe vài câu chuyện rất khủng khiếp về ngục tù, song nếu tất cả những nhà tù trên thế gian này không có những kẻ tuyên bố là mình bị oan thì chỉ còn lại vài tên cai ngục ra vào buồn chán! Cho dù bạn không biết nhiều về họ bằng tôi, chắc chắn bạn sẽ cho như thế là khôi hài để tin rằng lực lượng cảnh sát của một quốc gia vô tổ chức như cảnh sát Thái không nhúng tay vào chuyện tham nhũng. Nếu xui xẻo, bạn sẽ chứng kiến được cảnh đó diễn ra trước mắt. Tôi sẽ không bao giờ trở lại Thái Lan vì bất cứ một lý do nào nữa.

Tôi không nhớ đã đến Bangkok bao nhiêu lần rồi, nhưng duy có hai lần tôi gặp rắc rối. Lần đầu, tôi gặp Lão Già trong một khách sạn ở đường Patpong có tên là quầy rượu Texan. Hắn đang say mê một phụ nữ Thái và muốn cưới bà ta để về chung sống với nhau tại Bangkok. Đi cùng hắn lúc bấy giờ là một người Úc tên Neddy Smith, người này đang hỗ trợ tài chánh cho Lão Già.

Phải nói là vừa gặp Neddy tôi mến ngay. Neddy là một người có vẻ rất chân thật. Anh ta có thể giúp bạn bất cứ điều gì. Việc Neddy trở thành một trong những tội phạm người Úc khét tiếng nhất không rõ ràng tí nào. Trong buổi tối đó, mấy lần Lão Già gạt tôi qua một bên và cảnh báo tôi không được tiếp xúc thân mật với Neddy. Hắn nói với tôi Neddy là một người xấu

cần phải lánh xa. Cũng nhờ vậy mà tôi quen được Neddy và chúng tôi trở thành hai người bạn tâm đầu ý hợp. Khi trở về Úc chúng tôi thường xuyên giữ liên lạc với nhau.

Cũng trên cuộc hành trình này, tôi quen thêm một người nữa, người đó bảo rằng hắn có một số lượng lớn heroin chất lượng tuyệt hảo bán với giá rất rẻ và hắn còn cho biết những tay buôn ở Úc nhờ đó đã kiếm được một số tiền lãi kếch sù. Nghe nói đến heroin, tôi do dự một lúc rồi nghĩ đây là nơi dừng chân cuối cùng, nên tôi tiến hành quyết định vét một cú chót. Vấn đề còn lại là ‘Tiền’ thôi.

Chắc chắn đã có nhiều người, viết thư cho báo chí hoặc đài phát thanh lên án tử hình tất cả những ai buôn lậu ma túy, sẽ cho rằng tôi không còn là con ‘NGƯỜI’ nữa mà chỉ là một con thú nên mới có sự lựa chọn nhanh chóng và dễ dàng như thế. Nhưng tôi, ngay cả bây giờ, thì nghĩ khác. Tổng thống Harry Truman đã trăn trở suốt ba tuần lễ về việc có nên ném bom xuống Nhật Bản hay không. Ông ta còn biết trước dân bà và trẻ em vô tội sẽ bị biến thành tro bụi, nhưng rồi cũng đã cho thực hiện hành động khủng khiếp này, có phải vậy không? Như thế thì gia đình của những nạn nhân đó xem thời gian suy nghĩ của ông mới là một ‘sỉ nhục’ lớn. Còn với tôi, tôi làm điều này nhưng không nghĩ đến điều gì cả ngoại trừ nghĩ đến TIỀN. Tôi hành động quá nhanh. Tôi tham lam và ngu ngốc. Nhưng tôi cho đó không phải hành động giết người bởi vì tôi không chứng kiến người nào là nạn nhân của tôi và tôi cũng chẳng hề nghĩ đến họ. Tôi thiếu suy nghĩ và vô tâm. Thật sự, lúc bấy giờ, tôi cho mình cũng giống như một người làm việc ở quán nhậu phục vụ bia rượu cho những gã nghiện mà thôi.

Trên đường trở về Úc, có một chút rắc rối xảy ra trên máy bay. Ngồi ngay cạnh tôi là bốn người đàn ông mặc com-lê say túy lúy. Tôi chẳng muốn để ý làm gì, nhưng qua những mẩu chuyện của họ, bản năng tôi báo cho biết họ là thám tử.

Lúc tôi nhận ra điều này thì có tiếng thông báo trên loa của viên phi công trưởng. Máy bay đang gặp vấn đề; do đó, thay vì đến Sydney máy bay sẽ đáp xuống phi trường Melbourne. Tôi bắt đầu bồn chồn và tự hỏi: “Sao họ

biết được? Những tên thám tử này giả vờ say cốt để tôi không để phòng phải không?”

Lúc máy bay sắp hạ cánh tôi cảm thấy hơi yên lòng vì bọn họ đang bận rộn tìm lối ra, như vậy không phải họ cố tình theo dõi tôi. Do đó, tôi quyết định bám sát theo họ vì tôi cũng mặc com-lê, hi vọng người ta nghĩ tôi là thành viên trong nhóm vui nhộn này. Trong lúc đợi lấy hành lý, tôi quay lại nói đùa với viên thám tử, anh ta cười và trả lời một cách thật ngẫu nhiên. Nhưng khi hành lý nằm gọn trong tay rồi thì bỗng dưng tôi cảm thấy nhói ở ruột - một đoàn nhân viên hải quan xuất hiện nối đuôi nhau lục soát hành lý của từng hành khách. Tôi cho là mình chết đến nơi rồi, nhưng vẫn cố bám sát theo mấy tay thám tử. Biết đâu chừng đây là cơ hội duy nhất đem đến may mắn cho tôi.

Lúc tiến gần đến phòng thuế quan, tôi quay lại gã thám tử khi nãy nói đùa thêm vài câu và tôi chắc chắn một trong đám hải quan có người nhìn thấy. Một lần nữa, anh ta rú lên cười và lú lờ nói đùa lại. Vào lúc ấy, người đầu đàn nói chuyện với nhân viên hải quan và hình như hẳn có trình huy hiệu của đoàn - tôi không chắc lắm - xong hẳn quay lại với cử chỉ say xỉn chỉ vào đám chúng tôi như giới thiệu những người này đi cùng với nhau. Tên hải quan phất tay cho qua và thế là tôi đi theo nhóm của họ. Nhưng một tên hải quan nhìn tôi làm tôi cảm thấy bước chân của mình chậm lại. Lỡ tên thám tử đi đầu quay lại để xác định ai ở trong đoàn? Lỡ một trong bọn họ nhận ra tôi không thuộc vào nhóm của họ? Tôi cố gắng chống chọi từng cơn sợ hãi bằng cách nhìn thẳng vào người này, giả vờ say như các ông bạn thám tử kia, mỉm cười và gật đầu chào một cách lịch sự. Hẳn cười lại rồi cho tôi đi qua. Thật nhẹ cả người. Mấy tên thám tử này say đến nỗi không hề biết là họ vừa hộ tống một gã buôn ma túy qua cổng hải quan an toàn!

Tôi lập tức gọi điện cho người tôi tiếp xúc ở Sydney. Hẳn đang lên cơn đau tim khi nghe máy bay đổi hướng về Melbourne và không thể tin nổi tôi đã ‘hạ cánh’ an toàn. “Anh là một thiên tài” hẳn cứ lặp đi lặp lại trên điện thoại: “Anh là một thiên tài khát máu”.

Mấy tuần lễ sau, Neddy gọi điện mời tôi đi nhậu ở quán rượu trên đường Kingsford. Rõ ràng thành phố Melbourne nhỏ bé thật, người ta đã loan truyền về tài vận chuyển lậu heroin của tôi cùng khắp. Neddy rất thích cái tính bình tĩnh của tôi trước những việc dầu sôi lửa bỏng. Anh ta bảo xung quanh mình có rất nhiều người dễ mất bình tĩnh trước tình huống sắp xảy ra, vì vậy anh ta cần một người cộng tác như tôi. Tôi nhớ rất rõ anh ta đã nói với tôi như thế này: “Warren, tôi có thể hạ gục một người to gấp đôi tôi rồi ngồi xuống một nơi nào đó để ăn trưa chứ đi qua cửa thuế quan với một vali đầy ắp ma túy thì tôi không thể nào làm được. Về việc này tôi xin đầu hàng.”

Sau đó Neddy chở tôi đi lấy cớ là đến một quán khác, nhưng nửa đường anh ta dừng xe trước một căn nhà, bảo tôi ngồi đợi rồi chạy vội để vào thăm một người bạn. Chốc sau anh ta đi ra, chui vào xe. Tôi để ý thấy anh ta giấu một gói gì đó dưới chiếc áo jacket. Bất thành linh anh ta rút khẩu súng ra, chĩa ngay vào đầu tôi với một giọng cười giết người, tôi không thể nào quên được, và nói: “Rất tiếc, anh bạn, kết cuộc là đây.” Tôi kinh hoàng nhưng có lẽ trên gương mặt tôi lúc bấy giờ không biểu lộ nét sợ hãi nào cả. Hàng triệu câu hỏi thoáng qua trong đầu: “Tôi đã nhận xét lầm người? Tôi đâu cố tình xâm nhập vào lĩnh vực của anh ta? Hay là Lão Già phản đối việc tôi quan hệ với anh ta?”.

Rồi bất thần Neddy bỗng phá ra cười, giọng cười thật thân mật, và hạ súng xuống. Anh ta bảo: “Đùa thôi, để thử xem anh bạn phản ứng thế nào.” Nhưng tôi biết ngay đây không phải chuyện đùa. Máy giây kinh hoàng đó cũng đủ thử sự trầm tĩnh của tôi có đúng như lời đồn đại hay không. Neddy tung ngược khẩu súng rồi trao báng súng bảo tôi để vào hộp xe giùm anh ta. Tôi cảm thấy mình như đang bị thử thách một lần nữa nên từ chối. Nài nỉ không được cuối cùng anh ta mỉm cười rồi tự làm lấy. Sau đó hai đứa tiếp tục đến quán rượu khác để nhậu thêm một châu nữa.

Neddy cứ muốn tôi làm việc với anh. Khi nghe tôi kể về Lão Già, anh ta bảo tôi đừng lo vì gã này sắp về sống ở Bangkok nên không còn nhiều việc

để cho tôi làm nữa. Với Neddy, tôi không phải làm gì nhiều, chỉ cần mang tiền đi đây đi đó giùm thôi. Cuối cùng tôi nhận lời.

Anh ta đứng lên và hỏi bây giờ tôi có muốn đi với anh ấy không, đến gặp một người về công việc gì đó. Nghĩ đến cú chĩa súng vừa rồi, tôi bảo: “Thôi, tôi muốn ở lại uống thêm vài lon bia nữa.” Thấy nài nỉ không được Neddy bèn đi một mình.

Tôi cứ nghĩ mãi về hành động này của Ned. Điều gì sẽ xảy ra nếu anh ta đã gặp được người mà anh ta cố tìm kiếm? Cái gì sẽ xảy đến với tôi nếu tôi chịu cầm khẩu súng và để vân tay lại trên báng của nó? Tôi sẽ bị đổ tội giết người, Ned có thể hành động như thế đối với tôi không?

Từ ngày quen Ned, tôi chưa hề thấy anh ta tỏ vẻ gì là bạo lực cả. Chúng tôi đi chơi với nhau thường hơn và càng lúc tôi càng mến anh ta hơn. Ned có dáng người trung bình, đẹp trai song chẳng bao giờ dính líu gì với ai, ngay cả đàn ông cũng như đàn bà. Rồi dần dần tôi biết Ned là người sống ngoài vòng pháp luật vì tôi để ý thấy nhiều cảnh sát hay tiếp xúc với anh để báo trước những cuộc bố ráp sắp xảy đến cho vài người bạn của anh. Hình như cảnh sát, tội phạm, thương gia giàu có, ai ai cũng kính sợ Neddy Smith hết. Mặc dù có tham gia vào những việc làm ăn phi pháp nhưng tôi ít được báo động khi có mạng lưới như thế này tung ra.

Tôi chắc là các bạn sẽ thắc mắc tại sao tôi lại thích giao du với loại người như thế; chính tôi, ngày hôm nay, cũng tự hỏi mình điều đó. Lý do duy nhất tôi có thể giải thích cho các bạn: lúc bấy giờ tôi còn quá trẻ nên dễ bị ảnh hưởng; hơn nữa, vào cái tuổi này mà quen được một người hầu như ai cũng nể sợ, tôi cho đó là điều đáng hãnh diện.

Ned rất yêu gia đình mình. Nhân ngày sinh nhật Jamie, đứa con gái cưng của anh ta, Ned có mời tôi đến dự. Ngay trong buổi tiệc nghe có tiếng gọi cửa, Ned bước ra thì gặp hai tên cớm, trẻ măng và đầy nhiệt huyết. Họ đến mời anh tới đồn cảnh sát để thẩm vấn. Ned có vẻ chế giễu, cười nửa miệng và nói: “Chúa ơi, hôm nay sinh nhật con gái tôi. Hẹn ngày mai được không?”. Nhưng cả hai đều yêu cầu anh ta đi ngay lập tức. Ned nghe thấy

thế liền đổi ngay thái độ, anh ta rút lên bằng một giọng không còn bình thường nữa mà đầy vẻ hung ác: “Nếu bắt tôi phải đi ngay thì sau này hai người đừng hòng sống sót”. Một trong hai tên tỏ ra dạn dĩ; tuy nhiên, không thể giấu được vẻ sợ hãi. Hắn giục Ned đi và bảo đừng nói điều ngu ngốc như thế. Ned bây giờ trở uy thế của mình bằng giọng đe dọa: “Tôi không ngu ngốc và cũng chẳng xác láo. Tôi cho các anh hai giải pháp: rời nơi đây ngay hay muốn chết. Đơn giản chỉ có vậy thôi”. Không những tôi sững sờ mà hai tên cảnh sát còn sững sờ hơn. Trước kia chưa bao giờ nghe Ned dùng giọng đó nói với bất cứ người nào, huống hồ đây là cảnh sát. Tôi không chắc rằng anh ta có cố ý không, và hai tên cảnh sát lại càng không tin song cả hai đều rút lui sau khi đưa ra một lần nữa lời yêu cầu thật yếu ớt.

Trên tất cả mọi thứ khác, Ned là một kẻ giết người nhưng lại tận tụy với gia đình. Lúc nào anh ta cũng muốn điều tốt nhất cho gia đình mình và cho bản thân. Bất cứ kẻ nào cản trở điều anh mơ ước đều gặp rắc rối khó lường.

Lão Già đang trở thành cái gai bên hông Ned. Người ta đồn rằng vào một buổi chiều tại quầy rượu Texan, hắn nốc nguyên một chai rượu và say túy lúy rồi gọi điện thoại về nhà Ned nói lung tung về công việc làm ăn. Ned nổi nóng bảo hắn phải chấm dứt những câu chuyện như thế trên điện thoại, rồi cúp máy. Tối hôm sau, lão lại gọi một lần nữa, cũng lè nhè như đêm hôm qua, khiến Ned không còn kiên nhẫn nữa. Anh ta đã đầu tư rất nhiều tiền bạc vào công việc làm ăn với lão nhưng chẳng được gì ngoài chuyện bực mình.

Một tối, Ned diện tiết đến gặp tôi ở quán rượu. Anh ta vừa từ Bangkok về, ở đó Ned gặp Lão Già để bàn lại công chuyện làm ăn. Họ gặp nhau tại quầy rượu Texan, cũng trong tình trạng say xỉn, lão giới thiệu Ned với một người hoàn toàn xa lạ và oang oang nói công khai là Ned rất thích buôn bán heroin. Ned nổi quạu bảo lão hãy tỉnh lại và đừng nói đến chuyện như thế giữa những người lạ. Mặc dù lão cứ khẳng khẳng bảo rằng người bạn mới rất đáng tin cậy, Ned kết thúc ngay câu chuyện rồi bỏ ra về. Ned vừa về lại Úc để lo công việc nhà thì khám phá ra một điều, người mà lão giới thiệu ở Bangkok là một nhân viên của Welsh SAS và được đặt ở Thái Lan như một mật vụ của Khối Thịnh vượng chung. Chỉ có Thượng đế mới biết Lão Già

đã đào loại mồ nào để tự chôn hân. Ned không muốn mình dự phần trong đó. Lão Già phải ra đi thôi.

Một thời gian sau tôi gặp Paul Hayward, người sau này trở thành bạn thân thiết nhất của tôi suốt 13 năm. Paul là một quán quân về thể thao, một người tốt hơn những người tôi đã từng gặp. Là một võ sĩ quyền Anh, năm 1976 anh được Úc chọn làm đại diện trong kỳ thi Olympic ở Montréal, nhưng chỉ thời gian ngắn sau đó Paul ký hợp đồng với một công ty xuất bản, từ đó trong những cuộc thi thể thao anh ta chỉ tham gia chơi vậy thôi. Paul rất mạnh mẽ về cả thể xác lẫn tinh thần và là người sống rất có tình. Những gì anh làm đều xuất phát từ tâm chứ không phải vì muốn gây ấn tượng với người khác. Đó là con người của Paul.

Nhớ lần đầu khi tôi và Paul chưa quen nhau, trong một quán rượu, tự dưng có một tên đến quấy rầy tôi. Tôi chẳng thèm quan tâm. Đối với tôi, ai muốn tấn công về bất cứ chuyện gì tôi đều xem như chuyện vặt. Nhưng Paul thấy bức mình giùm bèn bảo gã, tuy bằng một cử chỉ rất hoà nhã nhưng không kém phần nghiêm nghị, hãy tránh xa và để yên cho mọi người ở đây vui vẻ. Rõ ràng tôi và Paul là hai kẻ xa lạ, vậy mà Paul đã đưa cổ ra bênh vực tôi. Dĩ nhiên anh ta chẳng sợ những tên thô lỗ ở các quán nhậu vì anh có võ, nhưng anh cũng chẳng cần chuốc sự bức mình vào thân như thế. Nếu bạn gặp những chuyện tương tự như vậy trước mặt Paul, anh ta cũng sẽ đứng ra bênh vực bạn ngay. Đó là điểm khá đặc biệt của Paul.

Paul còn là một cầu thủ chuyên nghiệp của liên đoàn bóng bầu dục Newton. Anh ta chiếm vị trí dẫn đầu khi tôi gặp anh năm 1978, như thế tuyệt đối anh chẳng có lý do gì để dính vào những sự kiện sau đây. Nhưng tại sao anh ta lại có một chỗ đứng trong câu chuyện đáng buồn này? Nguyên nhân là vì anh ta lấy Gail, em vợ hiện nay của Neddy Smith. Và đó là căn nguyên anh ta gặp tôi, Warren Fellows.

Paul đã làm rất nhiều việc có lợi cho Ned nhưng chưa bao giờ tham gia vào chuyện buôn bán ma túy xuyên quốc gia. Thật vậy, ở Bangkok, Paul chỉ mang tiền đến giao cho một người bạn của Ned thôi. Ned biết tôi sắp sang Bangkok nên đề nghị Paul đi cùng. Vào thời điểm này, tôi không chắc Paul

có biết việc làm của tôi hay không nhưng Paul biết tôi sắp đi Bangkok. Như đã nói với các bạn, tôi rất mến Paul; do đó, không thể nào tôi lôi anh ta vào chuyện này. Tôi kể cho Paul nghe mục đích chuyến đi của mình. Ban đầu anh ta hơi có vẻ sợ sệt, nhưng cuối cùng anh đồng ý đi với tôi. Chính bản thân tôi cũng thấy nhút nhát. Vào dịp đi Bangkok vừa rồi, tôi phải bỏ lại một lượng ma túy rất lớn. Lý do là nơi tôi đến lấy hàng chính quyền rất dễ phát hiện. Nếu cảnh sát Thái Lan quyết tâm thêm một tí nữa thì tôi nghĩ mình đã bị ‘dính’ rồi.

Để lọt vào Bangkok lần này, tôi quyết định mang passport giả. Nhờ một người bạn chuyên làm những loại giấy tờ này, không lâu sau đó tôi hành trang lên đường với cái tên: Gregory Hastings Barker sinh ngày 25 tháng 3 năm 1952. Bạn tôi đã lang thang trong nghĩa trang để tìm cho được một người có cùng thời gian sinh với tôi. Gregory Barker chết khi mới 14 tháng tuổi, chưa kịp có tên trong hồ sơ xã hội. Và tôi đã bước vào vị trí của người này.

Tôi cảm thấy cần phải xin lỗi cha mẹ của Gregory Hastings vì đã lôi con trai mình vào công việc phi pháp. Nhưng nếu ông bà ấy còn sống, tôi tin chắc rằng điều tốt nhất họ muốn là tôi không nên nói với họ về chuyện này.

Chương 3

NHỮNG DẤU HIỆU

Khoảng một tuần trước khi sang Thái Lan, tôi đang có mặt tại trường đua ngựa thì một anh bạn đến báo với tôi rằng: “Có một cảnh sát ở Manly gọi điện cho cha dượng của tôi hỏi rằng con ông có làm ăn chung với Warren Fellows không. Cha tôi trả lời chúng nó chỉ là bạn học cũ”. Tên cảnh sát nói: “Tốt, vậy ông nên bảo con ông tránh xa hẳn ra vì Fellows có dính đến việc chuyên chở lậu ma túy với số lượng khá lớn và đang bị chúng tôi theo dõi.” Và còn vài cảnh báo xác thực hơn nữa: Cảnh sát đang luôn để mắt tới từng hành động của tôi.

Hôm sau, tôi và Paul đến báo cho Ned biết điều này. Theo tôi nghĩ, Ned phải tỏ ra choáng váng, nhưng không thể tin được, anh ta không hề nao núng mà còn xem như đó là chuyện khôi hài. Toàn thể sự việc xảy ra quá lạ lùng đối với tôi, nên tôi tuyên bố rút lui khỏi công việc nguy hiểm này. Neddy không muốn tôi bỏ cuộc, anh ta cứ khẳng khẳng cho rằng nếu thật sự bọn cảnh sát có động tĩnh gì thì mình đã biết rồi. Câu nói này làm tôi hơi yên lòng. Tôi không biết mối quan hệ giữa Ned với cảnh sát mật thiết đến mức độ nào, nhưng tôi biết bất cứ hành động nào của họ anh cũng đều được thông báo trước. Dù vậy, tôi và Paul đều kinh hãi. Nỗi kinh hoàng này cứ ăn sâu vào cả hai chúng tôi. Cảm thấy nỗi lo này, Ned bằng giọng cương quyết sai Paul phải mang tiền đến Lão Già giùm anh ta. Paul trả lời sẽ không đi nếu tôi không đi. Riêng tôi, tôi chẳng muốn tí nào. Thái độ của chúng tôi làm anh ta mất kiên nhẫn. Thật sự, Ned không có vẻ gì đe dọa nhưng bằng một giọng khá thân mật, anh ta nói rằng chúng tôi đã làm anh thất vọng.

Paul biết chắc chắn nếu để Ned thất vọng có nghĩa chúng tôi tự đặt mình vào cái ‘rủi’ lớn hơn là chọn đi Bangkok. Như vậy chúng tôi đã bị dồn vào đường cùng.

Khi các bạn ở vào tình huống tiến thoái lưỡng nan như thế, muốn thoát ra thật cực kỳ khó khăn. Trong bất cứ một xã hội nào, khi ta xa rời người thân để bước vào cái thế giới bí mật vì tình bằng hữu đều bị phản đối; bởi lý do đó mà bạn phải mạo hiểm. Dù sao đi nữa, ở bên trong hình như vẫn an toàn hơn. Tôi đang nghĩ đến một hình khối. Khi bạn ở ngoài cái hình khối này, bạn sẽ thấy góc cạnh của nó thật sắc bén. Nếu bạn tiến lại quá gần hoặc cố bước vào bên trong có thể bạn sẽ bị thương tích. Nhưng khi đã ở bên trong rồi, bạn sẽ thấy nó là chỗ ẩn náu an toàn vì các bức tường phẳng phiu và góc cạnh không còn sắc nhọn nữa. Từ bên trong, ta có cảm tưởng nó là một vòng tròn. Khi nó lăn, nó sẽ gây thương tổn cho những người bên ngoài chứ không phải làm thương tổn bạn.

Và vì vậy chúng tôi miễn cưỡng nhận lời. Cuối cùng Ned đã thuyết phục được chúng tôi. Trong lúc đặt vé máy bay và khách sạn - vào thứ Ba cho ba ngày lưu lại - tôi đã sử dụng điện thoại nhà Ned. Thành thật mà nói tôi chẳng nhớ mình có làm như thế hay không. Có lẽ có. Và tôi nghĩ hành động này đâu có gì quan trọng. Khi vé vừa đặt xong trước hai ngày chúng tôi lên đường thì tôi khám phá ra lúc bấy giờ cảnh sát đã ở ngay sau lưng chúng tôi rồi. Nhưng tôi hoàn toàn không hề hay biết cảnh sát Thái Lan đang đợi tôi trở lại đó từ tháng Hai.

Chiều ngày 2 tháng 10 năm 1978, chúng tôi đón taxi để đến nhà một người thường hay chở Ned; hẹn với anh ta mai đưa chúng tôi ra phi trường như đã sắp xếp trước. Nhưng khi đến nơi chúng tôi thấy nhà cửa trống trơn và cũng chẳng thấy bóng dáng anh ta đâu. Hiện tượng này rất lạ, nhưng vì quá vội và không còn thời gian để tìm hiểu, chúng tôi bèn gọi taxi khác để kịp chuyến bay số 5 của hãng hàng không Qantas. Lúc máy bay băng qua Đại Tây Dương được nửa đường, Paul mới mở miệng nói câu đầu tiên trong ngày: “Tôi nghĩ, chúng ta đã thoát.”

Bên ngoài phi trường Don Muang ở Bangkok, Noi, người thường xuyên liên lạc, đang chờ chúng tôi trong chiếc taxi màu đen. Lúc chờ chúng tôi vào thành phố, hắn có vẻ bồn chồn. Tôi hỏi nguyên nhân thì hắn trả lời có vẻ hơi cáu kỉnh. Hắn cho biết vừa có hai người Trung Quốc mới bị hành quyết vì liên quan đến ma túy, thế thôi. Khi anh ta thả chúng tôi xuống khách sạn Montien, nơi chúng tôi đã đặt vé trước, tôi có dặn anh ba ngày sau trở lại để thu xếp việc làm ăn.

Ngày hôm sau, Paul đề nghị đến quầy Texan trên đường Patpong để uống rượu, nhưng tự nhiên tôi cảm thấy không muốn đi tí nào. Trước ngày rời Úc, Ned căn dặn chúng tôi từ đây trở đi phải tránh xa Lão Già vì anh ta không còn làm ăn chung với lão ấy nữa. Thay vì đến quán, chúng tôi đi mua sắm. Cửa hiệu đầu tiên chúng tôi vào là Natty Gems, một tiệm nữ trang mà có lần tôi đã đến mua ngọc. Vừa bước qua cửa tôi suýt va vào Lão Già. Vừa thấy tôi và Paul, mặt lão rạng rỡ hẳn lên. Không để mất thời gian, lão nài nỉ chúng tôi đi uống chung vì nóng lòng muốn biết tại sao chúng tôi có mặt ở đây. Không làm sao từ chối được, chúng tôi đành nhận lời. Suốt buổi nói chuyện lão thất vọng hoàn toàn vì không khai được thông tin nào từ chúng tôi cả. Paul cũng hiểu rằng tôi và Ned đã nhất trí loại lão ra khỏi công việc làm ăn chung. Do đó, Lão Già trở nên giận dữ và lộ vẻ thất vọng ra mặt.

Cái trớ trêu là buổi họp mặt ba người hôm đó đã bị theo dõi mà tôi hoàn toàn không biết và vẻ tuyệt vọng của lão lại được coi như một bằng chứng cho sự dính líu trong công việc của chúng tôi sau này.

Vào ngày thứ Năm, Noi đến gặp tôi bảo là hắn đang gặp rắc rối trong việc mua ‘hàng’ vì người ta đòi lấy tiền trước. Tôi hẹn hắn đến khách sạn để đưa và hứa trả công cho hắn khi nào hắn trở lại. Đến thứ Bảy vẫn chưa thấy tin tức gì của Noi, tôi bắt đầu lo lắng. Nhưng tôi nhớ rất chính xác những cảm giác vừa sợ hãi, vừa nhẹ nhõm lúc bấy giờ đang nháo nhào trong đầu tôi. Xét ra Ned không thể tin chuyện Noi bỏ đi với số tiền mặt đó được, nhưng ông ta sẽ cho rằng tôi và Paul sợ quá đến mất trí nên đã để điều này xảy ra. Tuy nhiên, tận cùng trong thâm tâm, tôi cho rằng khi trở về với hai bàn tay trắng vậy mà dễ chịu hơn.

Từ khi chuyến đi đặc biệt này bắt đầu, tôi cảm thấy vận may của tôi - bù lại mệnh đã theo tôi trong những chuyến làm ăn như thế này trong nhiều năm qua - đã chấm dứt tại Manly. Tôi vừa mới thấy thoải mái với viễn cảnh tương lai của mình thì Noi gọi. Hẳn bảo mọi chuyện đã ổn hết rồi, đừng lo.

Hôm sau, hẳn đến khách sạn Montien với hai túi xách đăng sau cốp xe. Tôi đưa tiền công cho hẳn và nói còn 4.000USD nữa, thứ Tư đến chở chúng tôi ra phi trường tôi sẽ trả nốt. Mang hai túi xách lên phòng, tôi mở ra kiểm lại hàng rồi dồn tất cả vào một chiếc vali tôi mua để mang về. Paul đề nghị nếu tôi khôn ngoan thì cứ để chiếc vali đó ở phòng anh, vì anh ít có lý do để bị nghi ngờ.

Nhưng mấy ngày sau đó, tôi thấy Paul ngày càng trở nên bồn loạn. Vào cái đêm chúng tôi chuẩn bị trở về Úc, hai đứa rủ nhau đi uống rượu trên đường Patpong. Paul nói về ma túy và mỗi cử chỉ của anh đều lộ vẻ sợ sệt. Để trấn an Paul, tôi tình nguyện giữ chiếc vali đó trong thời gian còn ở lại Bangkok. Nghe thế, Paul có vẻ bình tĩnh hơn. Đêm cũng khá khuya và chúng tôi cũng đã say rồi. Hai đứa bàn tính sẽ làm gì khi về lại Úc. Paul bảo với tôi chuyện này khiến anh chẳng yên lòng chút nào và tuyên bố nhất định sẽ không dính đến việc làm ăn này nữa. Hai đứa thấm mệt nên quyết định về khách sạn ngủ.

Lúc bước vào trong sảnh, người giữ cửa gọi chúng tôi lại và lấy một mẫu giấy từ trong hộp thư đưa cho tôi. Trong thư viết: ‘Xin lỗi, ngày mai tôi không thể chở hai ông ra phi trường được, vì bận. Ký tên, Noi.’

Tiếng chuông báo động dồn dập vang trong đầu tôi. Noi quá bận đến nỗi không đến lấy 4.000USD, một món tiền quá lớn chưa chắc gì cả cuộc đời anh ấy kiếm được một cách dễ dàng như thế là điều vô lý hết sức. Người tài xế ở Sydney biến mất, rồi bây giờ người tài xế ở đây cũng bỏ rơi chúng tôi.

Tôi biết tin này sẽ đưa Paul vào tình trạng điên loạn hơn, nên quyết định lặng thinh, chúng tôi về phòng Paul nói chuyện một lúc. Do say quá nên tôi cũng chẳng nhớ mình đã nói những gì vào đêm hôm đó. Bây giờ nghĩ lại tôi

vẫn còn cảm thấy ngượng. Tôi thức dậy không biết lúc đó đã mấy giờ rồi, và vì chưa tỉnh rượu nên khi trở về phòng tôi quên xách theo chiếc vali.

Nằm trên giường mình, tôi cảm thấy một mối lo kỳ lạ. Vấn đề đưa heroin vào Úc là một chuyện hết sức xa vời. Đó là cảm giác bất chợt xảy đến với tôi. Nhớ lại tất cả những dấu hiệu đã xảy ra trên đường đi, trong một thoáng tỉnh táo, tôi nghĩ tốt hơn là đem trút tất cả heroin vào bồn tắm rồi giạt nước cho nó trôi phứt là xong. Tôi choàng dậy để thực hiện nhưng rồi nhớ ra chiếc vali vẫn còn nằm trong phòng Paul. Và cái giây phút định mệnh trong đời tôi đã điểm, tôi lại nằm xuống và suy nghĩ thêm. Nhìn đồng hồ, lúc đó đã 8.30 sáng.

Trong mấy phút ngủ lại chập chờn, tôi mơ thấy một cái gì đó rất nguy hiểm đang đuổi theo mình. Tôi chạy băng qua một khu rừng, giẫm nát thảm lá mùa thu bên dưới chân. Tôi không thấy người đuổi theo nhưng chỉ nghe được và cảm nhận được, thế thôi: một cái gì rất hung tợn đang săn đuổi mình. Tôi hét lên trong lúc chạy, nhưng tiếng hét vẫn nằm trong cổ họng không thoát ra được. Rồi tự dưng tôi bước ra một chỗ quang đãng. Chính giữa nơi này có một pho tượng bằng đá đểo hình một người đàn ông có râu quai nón đang ngồi trên ngai, mắt nhìn thẳng về phía trước, tay phải ông ta cầm một cái đinh ba, nhưng đã gãy mất một cái chĩa chính giữa. Tôi đứng bất động trước pho tượng trong nỗi kính sợ. Rồi tôi nghe tiếng chân người đó đuổi theo tôi tới đây, đúng lúc tôi tưởng nó sẽ chụp lấy tôi thì nó cũng dừng lại. Chầm chậm tôi ngoái cổ nhìn, cái bóng của người thợ săn bắt đầu hiện rõ. Tôi choàng tỉnh dậy.

Có ai đó đang gõ cửa phòng tôi.

Chương 4

ĐỊA NGỤC

9 giờ sáng thứ Tư ngày 11 tháng 10 năm 1978.

Thiếu tá Vyraj tự giới thiệu mình là nhân viên của Sở Di Trú nên trong một thoáng tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Song qua cuộc điện đàm trên bộ đàm của hắn, tôi bắt đầu choáng váng. Toàn thân rụng rời, ruột gan như đảo lộn, tôi quy ngay trên nền nhà. Vậy là cuộc đời của tôi trong cái thế giới mà nó đang hiện hữu đã bất thành linh vọt ra khỏi sự kiểm soát của chính mình.

Mấy cảnh sát Thái Lan trang bị súng ống đứng tản mác khắp phòng, bập bẹ những gì tôi chẳng hiểu. Có tiếng quát tháo đầu đó trong khách sạn rồi chúng lôi tôi xuống tầng dưới đến phòng của Paul. Anh ta đang bị ép vào tường bằng những khẩu súng chĩa vào đầu, trong khi những tên khác thì đứng dạng chân trên chiếc vali màu đỏ. Chúng đồng thanh nói với Vyraj bằng giọng khẩn cấp làm hắn quay lại bóp mặt tôi mạnh đến nỗi tường chừng xương gò má của tôi sắp vỡ ra.

“Chiếc vali này dùng khóa số. Nói số cho tao đi.” Tôi đọc số cho hắn: 265. Một tên mở vali. Tôi như người mất trí vì sợ hãi nhưng vẫn còn ngu ngốc bám lấy hy vọng rằng chúng sẽ không giở chiếc khăn xanh đang bọc 24 gói thuốc heroin chất lượng hạng 4 trong đó. Một sự yên lặng lơ bịch bao trùm căn phòng khi chiếc khăn được nhấc khỏi vali. Tôi muốn khóc nhưng cơ thể tê liệt đến độ một việc đơn giản như thế tôi cũng không thể làm được. Tôi biết mình sắp chết. Vyraj sung sướng một cách điên cuồng. Hắn đẩy tôi ra ban công và dí đầu tôi qua một bên để tôi nhìn thấy cái cảnh tấp nập trên

đường phố và những con hẻm bẩn thỉu bên dưới. “Nhìn những người dưới kia đi” hăn gầm lên và lắc lắc đầu tôi như lắc một món đồ chơi. “Mày không thể nào quên họ được! Không ai trong số những người đó cứu mày đâu! Hãy quên cái chuyện Lãnh sự của mày đi! Đừng nghĩ đến tìm luật sư vô ích!”. Hăn vận đầu tôi xoay lại đến lúc cặp mắt tôi chỉ còn cách mắt hăn có mấy phân. Và từ bên ngoài cái độc ác đó tôi nghe vọng lại câu: “Bản mặt tao là thứ duy nhất mà mày sẽ gặp dài dài trong tháng tới thôi đấy”.

Chúng tôi bị còng tay đưa xuống tiền sảnh của khách sạn. Một điều không thể tin được là lúc đi ngang qua cái bàn đặt ở tiền sảnh, tên gác cửa còn đưa cho chúng tôi tấm hóa đơn tiền phòng.

Họ đẩy chúng tôi thật nhanh bằng qua những con đường của Bangkok để đến một tòa nhà rất rộng xây thật kiên cố. Vào bên trong họ bảo chúng tôi ngồi xuống trước một cái bàn trên đó toàn là những gói heroin và không được nói gì khi chưa được hỏi tới. Phóng viên nhà báo đến.

Thái độ thù nghịch của đám cảnh sát thật kinh dị, đặc biệt là tên Vyraj. Mặc dù hăn tạt vào mặt chúng tôi bằng những cơn thịnh nộ tới tấp nhưng không giấu được nét khoái chí. Hăn đi tới đi lui trong phòng như một con chó đại và sau này tôi biết người ta đã đặt cho hăn cái biệt danh là Chó Điên Vyraj.

Hăn bắt đầu quát tháo vào mặt tôi, bảo rằng hăn đã đợi tôi từ đầu năm nay vì tội cố tình buôn lậu ma túy ra khỏi Thái Lan trên chuyến tàu từ tháng Hai cơ đấy. Hăn chờ tôi ở Bangkok cách đây 8 ngày. Bây giờ tôi đang nằm trong tay hăn và chắc chắn theo luật pháp, hăn sẽ cho tiểu đội hành quyết xử bắn tôi. Tôi không biết phản ứng thế nào với cái tin này. Thật lố bịch, cả những tên cảnh sát khác đứng trong phòng cũng im thin thít.

Tôi nói chúng tôi cần một luật sư. Vừa nghe thấy thế Vyraj nổi điên lên, hét ầm ĩ rằng chúng tôi không có quyền có luật sư, chúng tôi là thứ rác rưởi và chỉ có chết mà thôi. Hăn cúi tiết hơn lúc nói. Những lời hăn văng ra như đổ thêm dầu vào cơn giận dữ đó. Hăn rút khẩu súng lục và ném phịch xuống bàn trước mặt chúng tôi rồi rống lên: “Chúng mày muốn chết bây giờ phải

không? Nói đi.” Hăn lồng lộn chồm về phía tôi, lại một lần nữa, đôi mắt của hăn là cả thế giới đang đối diện với tôi. “Với tao, cuộc sống của tụi mày không là gì cả.”

Đôi mắt hăn khá đen. Hăn muốn nói thể thật sự. Hăn mất nhân tính rồi. Điều này không thể nào có thực được. Từng lóng xương trong cơ thể tôi như nhũn ra vì sợ hãi. Tôi muốn khóc thật to vì nghĩ cuộc đời thế là hết. Tôi cảm thấy Paul đang run bên cạnh. Tôi nghe Chó Điên nạt nộ Paul nhưng không nghe Paul trả lời bởi vì tôi đang lắng nghe âm thanh sự sợ hãi của riêng mình. Cái âm thanh đó được hình thành như một tiếng động lạ lùng thoáng qua đầu tôi. Tôi phân vân không biết mẹ tôi ở nhà đang làm gì ngay phút giây này.

Chó Điên muốn có được Lão Già. Hăn bảo hăn biết Lão Già đứng đằng sau vụ này. Tôi và Paul đều bảo chuyện đó sai sự thật nhưng Chó Điên cho chúng tôi là đồ nói dối. Hăn khẳng khẳng đã thấy chúng tôi làm ăn với nhau, rằng nếu chúng tôi công nhận Lão Già là ‘đầu têu’ thì chúng tôi sẽ được sống sót và có thể chỉ bị kết tội tàng trữ chất quốc cấm thôi. Nếu cứ kiếm cách nói dối để bảo vệ lão ta thì chúng tôi sẽ bị kết tội cộng tác mua heroin để xuất khẩu và sẽ bị xử tử.

Chó Điên tuyên bố rằng chiếu theo Điều 27 luật quân sự, chúng tôi sẽ bị tử hình ngay mà không cần xét xử gì cả. Hăn bảo hăn đã giết nhiều tội phạm về ma túy theo cách này rồi và bây giờ rất hân hoan giết thêm một lần nữa. Hăn còn nói mình đã kiến nghị lên thủ tướng Thái, Kriangsak Chamanand, và chỉ còn chờ trả lời thôi. Không lâu đâu vì hăn đã gửi đi bằng điện tín.

Chó Điên bước ra khỏi phòng và sau đó trở lại với hai tờ giấy viết bằng tiếng Thái. Hăn đặt lên bàn trước mặt chúng tôi và dùng cây thước gỗ có bịt một dải kim loại nặng nề gõ lên đó và bảo chúng tôi ký vào. Tôi yêu cầu dịch nội dung cho chúng tôi nghe, hăn bỗng phá lên cười rồi quay sang hai tên cảnh sát đứng ngay đó nói líu lo một hồi, chúng nó cũng cười theo. Sau đó hăn tiến đến đứng sát sau lưng tôi, dùng thước gỗ nhẹ lên vai tôi. Hăn chồm lên, tôi cảm thấy hơi thở của hăn bên tai mình và hăn nói: “Mày tưởng mày cứng rắn lắm hả?”. Tôi trả lời: “Không phải vậy.” Nhưng hăn tiếp tục

nói thắm vào tai tôi: “Được, mày thích nghĩ mày gan lắm. Mày cứ nghĩ thế đi. Mày không ký phải không? Mày nghĩ mày đủ cứng rắn để tồn tại sao? Mày nghĩ mày qua được tao à? Thưa ông Warren,” hắn thở dài rồi đứng thẳng lên, nói tiếp: “Tao sẽ canh chừng mày.”

Cây thước gỗ đó cứ liên tục nện trên đầu tôi làm tôi gần bất tỉnh. Chó Diên đè đầu tôi xuống bàn bằng cả sức nặng của hắn. Sau đó, hắn rời phòng để chúng tôi ở lại với mấy tên lính khác. Tôi và Paul cố gắng nhích lại gần nhau để dễ trao đổi, nhưng mỗi lần chúng tôi nhúc nhích là bị chúng đập ngay.

Một người đàn ông cầm xấp tài liệu bước vào, ông ta tự giới thiệu mình là đại diện của Lãnh sự quán. Tôi yêu cầu cho chúng tôi một luật sư, nhưng ông ta bảo lúc này chưa cần, rồi bắt đầu hỏi tên họ chúng tôi, ngày sinh và ai là người thân gần gũi nhất. Ông ta hình như rất bồn chồn nên viết thật chậm, và hỏi chúng tôi có cần một linh mục không. Nghe câu này, tôi và Paul sững sờ và rất bối rối. Chúng tôi hỏi lại như thế có nghĩa gì. Ông ta xin lỗi với vẻ lúng túng rồi hứa chốc nữa sẽ quay lại. Một phút sau đó tôi nghe giọng ông ta và Chó Diên ở ngay phòng bên cạnh. Không lâu, ông trở lại ngồi vào bàn và giải thích rằng chúng tôi bị kết tội theo điều luật 27 và sẽ bị xử tử hình.

Ruột gan của tôi như muốn nổ tung ra. Tôi sắp chết rồi ư? Tất cả điều tôi biết và sẽ biết đều ngưng lại sao?

Người đại diện đó bỏ đi, còn lại hai người ngồi đây chờ giờ hành quyết.

Chó Diên giận dữ quay lại, hắn đi thẳng đến Paul đánh đập túi bụi, rồi lôi Paul đứng lên kéo anh ra cửa. Hắn bảo hai tên cảnh sát đứng ngay đó mở cửa cho hắn. Chiếc cửa này hướng ra một khoảng sân. Trong mấy giờ liền bây giờ tôi mới được nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Chó Diên rút khẩu súng ra, trút hết đạn trong nòng và chìa vào mặt chúng tôi, nói: “Đây là loại đạn dum-dum khi bắn vào chỉ có một lỗ nhỏ, nhưng khi xuyên qua cơ thể con người nó có sức tàn phá khủng khiếp.” Hắn nói hắn sẽ dùng loại đạn này để bắn Paul, nhưng vì biết Paul cũng là dân thể thao giống hắn nên hắn cho Paul một cơ hội sống còn. Hắn cho Paul chạy 100 yards trước khi bị bắn.

Nếu hắn bắn hụt, Paul sẽ được tự do. Trường hợp ngược lại thì hắn sẽ nói là Paul cố tình tẩu thoát. Chó Điên bảo như thế là quá công bằng vì đảng nào chúng tôi cũng chết.

Paul không chịu. Chó Điên dùng khẩu súng ấn rất mạnh vào gáy anh và đẩy anh ra phía cửa. Hắn nói nếu Paul không chạy hắn sẽ bắn ngay tại chỗ. Hắn nâng khẩu súng ngang ngang ngang Paul và lên cò. Tiếng ‘tách’ của cò súng làm Paul giật nảy người và lao đảo về phía sau, nhưng hắn ta cứ đẩy Paul về phía sân. Paul kháng cự lại thì bị hai tên lính nạt vào mặt và tiếp tục lôi anh ra ngoài nắng. Tiếng la và kháng cự cứ tiếp diễn không ngừng. Paul bắt đầu trở nên hung hãn vì kinh khiếp. Biết Paul sắp bị giết, tôi không thể nào ngồi chứng kiến cảnh này thêm. Tôi bèn la lên: “Tôi đồng ý ký tên.”

Lão Già xuất hiện. Lão nhìn chúng tôi với con mắt khinh miệt vì Chó Điên nói rằng chúng tôi đã khai lão là người chủ chốt. Lão cố sử dụng thái độ mềm mỏng thường ngày để phản ứng kịch liệt nhưng tôi nhận thấy điều đó càng làm bản chất muốn giết người của Chó Điên nổi dậy nhanh chóng hơn. Hiện diện lúc bấy giờ có thêm một số viên chức cao cấp Thái và vài đại diện của lãnh sự quán Úc. Không khí hung hăng lúc này lên đến cực độ!

Trời bên ngoài đã chập tối, họ xích chúng tôi lại và đưa ra xe để chở về phòng điều tra cảnh sát thuộc đơn vị phòng chống ma túy cách đó không xa lắm. Họ nhốt Lão Già và chúng tôi cách biệt để tránh sự thông đồng, không nghi ngờ gì nữa.

Nhà tù không có giường song tôi cố xoay xở để dễ giấc ngủ. Tôi ngủ ngon và không mơ những giấc mộng hãi hùng, không cần thiết nữa.

Đến 6 giờ 30 phút sáng, họ lại lôi chúng tôi tới phòng thẩm vấn và 8 hay 9 giờ đêm lại đưa chúng tôi về. Thịnh thoảng có đại diện của Lãnh sự đến thăm nên Chó Điên không dám đánh đập, hành hạ thể xác chúng tôi, hắn xoay qua dùng đòn tâm lý. Hắn nói không ngừng, lặp đi lặp lại câu: “Cuộc đời của tụi mày không còn gì cả”, và tôi tin hắn. Hắn dùng đòn tâm lý thật tuyệt chiêu. Phải nói là tôi rất nể hắn việc này.

Chúng tôi được cho biết hãn thu thập đầu ra một xấp hồ sơ gồm 200 trang và đã chuyển lên thủ tướng để yêu cầu xử tử chúng tôi ngay, nhưng không rõ chừng nào sẽ tiến hành. Sống trong nỗi ám ảnh, lo sợ giờ này qua giờ khác khiến chúng tôi phát điên lên được.

Tên Chó Điên còn bắt chúng tôi ký tên vào một số giấy tờ nữa. Hãn sử dụng hết quyền hành của hãn buộc chúng tôi làm tất cả những gì hãn muốn. Một hôm trong lúc ngồi thẩm vấn, hãn đã dùng mũi giày đinh của hãn gõ vào ống chân tôi. Tuy cái gõ có vẻ nhẹ nhàng nhưng cứ liên tục mấy tiếng đồng hồ liên làm cuối ngày hôm đó tôi không tài nào đứng lên được. Tôi quỵ xuống nền nhà, bắp thịt chân tôi đã bị dập nát!

Một buổi sáng chúng tôi thấy một tờ báo ai lườn dưới khe cửa, tờ *Bangkok Post*. Ngay trang đầu có hai bức ảnh: tấm thứ nhất là hình của một người trông rất thảm hại đang bị mang đến phòng xử; tấm thứ hai cũng cùng góc cạnh của phòng đó là một chiếc quan tài được khiêng ra. Đi song song hai bên có hai vị sư đang cầu kinh. Lời chú thích bên dưới hai tấm ảnh này nói lên việc hành hình tương tự như thế sẽ áp dụng cho ba tên Úc vừa bị bắt gần đây ở Bangkok. Tinh thần của tôi và Paul hoàn toàn tê liệt. Không thể nào chịu được cảnh gớm ghiếc thêm nữa nên sau một hồi bàn bạc, chúng tôi quyết định tự tử ngay ngày hôm đó.

Dụng cụ duy nhất chúng tôi có thể sử dụng là cái máng nước chạy dọc theo bức tường của xà lim. Chúng tôi quyết định đưa này sẽ nhận đầu đưa kia vào cái máng đó cho đến khi tắt thở. Sau khi quyết định xong, hai đứa chúng tôi ôm nhau một lúc nói lời tạm biệt. Điều lạ lùng là trước đây sáu tháng, hai đứa chúng tôi chỉ là những người hoàn toàn xa lạ mà nay chúng tôi kết liễu đời mình chỉ cách nhau trong vòng vài tấc trên một dải đất nhỏ hẹp xa gia đình đến hàng trăm dặm!

Với quyết tâm, chúng tôi ấn đầu nhau xuống nước bằng hết sức lực của cả hai. Nhưng dần dần đứa này bắt đầu phản kháng lại đứa kia. Sau chừng khoảng một phút chúng tôi cùng bật lên một lượt, lão đảo lúi khỏi máng nước, thở hổn hển. Chúng tôi sẽ phải sống hết cuộc đời này cho dù nó kinh hoàng đến đâu.

Cuối cùng chúng tôi cũng có một luật sư do Sứ quán chỉ định. Người này bảo rằng thủ tướng không đồng ý đem chúng tôi đi hành quyết. Vì vấn đề ngoại giao, Kriangsak Chamanand sẽ thận trọng trong việc tàn sát bất kỳ công dân Úc nào vào thời điểm này, bởi lẽ Úc đã tài trợ rất dồi dào cho trận lụt tàn khốc ở miền bắc Thái Lan. Như vậy là chúng tôi sẽ được đem ra xét xử.

Được tin này, Chó Điên không vui lắm. Hẳn bèn tìm thủ đoạn mạnh hơn để đánh gục tinh thần chúng tôi. Một buổi sáng hẳn ngoắc tôi ra và bảo theo hẳn đến phòng tắm, phòng này nằm cuối phòng hỏi cung, để cho tôi xem cái gì đó. Hẳn chỉ vào bên trong, tôi thấy một tù nhân Thái đang đứng trong bồn nước, người bị xiềng bằng một sợi dây xích rất nặng, hai đầu vú và bộ phận sinh dục được quấn bằng hai sợi dây điện nối với một bình phát điện lớn. Thấy tôi nhìn, hẳn bảo tên lính bật công tắc. Người Thái nọ rú lên rồi ngã gục trong bồn nước, vùng vẫy như một con cá bị điện giật. Hẳn quay nhìn xem tôi phản ứng như thế nào trước trò tra tấn điên rồ đó và đe dọa rằng sẽ trừng phạt tôi theo cách trên nếu tôi không chịu hợp tác với hẳn.

Xem như cuộc hỏi cung đã chấm dứt, sáng hôm sau chúng tôi bị chuyển đến trại tù. Nghĩ đến nhà tù Thái Lan, tôi kinh hoàng vì đó là những nơi rất ghê tởm, song dù sao cũng thấy nhẹ nhõm vì thoát được Chó Điên. Sự nhẹ nhõm tan tành khi nghe giọng giễu cợt của một tên lính canh: “Ha, ha, ha... chúng mày được vào trại Khỉ rồi!”.

Chương 5

TRẠI KHỈ

Không gì có thể so sánh được với 37 ngày bị hỏi cung. Cái hình ảnh đáng sợ, vô cùng kinh hãi, cứ ở mãi trong đầu làm tôi muốn nhuộm bệnh mỗi lần nghĩ tới. Ai cũng nghĩ rằng tất cả tội phạm đều dày dạn trong việc này nhưng có vài người thì chỉ chịu đựng đến một mức độ nào đó thôi.

Tôi chỉ là người vận chuyển hàng, tôi thấy mình chưa làm hại ai cả. Về mặt tinh thần thì tôi hoàn toàn khác với những người lao động bình thường. Bạo lực, thù ghét, dày vò, và việc không ngừng sợ hãi về một cái chết đến bất ngờ..., những thứ này đâu phải là điều tôi phải đối phó hằng ngày. Tuy vậy, những thứ đó chắc chắn sẽ làm ta thay đổi. Thời gian còn lại ở Thái Lan sẽ còn thay đổi tôi nhiều nữa, và nó đã bắt đầu trong 37 ngày nay rồi. Vài người trong số các bạn, nhưng tôi nghĩ còn nhiều người nữa, rất ghét tôi và cho rằng tôi đáng chết lắm. Chết ngay trong xà lim của tòa nhà bê tông cốt thép, đồ sộ được gọi là Đơn vị Hỏi cung của sở Cảnh sát, nơi mà anh chàng Warren Fellows đã bước vào và sẽ không bao giờ trở ra nữa. Nơi đấy là mồ chôn tôi, và rồi các bạn sẽ khắc nhớ lên đó.

Vừa ra khỏi xà lim, tôi được giới thiệu một cảm giác mới ngay lập tức. Cảm giác này đóng vai trò rất lớn trong đời tôi suốt một thập niên sau đó: **xiềng xích**. Những sợi dây xích không lồ được người thợ rèn dùng búa và đe để gắn chặt vào cổ chân tôi. Hẳn bảo tôi nhắc chân đặt trên đe, dùng hai vòng sắt bọc lấy hai cổ chân xong lấy búa nện vào một cái then có móc để khóa lại như cài khuy tay áo. Khi hai mắt cá chân đã được bọc chặt, hẳn lấy

một dây xích khác nối lại với nhau. Đi đứng trong tư thế này vô cùng khó khăn, cho nên tên thợ rèn cũng biết rằng bọn chúng tôi sẽ nhìn hằm bằng cái nhìn chẳng chút thiện cảm.

Bên ngoài tòa án, một nhóm phóng viên và thợ ảnh đang tụ tập rất đông. Tôi không nghĩ là chúng tôi trở thành đề tài hấp dẫn đối với họ đến thế. Có thể người được chú ý nhiều nhất là Paul, một nhân vật đã từng đoạt giải vô địch về thể thao này chưa từng nhận được nhiều sự chú ý như ngày hôm nay. Điều này mới thật tội nghiệp cho anh ta.

Ở tòa án, chúng tôi phải ký nhiều giấy tờ viết bằng tiếng Thái nhưng chưa có một thông tin nào chính thức là họ có đồng ý đưa chúng tôi ra xét xử hay không. Cái chết cứ treo lơ lửng trên đầu khiến chúng tôi vô cùng mệt mỏi.

Đến chạng vạng tối, họ lôi chúng tôi lên một chiếc xe tải cà tàng, cũ kỹ đậu bên ngoài, trong đó đã chất sẵn một nhóm tù nhân khác. Họ đưa tất cả đến Bumbud, một nhà tù dành nhốt riêng tội phạm ma túy để điều tra thêm. Chúng tôi chen chúc nhau trong cái thùng xe chật hẹp đó, và được canh giữ bằng những dùi cui điện, thứ dụng cụ được phép sử dụng tùy tiện bởi những tên áp tải tù này.

Tất cả không ai thoát khỏi những cú đấm kinh hồn của bọn chúng.

Trên những đường phố đông đúc của Bangkok, họ đưa chúng tôi đi qua như một cuộc diễu hành của đoàn xiếc thú. Bất cứ người nào đi hai bên đường cũng đều có thể nhìn thấy, hoặc vỗ tay hay cười vào mặt chúng tôi.

*

* *

Tôi đã từng bị như thế này rồi, nhưng không hiểu sao lần này lại cảm thấy nó quá tàn nhẫn. Tôi trải qua những đau đớn, những ê chề về mặt tinh thần lẫn thể xác, những nỗi kinh hoàng và cô độc. Nhưng hôm nay hành động sỉ nhục này của công chúng giống như một lưỡi dao cuối cùng xoáy vào tim tôi. Khi bạn bị tước đoạt hết mọi thứ trên đời nhưng ít ra cũng còn lại một chút lòng tự trọng, bạn không muốn người khác nhạo báng mình, phải không?

Đến Bumbud thì trời đã tối, chúng tôi phải xuống đi bộ băng qua những chiếc cổng sắt khổng lồ, trông như thể mình đang lạc vào thời đại tăm tối, một nơi có vẻ hẻo lánh và hung ác. Vào bên trong chúng tôi xếp thành hàng một, và mỗi người chỉ được mang theo mình một ít hành trang, sau khi đã bị tịch thu tất cả tiền bạc. Họ ra lệnh chúng tôi cởi bỏ hết quần áo và bắt đầu một cuộc lục soát hết sức thô bạo. Hầu như tất cả những tên lính canh ở đó đều ngậm tăm trong suốt quá trình lục soát. Họ xem đây như là một hình thức hoàn toàn tự nguyện của chúng tôi để được chấp thuận trước khi bước vào cửa ngục.

Sau đó thì họ hỏi chúng tôi có muốn ăn không. Tôi thấy mình đang đói rã ruột nếu có cái gì ăn mà chẳng được. Nhưng khi thức ăn được mang ra, tôi hết thấy đói ngay: ba đĩa cơm cùng với một tô chất lỏng trông giống như nước canh thiêu được đặt ở dưới đất. Đói quá đành lòng tôi phải ăn thôi, cầu mong nó không đến nỗi gớm ghiếc như thế. Nhưng ôi thôi, không thể nào tôi nuốt trôi đến hơn một miếng cơm!

Ăn xong, họ ra lệnh chúng tôi đi ngủ. Lúc bấy giờ tôi mới thấy rằng bị giam hãm trong những nơi như thế này là quá sức rồi. Họ ra lệnh cho chúng tôi đi tắm, đi ăn và đến 8:30 họ ra lệnh đi ngủ bằng một thái độ vô cùng si nhục. Chúng tôi như thể bọn trẻ mồ côi bị bỏ vào trại tế bần khắc nghiệt.

Trước đây, tôi hay nghe người ta nói về những nhà tù trong đó phạm nhân rất thoải mái vì họ được xem truyền hình, và ‘*được sống sang trọng*’. Nhưng có một điều mà người ta không biết. Đâu phải những thiết bị, tiện nghi đơn giản mang lại cho con người sự thoải mái mà là khả năng được lựa chọn như, ăn khi mình đói, tắm rửa khi mình muốn, đi lại hoặc trò chuyện thật khuya với người hợp với mình... đó mới chính là yếu tố duy nhất chúng ta thật sự cần. Nhưng ở đây điều đó đã bị tước đoạt. ***Tự do hành động theo ý muốn của mình là điều quan trọng nhất để phân biệt con người với loài cầm thú.*** Một khi quyền đó bị những kẻ mà trước đây ta chưa hề biết, những kẻ đạo đức chẳng hơn gì ta, tước hết đi, ta sẽ thấy nó vô nhân đạo không chịu được. Và nhà tù Thái Lan nổi tiếng là nơi tước đoạt nhân phẩm con người tàn bạo nhất thế giới.

Nơi chúng tôi ngủ ở tầng trên là một căn phòng kích thước chỉ bằng một hồ bơi, trong đó dồn vào 30 nhân mạng. Phòng không có giường, nền nhà được trải bằng rơm, tù nhân chỉ đủ chỗ ngồi chen vai nhau. Người nào người nấy mồ hôi nhễ nhại, mùi hôi thối xông lên muốn phát bệnh. Hình như xung quanh các thân thể co quắp này không còn chỗ cho một chút không khí. Một nơi thật gớm ghiếc, tanh tưởi, vừa nhìn thấy là tôi đã rụng rời. Ngọn đèn huỳnh quang trên đầu chúng tôi kêu o o liên tục. Tôi chẳng nhớ là mình có ngủ được hay không, nhưng tôi phải ngủ. Nếu cứ thức suốt đêm này qua đêm nọ, tôi không thể tưởng tượng rồi mình sẽ ra sao.

Tôi nhớ đêm đầu tiên ở trại Khi tôi đã khóc. Tôi chỉ khóc có hai lần, một lần nữa trong thời gian tôi ở Bangkok. Nhưng khi mặt trời mọc thì tôi không còn nhớ mình đã khóc như thế nào...

*

* *

Buổi sáng họ lừa chúng tôi đi tắm. Đứa nào cũng trần truồng như nhộng và mỗi người chỉ được tạt lên mình một ít nước lấy từ con sông gần đó. Nước sông bẩn thỉu, hôi hám, lênh bênh phân người và xác thối rửa của thú vật. Tại chốn này tôi được chứng kiến cách đối xử dã man của những tên cai ngục, đặc biệt họ dành cho tù nhân bản xứ. Mỗi tên cầm một cây gậy tre thật cứng và tự do nện vào tù nhân không chút thương xót. Một phạm nhân Thái, tôi chẳng biết anh ta đã phạm tội gì, bị đánh tàn bạo đến độ máu tuôn ra xối xả từ các vết nứt trên da thịt anh.

Riêng chúng tôi được đưa lên tầng trên để tiếp tục hỏi cung. Tôi chẳng biết họ hỏi gì; song những câu hỏi này cứ lặp đi lặp lại thấy mà ớn ớn. Lão Già, Paul và tôi được chuyển sang trại số 4, nơi đây hầu hết là tù nhân nước ngoài. Tôi hy vọng ở đây chúng tôi được đối xử khá hơn ở trại vừa rồi, nhưng ở đâu cũng thế thôi. Phòng giam này nhỏ hơn song ít người hơn. Ở góc phòng có một cái hố đào dưới lòng đất được dùng làm nhà xí. Tất cả chất thải trong cơ thể con người được trút vào đó, rồi thỉnh thoảng mới được mang đi và tẩy rửa. Căn phòng rất ư là ngột ngạt.

Điều làm tôi hết sức ngạc nhiên là tất cả 24 người bị nhốt trong phòng này đều phạm một tội giống nhau: sử dụng ma túy. Tôi đã từng chứng kiến một phạm nhân Thái Lan suýt bị giết vì một tội không đáng kể, nhưng ở đây toàn là người ngoại quốc.

Sau này tôi mới khám phá ra ở Bambud ma túy được bán đầy rẫy. Và khi bạn có tiền thì muốn mua loại nào cũng có. Lúc bước vào tù thì tiền của chúng tôi bị lấy sạch, họ bảo để đem cất vào quỹ riêng của phạm nhân. Khi nào theo yêu cầu chúng tôi mới được rút ra nhưng có lấy được cũng thật hiếm hoi. Ở trại số 4 này có một cửa tiệm nhỏ, trong đó họ bán trứng, bánh mì, cá hộp, sữa hộp và gạo. Chúng tôi nấu thức ăn trên một cái bếp điện đặt ở góc phòng. Kể ra thế này là quá sang rồi, trừ khi bạn có dư tiền để mua heroin.

Ở trại này chúng tôi được quyền thuê luật sư. Luật sư của tôi là một thanh niên Thái, anh ta cho tôi biết họ đã định ngày xét xử tôi rồi. Tôi thấy mình nhẹ nhõm vì thoát được luật số 27 chết người. Hình phạt tôi sẽ lãnh có lẽ chỉ ngồi tù thôi. Tù đầy trong chốn này, thật khó mà tưởng tượng nhưng còn hơn khi nghĩ đến cái chết. Tôi phân vân không biết mình có quen được không.

Sau đó không lâu chúng tôi được một anh tù người Trung Quốc cho biết là trong trại có một tên cai ngục chịu nhận hối lộ để hỗ trợ việc vượt ngục. Đó là một tin hứng thú nhất từ lúc tôi bị bắt đến nay. Nhưng khi điều tra thêm thì đó chỉ là tin đồn thôi. Theo chúng tôi quan sát việc tẩu thoát tương đối cũng dễ dàng. Lâu lâu thì họ mới đếm đầu người, giờ tất cả việc phải làm là làm sao vượt qua bức tường ngoài sân kia. Thấy có vẻ hơi nguy hiểm nhưng ý tưởng này cứ quanh đi quẩn lại trong đầu và quá hấp dẫn đến nỗi tôi không thể từ bỏ được.

Hôm sau, luật sư đến gặp chúng tôi. Tôi đã đề nghị với một trong số họ - một phụ nữ người Anh có vẻ rất đáng tin cậy và rất thông cảm mục đích của chúng tôi - rằng tôi cần 10.000USD thật khẩn cấp. Vị luật sư khá thông minh nên biết ngay ý định của tôi. Bà ta ngần ngừ và trả lời để xem có thể giúp được không. Tôi nói thêm tôi muốn tiếp xúc với gia đình bên Úc, tôi muốn báo cho họ biết mọi việc sẽ sớm ổn và khuyên họ đừng lo lắng gì cả.

Ngày hôm sau ba chúng tôi được đưa đến phòng giám đốc trại. Bà luật sư người Anh, người mà tôi cho là đáng tin cậy và thông cảm với mục đích của chúng tôi, đã đi thẳng đến đây báo cho họ biết chúng tôi đang dự tính đào thoát. Rõ ràng bà ta có ý tốt vì biết chắc nếu chúng tôi vượt ngục thì thế nào cũng chết. Lão giám đốc nổi giận ùng ùng ra lệnh xiềng chúng tôi lại bằng những sợi dây to hơn và chắc chắn hơn. Lập tức những sợi dây xích được mang ra và vừa được móc vào cổ chân chúng tôi thì lão ta ra lệnh tiếp: “Chuyển họ qua trại khác ngay.” Vậy là chúng tôi rời nơi này để đến Maha Chai. Mức độ an ninh ở đây chặt chẽ hơn.

Tôi đã từng nghe ở trại này có một trò chơi nổi tiếng. Trò chơi đó được diễn quá nhiều lần nên nó trở thành huyền thoại. Tôi chưa được chứng kiến tận mắt, chỉ nhìn qua các bức tranh vẽ của tù nhân: Một tên lính canh làm ra một trái banh bằng tre và rơm, kích thước đủ lớn để nhét một người nhỏ con vào trong đó. Ngày nào bọn cai ngục bày trò chơi thì họ chọn tên tù nào họ ghét nhất để tống vào trong đó và khóa lại. Xong họ đẩy quả banh lăn đi lăn lại vài vòng. Đó mới là màn mở đầu. Giờ thì đến trò chơi thực thụ: một con voi được đưa vào sân. Con vật đã được huấn luyện để chơi quả bóng này. Khi nghe người tù trong quả banh hét lên xin khoan hồng, thì con voi chơi hết sức mình bằng cách đập nhẹ vào quả banh làm cho nó lăn xa vài mét, rồi cứ như thế như thế... Nhưng voi là loài vật không kiên nhẫn, nó chỉ chơi được vài phút là chán ngay. Trò chơi lúc nào cũng được voi kết thúc bằng cách nhấc chân trước lên rồi hạ xuống ngay trên quả bóng. Cái giẫm chân của con thú nặng nề đó đã nghiền nát nhân cho tới lúc máu và thịt xương trộn lẫn nhuyễn như phọt ra ngoài. Tiếng rú cuối cùng đầy tuyệt vọng của người xấu số chìm trong những trận cười dã man của bọn cai ngục.

Chương 6

NHÀ MÁY ‘VUI NHỘN’

Nói đến trại Maha Chai là nhắc lại những ác mộng đối với người ngoại quốc nào đã từng bị nhốt tại đó. Người ta bảo rằng trại Maha Chai rất tàn bạo và độc ác. Nơi đó có nhiều phòng tối, những căn phòng nhỏ xíu không một chút ánh sáng. Ít ai bị nhốt tại đó chừng vài tháng khi ra khỏi mà còn sống sót.

Trại Maha Chai, do người Pháp dựng lên cách đây khoảng 100 năm, có rất nhiều cổng. Tường bao xung quanh được xây bằng đá tảng nên việc đào tẩu hoàn toàn bất khả thi. Về đến đây chúng tôi bị cùm và xích suốt ngày như những con thú. Những sợi dây xích nặng nề, sét rỉ, và bẩn thỉu đã dần dần làm lở hai mắt cá chân chúng tôi. Có lẽ đến lúc nó được tháo ra chắc tôi cũng chẳng tài nào bước đi được nữa. Paul và tôi hầu như không thể nhúc nhích dù đang ở trong tư thế đứng. Nhưng không lâu, tôi được biết nếu hối lộ ít tiền hoặc thuốc lá cho tên thợ rèn thì hắn sẽ cởi cùm rộng ra cho thêm một chút, vì ngày nào hắn cũng vác búa đi kiểm tra và chỉnh lại những chiếc gông của chúng tôi. Còn vấn đề bọn quản giáo có bảo hắn đập thêm hoặc giả vờ vô tình hụt tay khi hạ búa xuống những bàn chân của tù nhân hay không thì còn tùy. Tôi biết được điều này là vì có lần tôi chứng kiến tận mắt nạn nhân hét thê thảm khi chiếc búa độc ác của hắn hạ xuống nghiền nát xương mắt cá của vài người, những chiếc xương vốn giòn vì suy dinh dưỡng. Đây mới chỉ là sự tra tấn khởi đầu về mặt tinh thần nhưng Maha Chai vốn đã nổi tiếng rồi.

Chúng tôi bị dẫn đến một căn phòng nhỏ chật chội, nồng nặc mùi tanh tưởi do những vết thương đã tẩy lên. Ở đây tù nhân bị đối xử rất tồi tệ. Sau khi đánh đập, họ thả mặc cho thân thể người tù thối rữa ra. Mỗi ngày chúng tôi nằm trong căn phòng này 18 tiếng. Thỉnh thoảng họ lại nhét thêm người mới vào. Con số tổng cộng lên đến 30.

Ở trong phòng có một cái hố đào sẵn dưới nền đất dùng làm chỗ vệ sinh, cứ 3 ngày nó mới được mang ra đổ và chùi rửa. Kế bên hố là một chậu nước để sử dụng thay giấy vệ sinh, vì vật liệu này ở đây làm gì được phép. Chừng sau vài hôm, cả căn phòng ngập thở vì mùi phân người; do vậy mà chúng tôi không thể nào tránh khỏi bệnh kiết lỵ. Bạn thử hình dung xem tình trạng bẩn thỉu này sẽ như thế nào nếu sau vài ngày không được cọ rửa? Nhưng hầu như nó không được cọ rửa!

Nếu ai bị giam trong phòng này mà không tự kiểm soát được giấc ngủ của mình thì hầu như chắc chắn sẽ gây ra ẩu đả. Mấy anh Thái tìm đâu ra những con dao giấu theo mình, hễ mỗi lần xung đột xảy ra là có đổ máu và có người chết. Maha Chai là một nơi tổng hợp của mọi thứ: ô uế, máu, phân người, chết chóc và man rợ.

Trại số II là chỗ đáng sợ nhất, nơi để phạt phạm nhân.

Trong trại có vài phòng kín, kín đến nỗi không một tia sáng mặt trời nào lọt vào được. Mỗi phòng thường chứa khoảng 10 người đã thấy ngột ngạt rồi, nhưng họ nhét vào đó 20 tên cùng một lúc. Mỗi ngày tù nhân chỉ được thả ra để ăn những thức ăn rất khó nuốt và tắm bằng nước tắm ít ỏi trong cái thùng chẳng bao giờ thấy đầy. Dù phạm tội gì, bạn cũng có thể lãnh ít nhất một tháng nằm tại đây. Mỗi ngày hưởng 23 giờ 55 phút trong bóng tối, và 5 phút còn lại để ăn và tắm. Đó là thời điểm nổi bật nhất trong ngày. Thỉnh thoảng cũng có vài người bị nhốt vào đây 3 tháng liền. Ba tháng không ánh sáng, không được chăm sóc thuốc men, không một buổi ăn thơm tất và ngay cả không một tí gì gọi là vệ sinh. Nhưng các nhà chức trách Thái Lan phủ nhận điều này. Chỉ khi nào có đại diện của Lãnh sự quán hoặc các quan chức cao cấp đến thăm trại thì tình trạng tồi tệ kể trên mới được giảm thiểu. Không những viên Trưởng trại mà tất cả các quan chức trên đều biết ở đây

là vô nhân đạo nhưng họ cứ lờ đi. Không tù nhân nào có thể tồn tại ra khỏi chốn này chính là điều họ muốn.

Một khía cạnh khác thêm vào sự đau khổ tận cùng này là đời sống hoang dã. Ở đây có rất nhiều gián. Gián bò khắp nơi và quấy nhiễu giấc ngủ của mọi người. Ban ngày sức nóng làm những đàn kiến rời tổ, nếu bạn nằm yên một lúc là bị tấn công ngay. Ban đêm thì muỗi bay ra hàng đàn như không lực Thái Lan. Chẳng thứ gì có thể đứng vững khi bị tấn công như thế. Nhưng điều làm tôi hãi hùng nhất là chuột cống. Chuột Thái Lan có nanh, mắt lồi và long lên sòng sọc trong bóng đêm, mõm thật dài như loài thú ăn kiến. Nhìn chúng, ta thấy hiện lên vẻ độc ác vô song, chúng cũng giống như loài gặm nhấm ở Úc, không nhút nhát, không lánh xa con người, xấu xí và không biết sợ hãi. Bạn mà nhìn chúng, chúng sẽ xuyt lại ngay. Nếu ai đã từng xem phim hoạt hình *Tom and Jerry* thì sẽ nhớ hình ảnh người đàn bà nhảy ào lên ghế khi bà ta vừa trông thấy một chú chuột. Như thế bạn có thể hình dung ra cảnh trong đó 30 tội phạm gan dạ như thế nào khi thấy một anh chuột mò vào phòng. Ban đêm chúng xuất hiện từng bầy, gặm tất cả những thức ăn rơi rớt và tấn công dữ dội khi bạn ngủ. Nếu bạn kháng cự, lập tức chúng đớp ngay vào chân. Có con khôn hơn còn nhảy chồm lên cắn cổ họng bạn. Những phản ứng của bạn không những không làm cụt hứng mà còn kích động thêm tính hoang dã của chúng.

Có một lần khi Paul đang ngồi chồm hổm trên lỗ xí, bỗng từ miệng cống một con chuột phóng ra, như trong phim kinh dị, đớp ngay vào chân anh ta. Tội nghiệp anh chàng bị đau suốt cả tiếng đồng hồ mà không cách gì làm giảm được. Nhưng cái đáng tởm là anh ta bị cắn bởi một con vật xấu xí và rất gớm ghiếc thò ra từ một cái hố tối tăm, bẩn thỉu nơi anh ta đang làm vệ sinh. Chẳng khác gì một cơn ác mộng. Nghĩ cho cùng, tại sao ngay một sinh vật đơn giản như thế mà cũng ghét cay, ghét đắng chúng tôi.

Trong phim *From Here To Eternity*, nhân vật Ernest Borgnine nện Frank Sinatra như thế nào thì ở đây có một quản giáo tên là Prisit cũng giống hệt như nhân vật đó, chỉ khác có một điều da hắc sậm hơn thôi. Prisit thường mang đôi ủng đen nặng nề kiểu Đức quốc xã và bất cứ lúc nào, dù ngày hay

đêm, cặp kính mát kiểu phi công không rời khỏi gương mặt hắn. Cổ tay hắn mang một băng da có gắn đinh tán nhằm mục đích làm rách thịt người khác. Tay lúc nào cũng cầm một cây gậy bằng tre rất cứng, đầu dưới có gắn cục bê tông. Hắn đúng là một tên sát thủ. Tôi chưa từng gặp người nào thích thú trong việc tra tấn con người như hắn. Nét mặt hắn luôn luôn hiện lên cái vui của sự độc ác cực kỳ.

Một hôm, lần đầu tiên tôi chứng kiến cách hành động của tên này. Hắn cầm gậy đi ngang qua cửa xà lim hò hét hết tù nhân Thái ra khỏi phòng và bắt nằm úp mặt xuống đất, rồi thật chậm rãi và có chủ tâm, hắn bước qua mình của từng người một, nện nhẹ cục bê tông lên đầu phạm nhân. Cuối cùng hắn dừng lại trước một người và hỏi: “Hôm nay có ai đến thăm mày không?” Người kia sợ hãi, run rẩy trả lời: “Dạ, tôi không biết.” Hắn hỏi tiếp: “Mày có gia đình không?”. Anh kia trả lời có. Hắn nói tiếp: “Nếu lần sau gia đình có đến thăm mày thì bảo họ mang cho tao 500 Baht.” Người kia trả lời sẽ cố gắng nhưng anh ta phân trần thêm rằng gia đình anh rất nghèo, nghèo đến nỗi không đủ tiền mua gạo để tự nuôi sống thì làm gì có đủ số tiền 500 Baht. Prisit nói tiếp: “Nếu không có thì từ nay đừng hòng được gặp gia đình mày.” Thế là Prisit đổi tư thế đứng và bắt đầu hành hung. Hắn dạng hai chân qua người anh ta, nện chiếc gậy lên lưng anh Thái một cách hằn học. Khắp khu nhà giam lúc bấy giờ người ta có thể nghe vang vọng tiếng rít của nạn nhân và tiếng thịt bị xé nát.

Không lâu sau đó tôi được diện kiến Prisit. Vào một buổi chiều tôi bị áp tải đến trại II nhưng không được cho biết lý do. Lúc đến nơi tôi đã thấy Prisit đi đi lại lại trước mặt các tù nhân khác một cách hung hăng và nét mặt đầy vẻ đe dọa. Khi tiến đến gần tôi hắn bước chậm lại. Tôi cố nhìn vào cặp mắt sau đôi kính đen vô hồn kia và thắc mắc không biết màu của chúng có đen bằng màu mắt của Chó Điên hay không. Bỗng dưng hắn quay phắt lại và đi thẳng về phía tôi. Tôi nhìn xuống vì không muốn mắt tôi đối diện với mặt hắn nữa. Prisit đứng cách tôi không xa, hắn vươn cánh tay phải ra và vuốt nhẹ trên ngực tôi khiến tôi hãi hùng và tim như muốn nhảy khỏi lồng ngực. Người ta đồn rằng ngoài cây gậy, đôi ủng, và báng súng, cánh tay phải

của hắn là vũ khí rất lợi hại. Hắn thì thầm bên tai tôi: “*Chi Yeng Yeng*”. Câu này, tôi thường nghe người Thái nói với nhau, có nghĩa là: “Đừng xúc động.” Tôi chưa từng thấy hắn đối xử với ai theo kiểu này; do đó tôi nghĩ đây có thể là cử chỉ biểu lộ tình cảm của hắn nên tôi bớt lo. Hắn vuốt lên ngực tôi một lần nữa, lần này nhẹ nhàng hơn và cũng lặp lại câu nói trên. Rồi thỉnh thoảng hắn xoay cùi chỏ thúc mạnh vào bụng tôi. Đau điếng, tôi gục ngay xuống chân hắn gần tắt thở. Phải mấy phút sau tôi mới lấy lại hơi. Vừa thấy tôi chuẩn bị nhồm dậy, hắn giậm đôi ủng trên mặt đất ra ý muốn tôi phải ngồi ngay tại chỗ thêm một lúc nữa. Hắn muốn tôi hiểu đây là cách tỏ tình thân thiện và theo tôi, kiểu chơi này chắc còn được đem ra áp dụng dài dài.

*

* *

Suốt tháng đầu ở Maha Chai, tôi luôn được sự khích lệ bởi tính lạc quan của Paul. Ý chí mạnh mẽ và lòng tin của Paul khó ai hình dung ra được. Anh ta là tù nhân duy nhất lúc nào cũng rèn luyện thể lực của mình. Mỗi thành công của anh đều được đúc kết bằng lòng tin vào sự may mắn và những thử thách đầy cam go. Mặc dù chúng tôi đang ở vào tình thế thật bi đát, cũng bị áp đảo tinh thần như nhau, nhưng Paul luôn luôn lộ vẻ kiên quyết chống lại nghịch cảnh. Trong lúc tôi thoái chí và tuyệt vọng, ngược lại Paul chẳng hề nói về tương lai bằng những lời lẽ đen tối nào cả. Lúc nào anh cũng nói với tôi: “Khi mình ra khỏi đây...” hay “Lần sau tôi gặp lại Gail...” hoặc “Khi mọi chuyện kết thúc...” Chẳng bao giờ Paul nghĩ cuộc đời của hai đứa sẽ chấm dứt ở chốn này. Đó là điểm nổi bật khiến tôi quý mến anh. Anh rất yêu gia đình. Chỉ có một lần, sau mấy tuần khi chúng tôi chuyển đến Maha Chai tôi mới thấy Paul đau khổ vô cùng khi nghe tin vợ anh, Gail, sinh một bé gái.

Ở đây, tôi được nhận thư của gia đình và của vài người bạn thân. Những lá thư này mang lại cho tôi sự nhẹ nhõm và ấm áp vì những người tôi thương yêu vẫn còn nghĩ đến tôi. Đồng thời, tôi cũng cảm thấy đau nhói trong lòng vì chúng nhắc nhở tôi rằng ở bên ngoài cuộc đời thật vẫn đang tiếp diễn. Tôi

hình dung ra mọi người đang đi đây đi đó trong thế giới này. Tôi thấy họ đang ung dung ngồi xem tivi tại nhà, hoặc ở quán rượu nào đó. Tôi không bao giờ được chung vui với họ nữa, không bao giờ được nhìn cảnh họ sinh hoạt nữa. Không bao giờ, không bao giờ... nữa rồi! Tôi cảm thấy người ta không chỉ giam tôi trong ngục thất mà còn nhốt tôi vào trong một chiếc bong bóng bồng bềnh trên các đợt sóng, rồi lãng quên.

Tôi buồn bã vô cùng khi đọc lá thư của mẹ gửi từ quê nhà. Mẹ tôi kể trong thư, các phóng viên báo chí liên tục đến quấy rầy bà, tìm đủ mọi cách để vào phỏng vấn bà. Một mình mẹ phải đương đầu với họ. Tôi không thể nào tin được tại sao họ không chịu hiểu rằng mẹ tôi quản trí như thế nào khi con bà đang ở trong tình cảnh khốn đốn. Tại sao họ không có lòng trắc ẩn và để cho mẹ tôi yên? Ngay những lúc đi mua sắm bà cũng bị thiên hạ bu quanh chất vấn, bà không trả lời chỉ có lắc đầu: “Tôi không biết.” Càng nghĩ tôi càng cảm thấy lòng nặng nề hơn: tôi đã khiến người mẹ khốn khổ của mình trở thành tù nhân. Một lá thư khác cũng tác động vào tâm trí tôi, lá thư do một cô bạn gửi đến từ Úc. Nàng viết rằng nàng đã xem phim *Midnight Express*, nội dung câu chuyện có thật về Billy Hayes, người bị bắt ở Thổ Nhĩ Kỳ do tội chuyên chở thuốc phiện và bị đối xử rất tàn bạo khi ở trong tù. Nàng bảo rằng bây giờ nàng hoàn toàn cảm thông với những gì tôi hiện đang trải qua ở đây.

*

* *

Một buổi sáng, tôi được gọi ra để dẫn qua trại số I. Tôi cảm thấy khiếp hãi vì đã ở đây gần mấy tuần nên biết rõ trại I khủng khiếp đến độ nào. Tôi nài nỉ tên lính cho biết nguyên nhân nhưng hắn chỉ trả lời vắn tắt là tôi sẽ bị đưa vào phòng tối. Vậy thôi. Nghe thế tôi rụng rời! Suốt thời gian qua, tôi cố tránh mọi sai phạm, vậy mà hôm nay lại bị đưa qua trại I, một nơi nổi tiếng nhất về những hình phạt cực kỳ tàn bạo. Không lời chống chế nào thay đổi được tình huống nữa, chỉ vài phút sau là tôi đã bị khóa chặt trong một căn phòng nhỏ tí sặc mùi hôi hám cùng với ít nhất là hai mươi người khác. Tất cả chúng tôi đều bị cột chặt vào những sợi dây xích to tướng và vì không đủ

chỗ để duỗi chân ra phía trước nên chúng tôi ai cũng phải nép sát vào tường. Không khí trong phòng trộn lẫn mùi hôi từ thân thể của trên 20 nhân mạng ngộp tới mức một số người đã ngã bệnh và nhiều người khóc suốt mướt vì không chịu đựng được. Tất cả chúng tôi chen chúc nhau tìm một tí khoảng trống để duỗi chân, nhưng vô ích. Thường thì người nào đã vào đây ít nhất cũng nằm lại cả tháng. Tôi phân vân chẳng biết mình có sống sót nổi một ngày tại đây không.

Sau mấy tiếng đồng hồ bị hành hạ cả về thể xác lẫn tinh thần, tôi nhận ra một cảm giác kỳ lạ về sự hiện hữu của những con người đang bị giam cầm trong cái ngục tù bé xíu xiu này. Đó là cảm giác đấu tranh để tồn tại. Mặc dù không nói cùng ngôn ngữ và cũng chẳng thấy rõ mặt nhau, chúng tôi hình như muốn truyền cho nhau một thông điệp thật rõ ràng: không đấu tranh lẫn nhau mà chỉ đấu tranh với những tên quản giáo và chế độ tù đầy. Chúng tôi phải cố gắng tồn tại vì nếu một người không chịu đối phó thì số còn lại cũng chẳng làm được gì. Chẳng ai muốn bị thương tổn cả. Phần lớn những người Thái trong đây chắc chắn sẽ bị hành hình, thế nên đời sống của họ bấy giờ thật đáng quý, cho dù cuộc sống đó có hèn hạ đến đâu.

*

* *

Mọi người trong căn phòng này đều biết rõ nếu xảy ra bất cứ sự tranh chấp nào với nhau thì tất cả sẽ bị hủy diệt. Thế nên mỗi người là một thành viên trong cái khối kinh hoàng này đều phải cùng nhau âm thầm chạy viết dã để tồn tại. Chúng tôi bắt đầu thay phiên nhau san sẻ chỗ để chân: khi một người duỗi ra thì người đối diện phải co chân mình lại sát ngực. Mọi người đều cố gắng như thế và không ai nói với ai tiếng nào. Thật ra không có gì để mà nói. Điều này khiến căn phòng dễ chịu hơn, tuy nhiên nó cũng chẳng xua đi được cái kinh hãi của sự chịu đựng. Không có cách gì dù chỉ nhắm mắt lại để tưởng tượng nghĩ đến một nơi nào cách xa chỗ đó chừng vài dặm. Thân xác đang chịu đựng nỗi khổ sở thì làm sao đầu óc thoát ra được. Nếu có một sự huyền diệu nào khiến tôi quen dần với cái thế ngồi co quắp và ép sát vách tường như thế này trong thoáng chốc thì mấy con gián quỳ

quái lại lỗi tôi trở lại tình trạng cũ ngay. Thật gớm ghiếc! Chúng tôi bị buộc phải nghĩ đến sự hành hạ này từng phút từng giờ. Đây là điều mà họ muốn ở chúng tôi.

Một buổi sáng, sau những đêm đen dài dằng dặc, chợt trong căn phòng tối tăm này xuất hiện một vệt sáng. Tôi nhận ra vài vết nứt trên trần, đủ rộng để không khí bên ngoài lọt vào làm xoay chuyển mùi hôi hám phía trên. Từ chỗ nứt đó, ánh sáng ủa vào như một tấm màn linh thiêng. Bức màn ánh sáng quét qua căn phòng tối tăm chỉ trong thoáng chốc nhưng rực rỡ vô cùng, rồi nhạt dần như thể nó muốn đi tìm cái gì đó cần thiết từ lâu mà không thấy được ở đây...

Phòng giam số I tối đen như mực, không có lấy một chút ánh sáng. Nhưng ánh sáng nào đã làm nhức mắt tôi? Bất chợt cửa phòng giam mở toang, tiếng còi thét lên ra lệnh tất cả mọi người bước ra ngoài. Đến giờ đi tắm giặt.

Mọi chuyển động của chúng tôi ở đây đều phải theo nhịp còi. Tiếng còi vang lên, chúng tôi lê sợi dây xích trên nền nhà, lao đảo tiến về phía trước. Tiếng kế tiếp, mọi người nhặt xà bông thoa lên người. Vài phút sau nó lại vang lên bảo chúng tôi dừng lại. Nếu ai còn chậm chạp thì chiếc gậy sẽ đập ngay vào lưng. Tiếng thứ tư chúng tôi bước tiếp để lấy mấy cái ca nhỏ xíu đặt trên nền nhà ra hứng nước dội xà bông. Mỗi người chỉ được không hơn 3 ca vì nước phải tiết kiệm để người khác uống, đó là quy định của trại. Còi thổi lên một lần nữa, chúng tôi bắt đầu nhỏ từng giọt nước lên người để xà bông và cáu ghét trôi đi. Lần đầu tôi không biết điều này nên đã dội hết nước của mình và còn đem tấm len lớp bọt dày của cục xà bông đã khô quánh vì sức nóng. Tôi vừa với để múc thêm một ca nữa theo bản năng tự nhiên mà tôi đã làm trong suốt 25 năm thì lập tức tiếng hét vang lên. Tiếng hét này lỗi tôi về thực tại: tôi hiện ở xà lim Maha Chai chứ không phải ở nhà. Tiếp theo là chiếc gậy giáng vào lưng tới tấp. Chịu không nổi tôi đã để rơi chiếc ca và ít nước còn lại văng tung tóe. Chiếc gậy vẫn không chịu buông tha và tên cai ngục lỗi tôi xềnh xệch ra khỏi phòng tắm.

Sau đó họ lừa chúng tôi qua bàn ăn. Thức ăn gồm có cơm và các thứ, dĩ nhiên, không thể nào nuốt nổi cho dù có đói rã ruột. Ăn xong chúng tôi theo tiếng còi lệnh lao đảo trở về chỗ cũ. Cánh cửa xà lim khóa lại và tôi ngồi ở đó, trong cái lò nóng như thiêu với một lớp xà bông còn bám trên người chờ cho tiếng còi báo một ngày mới.

Cái thùng gỗ dùng để đựng phân của 20 người chúng tôi đã hai đêm một ngày rồi vẫn còn đó chưa được đem đi đổ. Hơi nóng hừng hực khiến mùi của nó xâm nhập thẳng vào cơ thể chúng tôi thay vì lớn vờn xung quanh. Vì thế có bịt mũi, bịt miệng cũng chỉ vô ích. Không khí trong phổi và không khí bên ngoài cũng đều hôi thối như nhau. Nhiều người trong chúng tôi đã mắc bệnh kiết lỵ.

Mấy ngày rồi tôi đói và khát không tả được. Tôi không thể nào tin được mình đang nằm trong góc xó xỉnh của quả địa cầu này. Tôi không thể nào tin được mình còn sống sót. Nhất là tôi vẫn còn không biết tại sao tôi lại ở đây. Những yêu cầu giải thích đã được đáp lại bằng thái độ nạt nộ, quát tháo và tiếp theo đó là tiếng còi bắt tôi câm lặng.

Một lần, sau khi tắm rửa và ăn sáng xong tôi để ý thấy vài anh Thái lén xới thêm ít cơm, thay vì lấy để ăn nhưng không, họ mang cơm đó về phòng. Tôi không biết họ sẽ làm gì nhưng chắc chắn là phải có kế hoạch thú vị lắm, khác với những diễn biến thường ngày ở bếp ăn của Maha Chai. Tôi cố lách mình đến góc phòng nơi mấy anh chàng Thái đang chuẩn bị... Lúc đến gần, tôi thấy một anh nhấc tấm ván dưới sàn nhà lên, cúi đầu nhìn vào cái khoảng tối đen rồi trút hết cơm xuống đấy. Bên dưới là những con gián khổng lồ, tôi chưa từng thấy bao giờ, đang bò lúc nhúc. Hóa ra họ lấy cơm để nuôi đàn gián và vỗ béo chúng để làm thức ăn.

Một anh cầm cái túi nylon vục xuống rồi vớt lên một đồng gián mập ú. Chúng nó lúng túng trong cái bao, hồi hả tìm đường tẩu thoát, con này ngã chồng lên con kia. Mấy anh còn lại lôi những lon sữa và lon đựng thức ăn bỏ trống đã được giấu bên dưới hầm gián. Họ bỏ những con côn trùng này vào lon, rồi nghiền nát ra. Anh cung cấp dầu, anh khác đem ra ít muối, tất cả trộn vào xác gián. Thấy tôi nhìn, một anh chia cho tôi một ít; nhưng chịu, tôi

không thể nào thưởng thức được món ăn đó cho dù có đói đến thế nào đi nữa. Bằng tiếng Anh, anh ta diễn đạt cho tôi biết đây là món ăn duy nhất ở trong tù có chứa protein, nếu không ăn thì sẽ khô quắt từ từ cho đến chết. Tôi cố gắng giải thích với anh ta rằng ở xứ tôi gián được xem là loài bẩn thỉu nhất. Nhưng anh ta nói thêm chính nhờ nó mà một số người ngoại quốc đã sống sót khi ra khỏi phòng tối của trại này. Ngập ngừng, tôi bỏ vào miệng cố nuốt.

Mấy ngày sau tôi đã quen dần và học được cách ngủ. Tôi bắt đầu mơ mình đang ở nhà, sinh hoạt bình thường, làm những công việc của đời thường. Cho dù có bình thường đến đâu thì nó cũng hiện ra mọi chi tiết đáng yêu nhất trong giấc mơ. Tôi thường thấy và cảm nhận mọi thứ đúng như chúng đã xảy ra: hơi nóng bốc lên từ tách cà phê sáng sớm, tiếng rì rào của làn gió thoảng bên tai vào những buổi chiều ấm áp, mùi thơm của cỏ vừa cắt xong hay là mùi sách mới trong các hiệu sách. Thỉnh thoảng trong giấc mơ tôi thấy mình là người tự do và sống lại với những sự kiện có thật trong đời: thấy một băng đảng trang bị bằng súng trường, thắt lưng làm bằng các thứ vỏ sò ra chặn xe chúng tôi ở Bogota, Colombia. Họ giống như các băng đảng người Mexico trong những phim cao bồi miền Tây nước Mỹ. Thấy một người chột mắt đang ngồi đánh bài trên cảng Bombay trong khi đó bạn của hắn dẫn tôi vào những căn phòng chứa đầy ma túy và tôi thấy cả Avril nữa.

Sau khi tỉnh dậy tôi thường phân vân không biết mình đang ở đâu, tôi cứ nghĩ rằng tôi vừa mới rời khỏi cái thế giới đó.

Trong một giấc mơ khác tôi lại thấy mình đang ở Ấn Độ. Trong lúc đi dọc theo con sông, tôi gặp một thiếu nữ gương mặt đầy tuyệt vọng, ăn mặc không giống loại gái làm tiền, nhưng trông có vẻ bệnh hoạn đang run rẩy cố gắng đứng lên. Tôi hỏi Richard cô ta làm sao vậy, Richard trả lời cô ấy nghiện ma túy. Ngày hôm đó sau khi tỉnh dậy tôi nguyện với Chúa rằng nếu tôi có dính đến ma túy thì xin hãy cho tôi chết ngay.

Chương 7

MA TÚY

Ở Maha Chai thứ mà thiên hạ gặp nhiều nhất là tượng Phật, người Mỹ đen gọi là ‘cheeba’, và heroin. Hầu như anh chàng ngoại quốc nào bước vào đây cũng đều hít heroin. Trước khi bị tổng giam vào trại này họ chưa hề chạm đến ma túy. Nhưng vì ở đây họ phải chạm mặt với hoàn cảnh quá sức kinh hoàng hằng ngày nên phải làm quen với nó.

Hiện nay tôi nằm trong tay bọn Thái đáng ghét đã gần 300 ngày rồi và mỗi khi giật mình tỉnh giấc đều thấy hoảng sợ. Nỗi kinh hãi làm giật thót người như khi ta xem phim kinh dị và cứ như thế nó kéo dài không biết chừng nào mới dứt. Thỉnh thoảng một hình ảnh hoặc một lời nói nào đó từ quá khứ hiện về trong trí giúp tôi quên đi trong thoáng chốc, nhưng rồi như một cú điện giật, lại đưa tôi trở về thực tại với một nỗi ê chề. Do đó, tôi bắt đầu làm quen với ma túy.

Đối với ai chưa hề sử dụng heroin, tôi sẽ cố gắng mô tả cái cảm giác mà nó mang đến cho chúng ta. Không ngoài mục đích nào khác, tôi chỉ muốn giải thích tại sao tôi nghiện ma túy mà thôi.

Khi yêu một người, ta biết người đó sẽ cùng có cảm nhận giống hệt như mình. Ma túy mang lại một sự phấn chấn, một cảm giác khuây khỏa và thỏa mãn tuyệt vời. Nó cho ta cảm giác như thế đấy. Đối với thể xác thì cảm giác này dễ nhận thấy hơn *rất rất* nhiều. Dù ở vào hoàn cảnh tồi tệ nào đi nữa, nó đều giúp ta chịu đựng được hết. Tóm lại, ma túy đem lại cho ta một thế giới thật tuyệt vời, giúp ta tỉnh táo trong mọi tình huống dù đau khổ nhất. Sự thay

đôi này thuần túy thuộc về cảm xúc - một vài cảm giác hạnh phúc hòa lẫn cảm nghĩ rằng cái gánh nặng trong ta được cất lên bay bổng một cách phi thường. Và gánh nặng càng nặng thì cảm giác bay bổng càng cao. Ở nơi này - như Maha Chai hay ở bất cứ trại tù nào, heroin là một giải pháp thật hoàn hảo.

Đương nhiên khi tác dụng của heroin hết rồi thì ý thức vấn đề thực tế càng khó chịu hơn, thế nên ta cứ tìm mọi cách để trở lại cảm giác lâng lâng trên. Như thế là không ai thoát được nó rồi! Trong khi ta vẫn còn vương vấn với sự vui sướng đã trải qua, đồng thời trạng thái bồn chồn cứ lần quần trong đầu thì ta sẽ lao sâu thêm vào cái vực đó.

Tôi nghĩ rằng các nhà chức trách cố gắng giải thích cho trẻ em lý do không được dùng ma túy mà cố tình tránh đề cập ma túy sẽ mang lại sự vui sướng như thế nào là đi sai đường. Tất cả những điều họ nói với trẻ em là: Nếu hút heroin vào thì sẽ bị ói mửa, đau đớn khắp người đến độ có cảm giác thân thể sắp bị nứt ra. Thế nên khi những trẻ vị thành niên thử hút lần đầu - điều này không thể nào tránh khỏi xảy ra và khả dĩ còn hơn bây giờ nhiều - chúng thấy tuyệt vời không tả xiết. Chẳng có ói mửa, chẳng thấy đau đớn và cảm giác vô vọng mà họ đề cập cũng chẳng thấy xuất hiện. Chúng kết luận rằng các ông bà có chức quyền kia chỉ cảnh báo những điều trên mà lơ đi trạng thái phờ phớt thật sự do heroin mang lại. Họ đã nói dối hoặc quá ngu dốt. Tôi tin rằng nếu cái yếu tố bất ngờ này được đưa ra đồng thời với hậu quả của nó thì sẽ có ít người tình cờ rơi vào hoàn cảnh nghiện ngập hơn. Tôi thì hoàn toàn khác. Không có sự ngẫu nhiên nào, tôi nghiện chỉ vì quá tuyệt vọng và điên cuồng trong lúc đi tìm giải pháp thoát khỏi trại Maha Chai.

Mặc dù ngày xét xử gần đến nhưng tôi biết đấy chỉ là hình thức, chẳng có sự xét xử nào cả. Tôi hoàn toàn tin như thế vì nhìn vào những gì đã thấy ở đây - những bức tường, những gương mặt vô hồn, những kẻ giết người, những cảnh tra tấn, chuột cống và phân người... Đấy, cuộc sống của tôi sẽ vẫn tiếp tục. Tôi chỉ ước ao mình có thể sống rồi chết một cách yên bình tại nơi này. Vì vậy, tôi bắt đầu hút heroin. Và ngay tức khắc tình huống xung quanh trở nên dễ chịu hơn. Nhưng hút hay hít heroin ở đây rất nguy hiểm vì

bọn lính có thể nhìn thấy khói, ngửi thấy mùi, hoặc nghe tiếng hít. Thế nên, tôi đành phải chích thôi.

Ống tiêm ở Maha Chai đâu có được dồi dào. Cũng như những thứ khác, muốn có nó trước hết bạn phải có tiền, sau đó tìm cho ra tên lính nào thích hợp. Nhưng đối với nhiều tù nhân việc này không thể thực hiện được. Trong đây, tuy nhiên, người ta phải học cách xoay xở. Đặc biệt, người Thái là một nhóm người xoay xở rất tài tình. Họ nghĩ ra phương pháp để chích mà người Mỹ đen gọi là ‘New York Gutter Rig’. Khi không có ống tiêm, họ dùng bút bi. Rút hết mực trong đó ra rồi làm cho sạch chùng nào tốt chùng đó, một đầu gắn kim tiêm vào - kim kiếm được từ bệnh xá của nhà giam, thường không bén lắm - được gắn vào một đầu ống rồi đốt xung quanh cho nhựa dính chặt vào kim. Sau đó họ cho bột heroin vào với số lượng cần thiết rồi đâm kim vào tĩnh mạch, nhưng cần phải có một người kê miệng vào đầu kia để thổi cho thuốc đi ra.

Mua heroin lậu trong này không khó khăn lắm, chỉ cần hỏi lộ mấy tên lính thì chúng sẽ lờ đi hoặc chính chúng nó mang vào bán cho bạn. Sự trớ trêu không bao giờ chấm dứt đối với tôi ở chỗ: chính loại thuốc này đã đưa tôi vào đây và cũng chính nó là thứ duy nhất giúp tôi tỉnh táo trong nhà lao này. Tôi nghĩ tôi sẽ không tranh cãi với bất cứ ai khi họ bảo rằng đến một lúc nào đó heroin sẽ sai khiến đời tôi.

Một hôm tôi đang kể chuyện vui cho vài người Thái nghe - lúc bấy giờ tôi đã học ngôn ngữ của họ tạm đủ để hiểu nhau. Tôi giả như mình đang điều khiển một cuộc đua ngựa. Tôi đặt tên ngựa bằng tên của vài người bạn và của mấy lính canh. Họ vui lắm. Bất chợt Prisit đi ngang qua, hắn nghĩ đó không phải là chuyện đùa bởi vì hắn không có óc khôi hài, hay cũng có thể óc khôi hài của hắn đã để chỗ nào khác. Hắn không thích thấy tù nhân vui hay nghe tù nhân cười, đặc biệt khi người kể chuyện lại là tôi. Tôi không hiểu sao hắn ghét tôi hơn những người khác. Tôi nhận thấy đúng là như thế!

May mắn cho tôi, chính các nhân viên của trại cũng nhận ra điều này nên họ cho chuyển tôi vào trại khác, nơi không thuộc quyền cai quản của Prisit. Tuy nhiên, hắn còn quyền hạn để khiến cuộc đời tôi điều đứng, nhiều chùng

nào tốt chừng đó. “Mày là tên làm trò hề hả, Warren?” Lúc đó cả phòng im bật. “Nào, thử ra đây làm cho tao cười xem.” Tôi không nói gì cả. Thấy tôi im lặng, hắn đập tôi một cú như trời giáng và ra lệnh lục soát đồ đạc của tôi. Hắn đã tìm được cái hắn muốn, heroin. Thế là tức khắc hắn tường trình lên cấp trên để tổng tôi vào phòng 39, phòng tối của trại I. Tôi nằm ở đây ba tháng! Theo tôi được biết thì chỉ có ba người ngoại quốc sống sót sau khi ra khỏi phòng tối này. Và tôi là người duy nhất biết họ, những người hiện còn sống sót.

Có một người Đức mắc bệnh lao khi còn ở phòng tối này, sau khi được thả, trông anh ta vẫn còn khỏe mạnh. Nhưng trước khi mọi người nhận ra điều gì đang xảy đến thì anh ta đã tắt thở. Tôi cho rằng có lẽ khi thoát ra được cái hộp tối tăm nhỏ xíu đó anh ta thấy nhẹ nhõm nên che giấu bệnh tình của mình. Một người Mỹ đã bị bọn lính gác giết vì lý do gì không ai biết. Chúng mở cửa xà lim, chụp lấy sợi dây xích và bắt đầu lôi đi. Chúng liên tục kéo anh ta lên xuống cầu thang nhiều lần, mỗi lần như thế đầu anh va mạnh vào các bậc thang dưới mỗi bước chân của chúng. Hành động này kéo dài 20 phút cho đến khi tiếng hét tắt hẳn cũng là lúc hộp sọ anh ta đã dúm dó hoàn toàn. Khi đưa anh vào bệnh xá, chúng tôi thấy hai cánh tay của anh bị đâm thủng nhiều nơi. Bọn lính gác báo cáo láo rằng anh đã sử dụng thuốc quá liều nên lúc leo cầu thang bị trượt ngã và đầu lao thẳng xuống đất.

Vừa nghe tin con mình chết, mẹ anh ta khăng khăng đòi mổ tử thi để khám nghiệm và đương nhiên người không tìm thấy một chút dấu vết heroin nào! Từ đó tôi không còn nghe về bà ta nữa, nhưng nếu bà còn sống thì có lẽ bà vẫn còn vận động để san bằng cái nhà tù Maha Chai.

Thời gian nằm ở phòng tối 39, tôi gặp một người Hoa tên là Sati. Anh ta là người có tâm hồn và rất hòa nhã. Không những thân thể anh tráng kiện mà tinh thần cũng mạnh mẽ nên anh được mọi người, từ tù nhân đến lính canh, kính nể. Và ai cũng biết Sati có mối liên hệ với bên ngoài rất chặt chẽ.

Đương nhiên Prisit chẳng ưa gì Sati, khi có dịp là hắn ra tay trừng phạt ngay. Dù ra oai đến đâu Prisit cũng không thể làm Sati nể sợ dù chỉ một chút. Ai cũng biết rõ Prisit muốn hành hạ Sati hơn hành hạ bất kỳ người nào

khác ở Maha Chai. Nhưng chẳng muộn, hắn có dịp rồi đây. Trong khi Sati bị biệt giam, vào giờ đưa thức ăn vào xà lim, anh ta nhờ một anh tù Thái chuyển bức thư ngắn cho tên lính gác đặc biệt. Anh này nhận lời, nhưng trên đường đi đã mở thư ra đọc. Trong thư Sati nhắn mấy người bạn bên ngoài gửi tiền vào cho anh tiêu, nhưng khi đưa lá thư cho tên lính, anh Thái nói với tên lính rằng Sati muốn số tiền gửi vào đó được an toàn nên phải giao cho anh ta giữ đến khi Sati ra khỏi phòng biệt giam. Vài ngày sau, Sati hỏi tiền của anh đâu thì mới biết tên Thái kia đã lấy tiền của anh tiêu mất rồi. Khi ra khỏi phòng biệt giam, Sati không hề đi tìm anh Thái để lấy tiền lại, hình như anh đã quên bằng sự việc này rồi.

Mấy tháng sau, khi Sati lãnh thêm một hạn tù khác ở phòng tối thì anh chàng Thái này xuất hiện. Để cố gắng moi thêm ít tiền nữa, anh Thái tình nguyện đi đổ phân cho các phòng tối ở đây. Khi anh ta vừa mở cửa, Sati phóng đến chụp lấy cái thùng phân trên tay, đập mạnh lên đầu anh ta làm chiếc thùng vỡ ra hàng trăm mảnh. Người ướn sững vì nước phân và trong lúc anh ta chưa kịp phản ứng thì Sati nhanh như cắt nhặt một mảnh gỗ nhọn thọc ngay vào tai anh Thái. Thanh gỗ đi thẳng vào óc nạn nhân.

Chẳng để mất tí thời gian, Prisit có mặt ngay ở hiện trường - đây là cơ hội hắn đợi chờ từ lâu. Chẳng một lính gác nào chứng kiến sự việc xảy ra và không một ai trong đám tù dám hoặc muốn lời tên Sati ra cả. Lại một lần nữa Prisit bị tước đi quyền kết tội Sati. Tuy nhiên, hắn lôi Sati lên phòng tra tấn và giữ anh ta ở đó trong mấy ngày. Không một ai biết chính xác việc gì xảy ra trong những ngày Sati bị giam giữ ở đó. Nhưng chắc chắn Prisit đã hành hạ Sati đến tận cùng như hắn từng mơ ước. Khi Sati trở lại phòng giam, thân xác anh trông tả tơi một cách thê thảm. Và lúc nào cũng vậy người ta chỉ thấy Sati ngồi trầm ngâm trong một góc phòng.

Qua mấy tuần lễ sau chúng tôi nhận xét thấy anh ta có hơi thay đổi, nhất là khi Prisit xuất hiện. Vừa thấy tên cai ngục, Sati cúi gằm mặt xuống như không muốn đối diện cái nhìn chăm chăm của hắn, song thái độ của anh chẳng hề tỏ ra khúm núm chút nào và hình như có vẻ trầm tư hơn, như thế

anh không muốn bị lôi kéo vào một trận chiến kém quan trọng hơn cơn bão tố sắp xảy ra.

Tất cả tù nhân ở Maha Chai chán ngấy hành động độc ác của Prisit. Nhiều người cho rằng hẳn được nuôi dưỡng bằng quá nhiều thù hận nên thế nào cũng chết sớm. Nhưng không, bao quanh Prisit là một nhóm bộ hạ toàn cấp trung úy nên mọi cố gắng mưu sát nào, có thành công hay không thì kẻ chủ mưu cũng bị chính tay hắn kết thúc cuộc đời.

Một hôm, tin dữ lan ra toàn ngục thất. Ai cũng biết công việc ngoài giờ của Prisit là lái taxi vào ban đêm. Theo tin đồn, Prisit như thường lệ lái lòng vòng ở khu phố Tàu để kiếm khách. Hôm đó, hắn chở một cô Thái còn trẻ đi chơi với bạn về. Cô này đã ngà ngà say nên nàng nói chuyện huyên thuyên với hắn. Nàng đã phạm một việc hết sức sai lầm là kể cho hắn nghe về chuyện anh nàng, người mà nàng vô cùng yêu quý, đã chết trong thời gian thụ án ở Maha Chai.

Bản chất đen tối nổi dậy, Prisit không thể nào cưỡng lại món quà ngon lành tự dưng đem dâng đến tận miệng. Thay vì chở cô gái về, hắn đưa cô ta đến một con đường vắng vẻ, cưỡng hiếp dã man và bỏ cô ta nằm lại đó. Rồi tình cờ có người đi qua thấy nàng suýt chết. Câu chuyện này là một cảnh giác cho tất cả những anh tù có gia đình đang sống ở Bangkok. Đối với họ, hàm ý này kinh tởm quá sức chịu đựng.

Cách một hôm sau ngày sự việc trên xảy ra, tù nhân ở Maha Chai choàng tỉnh giấc trong trạng thái kinh hoàng do tiếng xì xầm của bọn lính gác từ phía cổng. Trước cổng trại là một cảnh vô cùng rối loạn. Gần đến trưa thì tin tức lan ra khắp trại như một tia lửa điện: Tối hôm trước, Prisit cũng lái taxi chở khách, hắn gặp một người Hoa ăn mặc rất sang trọng. Người này bảo hắn chở đến một nơi ở ngoại ô thành phố với giá thuê rất hậu hĩ. Prisit hẳn đang hồ hởi với món tiền rất hời này. Tuy nhiên, khi xe đến chỗ hẹn, anh Tàu rút súng ra lệnh cho Prisit bước ra khỏi xe. Tại đây đã có vài thanh niên đứng đợi sẵn. Thế là Prisit bị rơi vào ổ phục kích.

Sáng sớm hôm đó, mấy lính gác nhìn thấy trên con đường ngay trước cổng trại một người nằm bất tỉnh. Đó là Prisit. Hắn bị đánh đập và bị cắt xẻo nhiều chỗ: bàn tay phải quý báu của hắn đã từng thực hiện biết bao cú đâm, nay bị bẻ quặp đến tận nách và đặt chéo lên ngực như vũ khí của một người lính tử trận. Đương nhiên tin này làm cho tù nhân hân hoan và vui sướng ra mặt, ngoại trừ Sati.

Rõ ràng, khi nghe tin, anh ta gật gù và mỉm cười như thể nghe một câu chuyện mà ai đó đã kể từ lâu.

Chỉ có năm phút cho những buổi ăn sáng, thường thì chúng tôi như kẻ đi bới rác. Nếu tên lính gác nào tử tế, chúng tôi còn có thể thoả thuận để có một bữa ăn tương đối đậm bạc. Thỉnh thoảng, một anh chàng Thái xoay xở được ít bắp cải, anh ta mang bán cho tù nhân với món tiền khá hời. Hôm nào có cá thì người mua thường phải mang lên về phòng tối để ăn. Bởi vì khi tất cả mọi người kiệt sức vì đói mà thấy một anh có cái bắp hoặc cá ăn thì thế nào cũng đủ sinh ra chuyện đánh nhau đến chết.

Ăn thường là một việc rất khó khăn. Hầu như sáng nào chúng tôi cũng chẳng có gì để ăn ngoại trừ cơm thiêu. Có lần, họ cho chúng tôi chút gì đó để thay đổi. Khi tiếng còi vang lên, chúng tôi tiến lại gần cái bát của mình: lại là cơm, nhưng bên cạnh đó có thêm một bát nước trông rất bẩn. Tiến lại gần hơn để quan sát thì trong đó lênh bênh xương cá còn dính mỗi cái đầu, giống như túi trà trong tô nước bẩn thiêu. Trong cơm còn thêm một thành phần nữa là giò. Tất cả chuyện này không có gì bất thường, vì cơm lẫn giò chết, sạn và mấy cục đất là chuyện thường ngày ở huyện. Nhưng lần này thì giò vẫn còn sống và đang nhúc nhích. Nhiều anh đói quá nên chẳng ngần ngại gì, đặc biệt là người Thái, vì bao tử họ biết thứ gì thì tiêu hoá được. Có lần một anh Thái nói với tôi “Ở Maha Chai, bất cứ con gì nhúc nhích đều ăn tốt hết”.

Riêng tôi, dù cố gắng thử một ngụm nước cá nhưng không làm sao nổi trôi. Tôi ráng tách từng cục cơm nhỏ xíu ra khỏi đồng giò nhưng quả thật là rất khó.

Trong lúc tôi đang cố tập trung để nuốt cơm thì một tên lính vừa đi vừa nhai bí, nhổ phệt một hạt bí vào bát của tôi. Anh Thái ngồi cạnh tôi giục: “Chi yeng yeng”. Tôi biết rõ tên lính này muốn xem phản ứng của tôi ra sao, nhưng tôi giả vờ lơ đi và tiếp tục ăn. Nhưng sau khi đi hết một vòng, hắn ta quay trở lại và phun thêm một lần nữa. Lần này hạt bí bay thẳng vào mặt tôi. Trong tình huống không đáng dừng này tôi đã đánh mất lý trí, tức khắc nhảy chồm lên ném bát cơm vào mặt hắn. May mắn, tôi đã ném hụt. Tuy nhiên, tôi biết rồi mình sẽ gặp rắc rối to. Không suy nghĩ, tôi bật lên chạy nhưng sợi dây xích móc hai mắt cá chân khiến tôi không thể nào chạy nhanh được, chỉ vài feet trong một giây là cùng. Tôi hướng về phía cầu thang trước khi bị tên lính chộp cổ và mắng xối xả vào mặt. Rồi hắn đưa tôi lên cầu thang, ấn tôi vào trong một căn phòng và bắt ngồi đợi ở đó.

Một lúc sau, hắn trở lại cùng với vài tên khác. Trong tay hắn là một cái hộp trông giống như hộp đựng đồ tiếp tế. Toét miệng cười, hắn mở chiếc hộp và đưa cho tôi xem các thứ đựng trong đó: nào thơm đóng hộp, một hộp cá mòi, một hộp đậu hằm và một lọ chất dẻo làm từ men bia. Tên lính bảo rằng cái gói này là của Paul gửi, vì anh ta thường nhận quà ở nhà và đã yêu cầu để dành cho tôi. Trong khi tôi ngồi nhìn thì mấy tên lính kia thi nhau mở hộp thức ăn. Không thể nào tin nổi những thứ thức ăn rất thông thường này lại có thể được sử dụng như dụng cụ tra tấn, nhưng, vào ngày đặc biệt này, bị ép phải ngồi nhìn những tên lính ăn rồi cười trong khi tôi đói rã ruột thì nó thật hiệu quả như bất kỳ sự sỉ nhục nào mà họ có thể đối xử với tôi.

Duy có một điều làm tôi không đau lòng trước cảnh này: Sau khi ăn hết hộp thơm, tên lính, người đã phun hạt bí vào người tôi, mở tiếp lọ mứt. Miệng cười toe toét, hắn nhúng một ngón tay vào lọ và móc ra một cục nhựa đặc quánh đưa lên quệt vào môi. Khi nhìn thấy hắn ới mửa dữ dội, tôi quay lại phòng giam tức khắc.

Vào một đêm khá khuya giữa mùa hè, trước khi mùa mưa đến, tôi và khoảng hai mươi tù nhân khác bị nhét chung trong một phòng giam, tất cả đều bị xích. Phòng giam trở thành một cái hộp chứa đầy mồ hôi. Suốt mấy tiếng đồng hồ, không một ai cửa quậy - ngay cả mở miệng cũng không - vì

mỗi cử động nhỏ nhất nào cũng làm cho cơ thể tăng nhiệt độ. Ngoài ra, chuyển động chẳng có ích gì vì chẳng có nơi nào để đi tới đi lui và cũng chẳng có gì để nói.

Đột nhiên, như thể vừa mới xuất hiện, một anh Thái nằm trong góc phòng khiến tôi chú ý. Anh ta mặc một lượt hai chiếc áo đan chui đầu dài tay và trên người có đắp một cái chăn, rõ ràng anh ta đang run. Nhìn một hồi lâu cho đến khi biết chắc là anh ta đang bị bệnh, tôi có lý do chính đáng để xin đổi chỗ. Lúc đến gần, tôi thấy mồ hôi trong người anh ta đổ ra xối xả. Tôi cũng ngửi thấy có một mùi rất lạ. Lật chăn anh lên và cái tôi thấy khiến tôi muốn nôn ngay tại chỗ. Trông như thể ai đó đã lấy dụng cụ mở hộp mà cào chung quanh bàn chân và moi hấn gót chân anh ta ra. Trong hốc thịt đó, đám giò đang moi rúc. Quanh vết thương hiện ra một màu rất kỳ lạ, nó chẳng giống màu nào trong quang phổ cả.

Tôi nhờ tên lính gác đi mời bác sỹ, nhưng hần từ chối. Hần bảo với tôi sáng mai mới có. Tôi cố nài nỉ song hần bảo tôi im miệng rồi bỏ đi. Suốt mấy tiếng đồng hồ liền tôi không thể nào chớp mắt vì mùi vết thương của người này đã chi phối các giác quan khiến tôi không thể lơ đi được. Đến gần sáng thì mọi người mới hay biết và họ dịch ra xa để anh ta nằm một mình trong góc vừa run vừa thốn thức khóc.

Cuối cùng, tên lính cũng đến mở cửa và hỏi tôi có còn cần bác sỹ không. Khi tôi trả lời thì hần ta cũng nhận thấy mùi hôi và bắt đầu lùi xa. Tôi bảo hần là tôi sẽ đưa người này đi nếu hần chịu hộ tống chúng tôi đến bệnh xá. Hần đồng ý.

Lúc tôi mang anh ta đi, đôi mắt của anh đã đứng tròng. Rõ ràng anh ta đã hôn mê, còn mùi hôi thì thật không chịu đựng nổi. Khi chúng tôi đến bệnh xá, vị bác sỹ thở một hơi dài và biết ngay người này đã bị hoại tử. Sau khi khám xong, bác sỹ bảo chân anh ta cần phải cắt bỏ. Nghe nói thế, anh ta chột tình hần và tuyên bố thà bác sỹ lấy đi mạng sống của anh ta hơn là cắt mất chân. Là một tín đồ Hồi giáo, anh ta bảo việc huỷ đi một phần cơ thể mình là điều bị nghiêm cấm. Vừa nghe anh ta nói thế, vị bác sỹ xẵng giọng

trả lời: “Bằng bó một người rồi cho phép anh ta nằm chết trên giường của bệnh xá đối với tôi không thành vấn đề”.

Tôi đang đeo chuỗi tràng hạt trên cổ, tràng hạt này do một người bạn gửi cho. Tôi biết người Hồi giáo không hiểu được biểu tượng quan trọng của đạo Công giáo. Tuy nhiên, tôi cứ cởi ra trao nó cho anh và giải thích rằng vật này tượng trưng cho thiện ý của tôi và nó không vi phạm gì đến tôn giáo của anh cả. Tôi bảo anh ta cứ giữ nó đi và đồng thời, tôi cũng luôn nghĩ đến anh. Anh ta chấp nhận với một cử chỉ biết ơn rồi rơi vào trạng thái hôn mê trở lại.

*

* *

Vị bác sỹ sử dụng thuốc kháng sinh tetracycline trong trại Maha Chai. Theo tôi hiểu tetracycline còn lại sau Đệ Nhị Thế Chiến, đó là một loại thuốc độc, rẻ tiền mà ngày nay trong xã hội tiến bộ không còn ai dùng nữa. Và giờ đây nó được dùng chữa trị cho chúng tôi với bất cứ bệnh gì. Sau khi mổ hoặc băng bó một vết thương, bác sỹ chỉ cần bẻ cái cổ của ống thuốc tetracycline làm đôi và rắc chất bột lên vết thương, sau đó hình như nó lành lại rất nhanh. Mặc dù vậy, đây vẫn là một loại thuốc quá cũ không đáng tin cậy.

Anh Hồi giáo sau đó được chuyển về bệnh xá Lard Yao, kề bên trại tù khét tiếng Bang Kwang. Theo tôi thì chắc chắn anh ta đến đây để nằm chờ chết.

Nhưng... khoảng chín tháng sau, tôi được gặp lại anh chàng này. Anh vừa chạy xuống hành lang vừa reo gọi tôi. Khi đến gần, anh ta ôm chầm lấy cổ tôi và hôn tíu tít lên hai má. Tôi quá đỗi ngạc nhiên thấy anh ta vẫn còn sống và lại còn có khả năng chạy nữa. Anh ta đưa chân lên cho tôi xem, không thấy gì cả ngoại trừ một vết thẹo nhỏ xíu. Anh ta liên hồi nói cảm ơn tôi vì những điều tốt đẹp nhất mà tôi đã dành cho anh. Anh ta trả lại chuỗi tràng hạt và nói rằng nếu không có nó và sự quan tâm lo lắng của tôi thì anh ta đã chết chắc rồi.

Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc về Thượng đế. Cuộc đời tôi hiện nay đã đủ tồi tệ rồi, nhưng nó vẫn khiến tôi làm được một điều có ý nghĩa.

*

* *

Cuối cùng, sau ba tháng tôi cũng được thả ra khỏi phòng tối. Chắc tôi thích nghi với môi trường quá dễ dàng nên họ lại đem tôi nhốt vào một trong những căn phòng nóng của toà nhà số 9. Họ nghĩ tốt nhất là không nên ném tôi trở lại mảnh đất sống quá sớm.

Trước kia tôi đã từng ở đây nên biết rõ cái gì đang chờ mình: các bức tường ẩm mồ hôi, kiến lửa, muỗi mòng, không nhà xí... Nói chung thì phòng nóng tệ hơn phòng tối nhiều, nhưng điều khác nhau duy nhất là tôi có vẻ cách biệt hơn và không bao giờ ở đó lâu hơn một tuần. Tuy nhiên, có một cái gì đó về căn phòng này khiến tôi sợ chết khiếp.

Sau hai ngày nằm ở đây, vào một đêm tôi chợt tỉnh giấc và nghe rõ ràng âm thanh giọng nói của một người đàn bà. Tôi không biết nó từ đâu đến - không gần mà cũng chẳng xa, chỉ ở đó - hình như nó vang vọng dọc toà nhà một cách quái đản. Tôi cho rằng mình sắp điên rồi nên thoải mái với ý nghĩ đó, tôi trở lại ngủ tiếp.

Ngày hôm sau tôi kể cho anh Thái nằm kế xà lim nghe, nghĩ rằng anh ta sẽ cười và cho là tôi dở hơi, lẫn thần. Không ngờ anh ta cũng đã từng nghe giọng nói đó, và cũng biết nó là của ai. Theo anh kể toà nhà này trước đây là trại giam nữ, một nơi khét tiếng về chuyện cưỡng hiếp và chém giết hàng ngày. Anh ta tin đó là linh hồn của một phụ nữ đã chết trong ngục. Không những nhiều tù nhân mà cả lính gác cũng tin chuyện này. Anh ta còn kể chính mắt anh đã trông thấy người đàn bà đó.

Một đêm trong phòng nóng này, anh tỉnh ngủ vì cảm giác có người nào đó đang ở trong phòng. Còn ngái ngủ, anh bèn lật chiếc chiếu lên thì thấy một người đang nằm bên cạnh. Nhưng khi mở choàng mắt ra thì không còn thấy gì ở đó nữa nên anh quay lại ngủ tiếp. Anh chỉ mới thiu thiu ngủ lại thì cảm

nhận một sức đẩy rất mạnh từ sau lưng làm anh lặn ra khỏi chiếu và nằm ngay trên thềm. Anh quay lại nhìn và thấy nó. Mặc dù trong phòng rất tối nhưng anh cũng nhận ra cái dáng trên chiếu là một người đàn bà. Bà ta có một thân hình đẹp và mớ tóc dài dợn sóng. Anh không thấy được gương mặt vì bà ta nằm quay hướng khác, nhưng dù sao anh cũng biết rằng bà ta đẹp... Tuy nhiên, lúc đến gần thì bà ấy biến mất làm anh phân vân chẳng biết toàn thể sự việc vừa xảy ra có phải là giấc mơ không.

Không lâu sau đó anh đã có câu trả lời. Vào một buổi sáng rất sớm, lúc trời vẫn còn tối, anh tỉnh ngủ bởi sự rung chuyển khủng khiếp ở khu vực chung quanh toà nhà. Người ta tìm thấy một tù nhân treo cổ trên ống dẫn nước, chưa chết và vẫn còn tỉnh. Tự vẫn rất thường xảy ra ở Maha Chai nhưng lần này người làm cản trở sự việc lại là anh chàng sắp được phóng thích trong vài ngày nữa. Khi được hỏi tại sao hành động như thế thì anh ta có vẻ lơ đãng, cứ lặp đi lặp lại cái gì đó về người đàn bà có giọng nói rất hay.

Mãi về sau, khi đã hoàn toàn tỉnh táo, anh ta kể lại rằng anh đã thức dậy vào nửa đêm thế nào và thấy cánh cửa xà lim mở ra sao. Khi ló đầu ra cửa, anh thấy dáng một người đàn bà từ đằng xa, quay mặt về phía anh, vừa lướt chậm chậm xuống hành lang vừa thì thầm bảo anh đi theo. Khi đến gần khu nhà xí công cộng, bà ta không chạy nữa và bắt đầu quay lại. Đó là lần đầu tiên bà ta cho anh thấy mặt. Anh tù này chẳng nhớ chính xác mình đã thấy gì, nhưng anh ta bảo nó khủng khiếp khiến anh gần như muốn xỉu. Gương mặt đó bảo anh hãy đi theo. Đó là tất cả những gì anh còn nhớ rõ.

Khi được thả ra khỏi phòng nóng, tôi mất nước khá nhiều, lưỡi sưng vù trong miệng gần như không nói được. Sau khi được đưa vào bệnh xá, tôi xin bác sỹ cho uống nước nhưng bác sỹ bảo trong lúc này uống nước sẽ rất nguy hiểm. Tôi chỉ được nhỏ cho một giọt glucose thôi. Mấy ngày sau, bác sỹ mới bắt đầu thấm nước vào lưỡi tôi cách vài tiếng đồng hồ một lần.

Khi còn nằm ở bệnh xá, lúc tỉnh lúc mê, tôi tự hứa với lòng từ giờ trở đi tôi sẽ là một tù nhân tốt. Tôi đã đến Bangkok như một người hồ nghi về bất

cứ chuyện mê tín nào, nhưng giờ đây tôi thật sự sợ hãi toà nhà số 9 và không bao giờ muốn ở đó lần nữa.

*

* *

Một buổi sáng, Paul nhận được tin đau lòng là anh của anh đã chết trong một tai nạn xe hơi. Tôi cố hết sức an ủi Paul, nhưng biết rằng điều tôi có thể làm hoặc nói ra cũng không đủ để làm vơi bớt nỗi đau của anh. Giữa tôi và Paul đều cảm thấy có một sợi dây ràng buộc, ngoại trừ những chuyện khác, là cả hai đều có anh tên Gary. Và tôi hiểu nếu người chết là anh tôi chứ không phải anh của Paul thì tôi cũng tự nhốt mình trong chốn này, có thể điên lên vì quá đau khổ. Hai ngày sau đó, tôi không thể nào không nghĩ đến anh trai. Tôi biết rất ít về anh tôi. Chúng tôi cách nhau 9 tuổi, nên mỗi người có một đời sống khác biệt. Anh tôi đã giúp đỡ và bảo vệ tôi như phần đông những người anh lớn khác, nhưng điều đáng buồn là chúng tôi chưa bao giờ chịu tìm hiểu nhau nhiều hơn.

Tôi nhớ có một lần anh đã để lộ cảm xúc sâu kín của mình. Lần đó, chúng tôi đi xem phim *Spartacus*, lúc bấy giờ cả hai đều đủ trưởng thành để biết đó chỉ là bản thiên anh hùng ca của những chàng giác đấu được thổi phồng lên, nhưng có một điều gì đó về câu chuyện này đã chạm trúng tâm lý của anh. Kết thúc phim, *Spartacus* bị đóng đinh trên thập tự giá bên lề đường. Trong lúc này ông nghĩ rằng vợ và đứa con mới sinh của ông chắc đã bị bắt làm nô lệ. Bất ngờ gia đình ông xuất hiện trên con đường trước mắt ông, bằng cách lén ra khỏi vùng quê bằng một chiếc xe ngựa. Người vợ nhảy ra khỏi xe và đứng ngay dưới chân người chồng sắp lìa đời, hai tay nâng đứa con lên cho chồng thấy mặt.

“Nhìn đây *Spartacus*,” người vợ kêu lên. “Con mình được tự do rồi”.

Khi phim chấm dứt tôi quay nhìn anh và thấy anh khóc.

*

* *

Bây giờ, tôi vẫn phân vân về điều đó. ‘Tự do’ đã là một đề tài trong cuộc sống của chúng tôi lúc bấy giờ sao. Tôi không biết anh tôi cảm thấy thế nào về đứa em trai của mình đang bị bắt nhốt ở một nơi nào đó. Tôi muốn thoát khỏi những bức tường của Maha Chai này để bù đắp lại khoảng thời gian mà chúng tôi đã đánh mất.

Chỉ sau cái tin của Paul có vài ngày, Lão Già đến gần tôi với bộ mặt u sầu. Trên tay ông ta là một bức điện tín. Của tôi. Điện tín nói rằng đã có sự nhầm lẫn, không phải anh Gary của Paul chết trong tai nạn xe hơi mà là anh của tôi. Tôi vụt chạy. Tôi chạy dọc tất cả các hành lang rồi băng qua sân. Tôi chạy hết tốc lực. Cứ như thế tôi chạy mãi, chạy mãi đến khi gặp bức tường, tôi quành trở lại băng qua ngã khác. Một cái gì đó vừa mới móc lấy quả tim ra khỏi lồng ngực tôi và tôi hoàn toàn điên loạn. Tôi không thể ở yên và đứng yên trong cuộc đời khủng khiếp này. Tôi muốn chạy thật nhanh để thế giới tôi đang sống đây chấm dứt ngay sự hiện hữu, để mọi thứ xung quanh tôi không còn là thật, không còn gì hết, mà chỉ là cái bóng lơ mơ và không có tôi trong đó. Tôi đến bức tường của bệnh xá rồi quay lại và chạy tiếp, càng lúc càng nhanh. Những tên lính đuổi theo nhưng tôi không thấy chúng vì mắt đang nhoà lệ, cũng chẳng quan tâm mình đang đi đâu. Mỗi lần chạy chậm lại, tôi cảm nhận cái tin đó gần hơn và tôi lại chạy nhanh hơn. Tôi chỉ muốn đập phá các bức tường và cứ chạy để mọi đau khổ bị bỏ lại thật xa phía sau, không còn chạm vào trí nhớ của tôi nữa. Tôi chỉ muốn chết.

Chạy đến toà nhà số 1, tôi dừng lại và quỵ xuống khóc nức nở. Mấy tên lính xóc tôi lên chuẩn bị cho ăn đòn. Lúc bấy giờ có một người xuất hiện và kể cho chúng sơ sơ về tin không vui.

Sau đó, vẫn còn bị sốc, tôi lại nhận được lá thư của anh trai bảo rằng sẽ sớm đi thăm tôi. Theo ngày trên lá thư thì chỉ sau đó có vài hôm là anh tôi mất. Ngày 11 tháng 10 năm 1980, tôi nhớ rất rõ. Đó là hai năm tính đến ngày tôi bị bắt ở Bangkok.

Trong hai năm đó tôi trải qua biết bao đau đớn và sợ hãi, nhưng không có cái nào nghiền nát tôi như ngày nghe tin anh Gary chết cả. Tôi cảm thấy vô

phương hoàn toàn - không được, dù chỉ một hành động nhỏ nhất nhất để tỏ lòng yêu thương bằng sự có mặt để dự đám tang anh trai cùng với gia đình.

Tôi nhớ anh vô cùng, ngay cả bây giờ. Tôi hầu không thể nói về điều này thêm nữa.

*

* *

Vào những tối thứ Bảy ở toà nhà số 3, các tù nhân có hạnh kiểm tốt được phép lên lầu và vào phòng của lính gác xem tivi. Truyền hình Thái không phải là thú tiêu khiển sáng chói nhất thế giới, nhưng còn hơn ngồi xem mấy con rệp. Chúng tôi ngồi tụ tập xung quanh, im lặng lúc chương trình truyền hình phát ra ánh sáng lập loè giống như trò ma thuật của tương lai, nhiều người trong chúng tôi chẳng hiểu gì cả.

Vào một buổi tối đặc biệt như thế, trong toà nhà này có thêm một lính gác mới vì tên lính thường trực uể oải đã đi ngủ rồi. Thừa cơ hội tên lính mới không biết gì, vài anh tù ở toà nhà khác lẻn vào phòng xem TV. Gian phòng trở nên đông nghẹt và mọi người đang hào hứng xem các anh lính Mỹ trong phim chiến tranh thì bất ngờ tên lính thường trực xuất hiện. Hắn chưa thay đồng phục, trên người không mặc gì cả trừ mỗi chiếc xà rồng.

Thấy có các vị khách không mời, hắn tức khắc ra lệnh đóng hết cổng ra vào để không ai có thể thoát được. Tiếp theo, hắn ra lệnh cho tất cả chúng tôi xuống lầu và ngồi chồm hổm trên thềm rồi sai tên lính mới đi lấy một cây tre.

Hắn chậm chậm đi xung quanh, khi nhận diện những người thuộc toà nhà số 3, hắn gõ cây tre trên vai và bảo đi ra. Sau đó hắn bắt đầu hỏi những người khác tại sao có mặt ở đây, ai cho phép vào nhà này. Có rất ít câu trả lời thoả đáng.

Cuối cùng hắn bước tới trước mặt một tù nhân Thái chừng 18 tuổi, chỉ vừa mới đến đây thôi. Cậu này trả lời tất cả câu hỏi rồi tên lính bảo cậu bước ra ngoài. Cậu ta đứng lên cúi đầu chào hắn với một thái độ thật kính cẩn và biết ơn.

Không nói tiếng nào, hấn cầm cây gậy tre quất túi bụi vào mặt cậu bé. Hoàn toàn bất ngờ, cậu bé phản ứng dữ dội. Đầu tiên cậu thoi lại hấn, thêm một cú đấm khá mạnh làm tên lính ngã xuống thêm. Chỉ trong chốc lát Maha Chai trở thành một đám hỗn loạn. Căn phòng đầy lính gác và những lính áo xanh, chúng cố kiềm cậu bé lại cho đến lúc cậu chịu đứng yên.

Tên lính bị đánh đứng lên và bảo những tên khác mang cậu bé vào căn phòng ở cuối tòa nhà. Suốt một tiếng đồng hồ sau đó, chúng tôi đều nghe tiếng hét của cậu bé đang bị đánh một cách không thương tiếc kia. Sau đó cậu bị đưa sang toà nhà số 2.

Suốt ba tháng chúng tôi không gặp cậu ta và tưởng chừng không bao giờ gặp lại nữa, nhưng có đấy. Cậu bé bây giờ như một bộ xương biết đi. Da nó xám xịt như da voi, tróc từng mảng như thể bị ngâm mấy ngày liền trong nước nóng trước khi đem ra chà xát bằng giấy nhám. Lúc đi, người nó gập cong lại như đang trong tư thế ngồi chồm hổm. Hai con mắt thì phù đến độ trông chúng như hai vết rạch trong lớp thịt mỡ. Rõ ràng nó đã bị nhốt vào một cái lồng bằng gỗ nhỏ xíu chỉ đủ cho một người nằm cuộn mình như trái banh. Họ đã treo cái lồng lên trần nhà bằng móc xích, rồi dùng chiếc xà rộng phủ lên đến nỗi ánh sáng giả tạo từ những nơi tối tăm của căn phòng cũng không thể nào xuyên qua được thế giới của nó. Nó ở trong đấy suốt ba tháng trường để suy gẫm về tính khí của mình.

Tên lính, người bị đánh cũng có thời gian để suy gẫm về tính khí của hấn, nhưng hấn chẳng có một kết luận nào mới mẻ sau ba tháng. Vừa thả thẳng bé ra, hấn đã bảo mấy tên lính khác lôi thẳng bé ra sân và giữ mặt nó hướng thẳng về mặt trời chiều gay gắt.

Có lẽ chúng cũng đã bỏ thẳng bé vào trong chiếc lồng vĩnh viễn. Thời gian nó trở lại với chúng tôi quá ngắn ngủi. Tôi không biết điều gì đã xảy đến cho cậu bé sau này. Nó được đưa đi rất xa vài ngày sau đó, chúng tôi không bao giờ gặp lại. Không ai hỏi thăm về nó và thật ra cũng chẳng có gì để hỏi thăm.

*

* *

Hai tên Thái bị ném vào chung xà lim với bảy tên Thái khác. Tất cả họ đều phạm tội giết người. Trong cuộc truy hoan vào một đêm tối, mấy tên này đã cưỡng bức những người mới đến, dữ dội và tàn bạo, cho tới lúc thân thể nạn nhân rũ rượi vì đau đớn và xấu hổ. Mấy tên lính gác đã phải chau mày trước cảnh tượng này và sáng hôm sau cả bọn bị lôi ra trừng phạt.

Họ bị dẫn ngang qua trung tâm của toà nhà, nơi đó tất cả chúng tôi đã được lính gác cho tụ tập lại và khuyến khích nguyên rửa, sỉ vả hoặc ném vào họ bất cứ thứ gì chúng tôi có. Rồi chúng đưa họ ra sân để hành hình.

Nhưng vấn đề đó là gì? Thiệt hại cũng đã rồi. Người ta đã cho phép nó làm như thế. Chẳng ai thêm quan tâm đến chuyện xử tử mấy tên này. Vấn đề mà chúng tôi quan tâm là những tù nhân khác đã bị đối xử tàn bạo và tinh thần của họ suy sụp đến rã rời. Vậy mà chúng tôi được mời - không, bị ép buộc một cách thật sự - tham gia vào cái trò trừng phạt giả dối này. Chúng tôi chỉ tham gia một phần trong hành động dã man của Maha Chai thôi. Chúng tôi đã ở đây gần ba năm. Thời gian chờ đợi đến ngày xét xử dài khủng khiếp!

Ôi, tôi thù ghét nơi này. Ghét đến nỗi tôi mong muốn toàn thể nhân loại bị tận diệt hết đi cho xong.

Chương 8

NGÀY XÉT XỬ

*Đại tá Vyraj Jutimitta,
Đơn vị Phòng chống Ma túy Narc,
Bangkok
Ngày 4 tháng 10, 1978.*

Kính thưa ông Vyraj,

Ngày hôm qua, chúng tôi nhận được điện tín từ Canberra, nói rằng một anh Warren Fellows nào đó đã sử dụng hộ chiếu giả dưới tên Gregory Hastings Barker; cùng với Paul Cecil Hayward, đã đáp máy bay đến Thái Lan, có lẽ là đến Bangkok cách đây hai ngày. Fellows, tức Barker, được phép rời Úc, mặc dù đã bị phát hiện, hy vọng anh ta đã đến Bangkok và như vậy ông có thể bắt giữ anh ta vì tội vận chuyển ma túy sang Úc vào tháng hai năm nay.

Thêm một nguồn tin nữa là Fellows, và Hayward dự tính chuyển heroin trong những chiếc vali được thiết kế rất đặc biệt, khó có thể khám phá, bằng cách nhét những chất có thể thủ tiêu heroin qua mấy con vít để khi mở vít ra thì một loại nhựa thông khô nhanh sẽ thay chỗ cho heroin.

Tối hôm qua nhân viên tình báo cho tôi hay là đã thấy hai người này đi cùng với mấy tên tình nghi mà tôi biết. Anh ta bảo trước đây có gặp Barker một lần nhưng bây giờ không nhớ tên. Theo lời mô tả, tôi đưa hình của

Barker cho anh ta xem, anh ta xác nhận đúng hai người này là Barker và Hayward. Tôi yêu cầu tìm cách tiếp xúc với họ và một lần nữa, anh ta xác định đúng Barker và Hayward đang ở Bangkok. Anh ta còn cho tôi biết họ sẽ gặp nhau vào giờ ăn trưa tại khách sạn Montein, rồi sau đó anh ta thu xếp cho hai tên này gặp ‘một nhân vật’ nữa khoảng từ 3 đến 5 giờ chiều trong ngày hôm nay tại câu lạc bộ thể thao để đánh bi da.

Đồng thời tôi liên lạc với một người bạn làm ở hãng hàng không Qantas thì được biết thêm hai nhân vật tình nghi này đã đăng ký vé trở về Sydney trên chuyến bay Q16 vào thứ Tư ngày 11 tháng 10. Tôi cũng dặn bạn tôi cho biết ngay nếu có sự thay đổi. Sau đó, tôi tiếp xúc với một người làm ở khách sạn Montein, anh cũng biết người này, thì biết thêm Barker và Hayward đã đăng ký hai phòng 413 và 415. Tôi dự tính chiều nay sẽ ghé qua Montein để lấy bản photo thẻ đăng ký phòng và những chi tiết các cuộc điện đàm của họ. Tôi tin chắc buổi hẹn hôm nay là để giao heroin hay cocain đây.

Từ khi đến Bangkok, hai người này thường xuyên liên lạc với nhóm người bị tình nghi buôn bán và chở ma túy, chuyên cờ bạc, đánh cược cá ngựa và tổ chức tội phạm ở Úc. Họ gồm có những người đang bị truy nã và những người ngoại quốc mà khi bắt được sẽ bị trục xuất ra khỏi Thái Lan ngay. Cho đến nay, nhờ Đại tá Bamroong, Tướng Saneh, và Tướng Anant của Sở Di Trú, tôi đã có giấy bắt giữ hai tên này. Được biết gần đây chúng còn làm ăn ở Patpong và Pattaya và có tổ chức xuất khẩu sang Úc 600 kg ma túy giấu trong các hộp sắt. Đây là vấn đề hiện nay BMNU và tôi đang tiến hành điều tra. Rõ ràng là hai người này biết sẽ bị bắt nên định rời Thái Lan, trở về qua ngả Singapore và Malaysia để tránh bị phát hiện. Nếu ông cần, tôi có thể cung cấp lý lịch của bọn chúng và cả những tên khác, những người tôi đã từng lưu ý.

Kín đáo theo dõi Barker và Hayward, chúng ta sẽ lần ra người cung cấp, và nếu hãn bị nhận diện thì ta sẽ bắt ngay sau khi Barker và Hayward ra phi trường. Chúng tôi không tìm đường để heroin chạy vào Úc mà chỉ muốn hỗ trợ ông bắt giữ chúng ở Don Muang, và rồi sẽ làm sáng tỏ những vụ chuyển hàng tiếp theo vào đầu năm nay...

Mấy năm nay trong đầu tôi cứ loanh quanh về việc mình bị giam cầm và những sự kiện diễn ra trước đó. Tôi đã bị cầm tù được bao lâu rồi? Chúng tôi có phản kháng gì không? Hay đến một lúc nào đó chúng tôi có nghĩ sẽ thay đổi ý định tìm cách chuồn ra khỏi cái mạng lưới khốn kiếp này hay phải kết thúc cuộc đời mình trong vòng lao lý? Hết ba năm rồi mà việc xét xử không thấy nhắc đến. Tôi ngồi đây nhìn những bí mật của cuộc đời mình hiện dần ra trước mắt.

Từ tháng Hai năm 1978, Chó Điên cứ bám sát lấy tôi. Hẳn phía ra nhiều bằng chứng để kết tội tôi như: hẳn có nhận một cú điện thoại gọi từ công ty vận chuyển Thống Nhất, hãng này nằm ngay bên tàu Bangkok. Cú điện đó báo rằng có một người tên Warren Fellows, quốc tịch Úc, có đến gửi một kiện hàng, nhưng khi nhân viên hỏi giấy thông hành để làm biên nhận thì Warren tỏ vẻ kinh hoàng rồi tìm lý do ra ngoài và sau đó không thấy trở lại nữa. Qua một tháng không thấy người gửi trở lại, công ty Vận chuyển bắt đầu nghi ngờ và báo cho Cảnh sát. Chó Điên đến nơi và khám phá ra đó là một bọc ma túy. Hẳn lập tức vận động Đơn vị Phòng Chống Ma Túy Bangkok lùng kiếm Warren Fellows. Vào lúc đó tôi đang có mặt tại Úc. Quả thật, tôi đã rời Thái Lan vào thời gian nói trên. Chó Điên liên lạc với Cảnh sát Liên bang Úc tại Bangkok, sau đó họ báo về Sydney. Thế là tôi liên tục bị theo dõi. Giá tôi không trở lại Bangkok lần nữa thì các bạn đâu có đọc được câu chuyện này.

Sau khi nhận được điện cho hay tôi và Paul sẽ trở lại Thái Lan, ngay lập tức Cảnh sát Úc ở Bangkok đưa tin này cho Chó Điên lúc chúng tôi còn chưa hạ cánh.

Trong bản báo cáo, hẳn nói hẳn biết chúng tôi sẽ rời Bangkok trên chuyến bay Qantas ngày 11 tháng 10, lúc 3 giờ chiều nên đã cử người theo dõi chúng tôi. Trường hợp mất dấu vết thì hẳn sắp xếp tóm chúng tôi trước khi ra sân bay. Trong suốt thời gian này hẳn và tay chân bộ hạ luôn rình rập xem tôi có gặp Lão Già ở Natty Gems hay không và mong thấy chúng tôi ấu ả nhau tại quầy rượu Texan lắm.

Lời khai của Chó Điên hoàn toàn bịa đặt. Hãn tuyên bố đã thấy chúng tôi tiếp xúc với Lão Già nhiều lần tại các quán rượu và các nhà hàng rải rác trong Bangkok. Điều này chứng tỏ hãn muốn ném Lão Già vào tù hơn cả đối với Paul và tôi, nhưng hãn hơi tuyệt vọng vì chưa tìm ra chứng cứ.

Hãn còn nói rằng: “Fellows công nhận ngay là heroin không để trong phòng anh ta mà đưa sang phòng Paul cất giấu.” Tôi chịu không hiểu được tại sao hãn lại theo dõi đến như thế. Chưa hết, hãn còn bảo trong khi cảnh sát đang tìm kiếm thì có một cú điện thoại bí mật gọi cho tôi, hãn bắt máy và nghe một giọng nói khàn khàn. Người gọi, nói tiếng Anh với giọng Úc, xin cho gặp ông Barker. Hãn trả lời Barker đã đi khỏi. Người gọi hỏi tiếp: “Vậy ai đang ở đầu dây?” Hãn tự xưng hãn là nhân viên làm vệ sinh của khách sạn, xong hãn cúp máy.

Hãn hỏi tôi: “Ai thế?”. Tôi trả lời: “Lão Già. À, chúng tôi có một cuộc hẹn tại Natty Gems vào 9 giờ 30.” “Tại sao anh phải đến gặp ông Sinclair?” “Gặp để lấy cái vali đựng heroin đem ra phi trường”.

Sau đó hãn còn bịa thêm: có một cuộc gọi khác cho tôi, và như lần trước, hãn cũng bắt máy và cũng trả lời tương tự. Tôi thắc mắc không biết cái óc thám tử của hãn để ở đâu mà lại hành động ngu ngốc đến thế. Không chỉ một lần mà đến hai lần? Một nhân viên Cảnh sát được huấn luyện kỹ càng sẽ không bao giờ ra lệnh cho tôi nhắc máy lên trả lời vài chữ rồi giựt phắt lại cả. Thật ngu xuẩn! Lại một lần nữa hãn mưu đồ để đưa Lão Già vào tù.

Tôi không cố biện minh mình bị kết án sai bởi những quan chức tham nhũng, nhưng chỉ muốn nói rằng tôi bị kết án hợp lý bởi các quan chức thoái hóa thôi.

Ở tòa án, Chó Điên cố tình quấy rối viên chánh án. Hãn lôi chiếc ghế dành cho nhân chứng đến gần chỗ hãn ngồi. Viên chánh án phải cảnh báo Chó Điên rằng nếu hãn còn tiếp tục hành động như thế sẽ bị đuổi ra khỏi tòa. Ngay khi lời cảnh báo đưa ra, một quan tòa khác được đưa ngay vào thay thế: Quan tòa Travorn.

Trong vòng hai năm, cứ vài tuần chúng tôi phải ra hầu tòa một lần. Sắp đến ngày tuyên án tôi cảm thấy rất căng thẳng. Tuy nhiên cũng thấy nhẹ nhõm phần nào bởi vì tôi không còn muốn thấy cái kiểu nghi thức lúc hỏi cung. Tôi ghét ngồi trên chiếc xe buýt cũ kỹ chạy xuyên qua các đường phố được hộ tống bằng cả đồng lính trang bị những khẩu M16; và ghét ngay cả việc chặn sự lưu thông công cộng để lùa chúng tôi ra khỏi xe... Như tôi đã nói, tòa án ở đây chỉ là một trò hề. Mọi thứ đều được quan tòa Travorn quyết định sẵn trước khi ông ta nhìn thấy mặt chúng tôi.

Mấy ngày liền không có heroin chích nên tôi như bị bệnh nặng, dáng đi đứng kỳ quặc không sao chịu được.

Tôi mừng vì nó sắp chấm dứt.

Không có gì nghi ngờ về việc Paul và tôi bị bắt vì ma túy cả. Điều này thật rõ ràng. Điều tôi hy vọng là quan tòa Travorn có đủ bằng chứng để tin rằng Paul chỉ là một người không chủ tâm đồng lõa trong vụ này thôi. Tôi cũng tin Lão Già sẽ thoát án một cách nhẹ nhàng. Đây có thể là mong muốn của tôi vì tôi chắc chắn ông ta vô tội trong chuyện làm ăn này. Riêng tôi, tôi đang chờ đợi những điều tồi tệ nhất xảy đến.

Lúc bấy giờ tôi chưa biết tiếng Thái nhiều nên chỉ hiểu được những điều căn bản, còn thì được luật sư của tôi thông dịch. Sau khi xem xét tất cả hồ sơ của chúng tôi, viên thẩm phán ra quyết định cuối cùng: tôi, Paul Hayward, Lão Già và Noi cố ý tàng trữ và phân phối heroin. Tất cả đều bị tuyên án có tội. Riêng Paul thì mức độ nhẹ hơn vì không trực tiếp trong việc này. Nhưng trong lúc đọc bản phán quyết ông ta có một thái độ rõ ràng đối với nguồn cung cấp, đó là Lão Già. Vừa nghe đến tên mình, dù chẳng hiểu gì cả nhưng lão ta bắt đầu nổi cáu và quay ra nói lia lịa với luật sư của lão. Vị luật sư phải ra hiệu cho lão ta im lặng. Vào lúc này trước mắt chúng tôi diễn ra một màn xử oan thật thú vị. Rõ ràng hệ thống pháp lý Thái đã thừa nhận bằng chứng nói rằng tôi đã làm việc do chỉ thị của Lão Già, người mà họ tin là đầu não của toàn bộ hoạt động. Sự phán quyết này gây sốc cho ông ta, nhưng cũng là một may mắn cho Paul vì không có bằng chứng nào tỏ ra Paul quen biết với lão. Tôi tin tưởng Paul được thoát tội một cách nhẹ

nhà. Nhưng không... Travorn tuyên bố Paul Hayward bị 30 năm tù giam. Ba THẬP NIÊN ở chốn này. Chúa ơi! Còn tôi, Lão Già và Noi, cả ba đều bị tù chung thân. Mặc dù khi bước chân vào đây tôi đã mong những điều tồi tệ nhất rồi, nhưng khi nghe âm vang của chữ “cả đời” thì đầu gối tôi muốn sụp xuống, cổ họng tôi như bị thắt lại trong sự nổi loạn. Cuộc đời tôi và mọi thứ bây giờ tan biến hết, thay vào đó là ‘cái đời’ đầy ghê tởm, đầy ghét bỏ, không tình thương và vô vọng này. Lão Già cáu tiết vì thất vọng, cố gắng gây sự chú ý với luật sư ông ta, nhưng ông này vẫn đưa tay lên ra hiệu cho lão im lặng. Kẻ đáng ghét già nua tội nghiệp này chưa hay rằng cuộc đời còn lại của mình đã bị hủy diệt. Lão nghiêng về phía tôi để nhờ tôi giải thích, tôi không còn tự chủ được nữa nên buột miệng một cách tỉnh bơ: **“Chúng ta, tất cả đều có Số.”** Về mặt lão lúc bấy giờ không thể nào diễn tả được.

Như thế tôi thoát khỏi trại Maha Chai và nghĩ rằng mình may mắn nhưng không, tôi lại bị đưa đến một chỗ đáng sợ hơn nhiều: Bang Kwang, nơi người Thái gọi là Con Cọp Khổng Lồ. Họ còn bảo nó hay rình mò để kiếm mồi ăn thịt.

Chương 9

CON CỌP KHÔNG LỒ

Người phụ trách chuyển chúng tôi qua nhà giam này là một viên chức đã từng cai quản trại Maha Chai trong một thời gian ngắn nên ông ta biết tôi và Paul. Không rõ vì lý do gì ông ta có cảm tình với chúng tôi nên đã mở cho chúng tôi một tài khoản bằng số tiền của ông ở một cửa tiệm thực phẩm.

Sau khi lệnh án đưa xuống chúng tôi được để qua một bên chờ khiêu nại. Ông này bảo ông có ý định đưa chúng tôi qua nhà lao Lard Yao, nơi đó ít khắc nghiệt hơn Bang Kwang. Bang Kwang là nhà tù man rợ nhất mà chưa một người ngoại quốc nào bị giam ở đó cho dù tội có nặng đến thế nào đi nữa.

Tại Lard Yao, chúng tôi bị nhốt chung với 20 người khác trong một xà lim của khu V và phải đợi ở đó một tháng để các viên chức xếp loại tù nhân theo phẩm chất từ hạng xuất sắc đến hạng kém. Cái điểm khó để giữ cho mình có phẩm chất tốt là phải luôn luôn làm đúng theo nội quy. Nhưng muốn tồn tại thì chỉ còn cách phá luật thôi. Trong xà lim này tôi không thấy ai thi hành nội quy nghiêm chỉnh cả. Hầu hết họ đều sử dụng ma túy, thứ này thì đầy rẫy, vì đó là giải pháp tốt nhất giúp cho bạn bình tĩnh trong mọi cách ứng xử để tránh sự chú ý của người xung quanh, miễn sao bạn không dễ bị bắt gặp là được. Đêm đầu tiên của tôi thật khốn khổ, vì cách chỗ tôi nằm không xa, có một người vừa bị giết. Chúng tôi nằm đây nghe hết..., và tình huống đó như đem lại một ý nghĩa mới vào thời điểm này. Trước đây tôi có cảm giác

rằng mọi thứ xung quanh tôi đều tạm bợ, và việc bị tổng giam ở Thái một ngày nào đó cũng đến hồi kết thúc.

Trong lúc xét xử, tôi vẫn còn chút hy vọng, một thứ hy vọng thật mong manh và dù mong manh thế nào đi nữa trong lúc này cũng đủ rọi sáng lối cho tôi đi. Nhưng bây giờ tôi biết mọi thứ đã hoàn toàn chấm dứt và không cách chi đảo ngược lại được! Những đêm dài nằm nghe tiếng nước nở, tiếng rên rỉ của những người đồng cảnh ngộ chèn nhét trong căn phòng chật cứng này, cuộc đời tôi từ đây trở đi là thế đấy.

Làm sao bạn có thể quên được cái thực tại kéo dài suốt cả ngày, đó mới là điều đáng ngạc nhiên. Nhiều lúc nó xảy ra và phô diễn rành rành trước mắt, né tránh thế nào được? Lờ đi thế nào được trong những ngày dài như thế? Đêm nay, tôi không thể nào tin rằng mình còn tồn tại trong suốt thời gian ở đây. Sao tôi không chết vì buồn phiền, vì sợ hãi - trong lúc những cảm giác đó cứ triền miên không dứt - cho xong? Một sự thật ghê rợn rõ như ban ngày đi vào tâm trí tôi và sau đó tan biến một cách nhanh chóng như thể có một người, mà tôi đã từng là người đó, nhập vào thân xác tôi, nhìn thấy cảnh tượng quá ghê tởm rồi rời bỏ tôi ngay khi chưa đầy một giây để cảm nhận sự đau khổ này. Tôi nhắm mắt lại và cố dỗ giấc ngủ.

Chỉ sau năm ngày nằm ở Lard Yao, Paul, Lão Già và tôi bị đánh thức sớm để đến gặp giám đốc trại. Một tin xấu đây.

Suốt thời gian nằm đây vì không chịu làm quen với hệ thống nhà tù, Lão Già đã tìm cách hối lộ cho một lính gác nhưng thật tội nghiệp cho lão. Lão đã chọn nhầm người, đem tiền hối lộ cho tên trưởng trại. Cả ba chúng tôi đều xem như có dính líu đến việc này, giống như một con thú có nhiều bộ óc. Vì vậy ông giám đốc bảo rằng nếu để chúng tôi ở lại Lard Yao sẽ không bảo đảm an toàn và vì không có phương án nào khác nên buộc phải đưa cả ba sang Bang Kwang.

Khi ở Bangkok, tôi đã nghe người ta đồn đãi về Bang Kwang rất nhiều. Đó là một nhà tù đáng sợ nhất thế giới. Nếu có khả năng bị bắt, họ có thể giam tôi ở Con Cọp Khổng Lồ. Nhưng không hiểu sao, lúc đó tôi cứ cho là

chuyện xa vời - rằng mình không thuộc loại phải vào Bang Kwang. Vì Bang Kwang là nơi dành cho những hình thức nhân tính thấp nhất, vô vọng nhất nên không ai nghĩ mình sẽ vào đấy, ngay cả những kẻ giết người.

Chân đã bị cùm bằng những sợi dây xích rất nặng, chúng tôi bị đẩy lên chiếc xe tải để đưa đến Bang Kwang, lao xá cuối cùng. Không nhà tù nào nặng nề hơn nơi chúng tôi đang đến và chính nó cũng là chỗ tận cùng của con đường tù tội.

Lúc sắp đến gần cổng, tôi không thể tin rằng Bang Kwang đồ sộ đến thế; nó hiện ra lù lù trước mắt chúng tôi như một con quái vật. Tôi cảm thấy kinh hãi. Mấy năm nay tôi nghe nhiều truyền thuyết về nơi này và bây giờ thì tôi đã diện kiến nó, và đang đến gần nó. Hình như nó đang lôi tôi vào, rì rầm bên tai tôi sự căm ghét, giống như một cái máy ketch sù chứa chất những điều bất hạnh đang hoạt động.

Nói quá lên một tí, như thế chúng tôi đang bước vào một thế giới bị ruồng bỏ trong khi ngược lại bên ngoài nhà lao là các khu vườn được trang trí thật lộng lẫy và xa hoa. Những bức tường và hàng rào trồng đủ các loại dây leo, tôi tưởng chừng như đó là một phần của Thiên đường mà chúng tôi phải bỏ lại sau lưng. Không chỉ thế, nhưng cũng chẳng phải nói ngoa, các hình thức trừng phạt ở Bang Kwang rất dồi dào và hậu hĩ. Sự tàn bạo và sự chịu đựng như sôi lên trong lòng con dã thú làm nó thỏa mãn một cách điên cuồng.

Cái bất công ở chỗ, những người có tội đều vô giá trị và đáng bị hủy diệt trong khi những người có quyền đứng ra hủy diệt lại là những kẻ hành động đúng và được coi như Thánh sống. Đó là triết lý của người Thái.

Tôi nhìn những cánh cửa đóng sập sau lưng, có quá nhiều cửa, khó có thể tin rằng chúng đã từng được sử dụng để phục vụ cho một mục đích nào khác hơn là để cướp đi niềm hy vọng của những người đang bước vào đây.

Chúng tôi đi xuống một con dốc dài dẫn đến khu vực chính của trại. Ở đây, trong khu thăm viếng có nhiều lồng sắt và chấn song. Những chú ruồi bu vào mặt tôi như thể đón mừng kẻ về nhà mới. Mùi hôi thối của cống rãnh

không có nắp đậy và các bãi rác gần đó xông lên. Tòa nhà thẳng phía trước mặt có bảng đề, khu I: khu Truyền giáo.

Đầu óc tôi quay cuồng và hai chân hầu như không còn đứng vững nữa.

Sau khi bị truy tố, Lão Già thuyết phục các bác sỹ cho tháo xiềng ra. Họ chấp thuận chỉ vì lý do tuổi tác. Còn tôi và Paul thì phải mang cùm ít nhất trong một tháng. Điều này chẳng lấy gì làm ngạc nhiên bởi vì tới ngày hôm nay sợi dây xích được coi như một phần thân thể tôi rồi.

Trước khi chuyển về nhà mới ở trại II, Paul và tôi được nghe thuyết giảng về nội quy ở đây. Cũng chẳng khác gì những trại tù khác: 6 giờ thức dậy làm vệ sinh, ăn sáng và ngồi ngoài sân cho tới xế chiều khi đó mới trở lại xà lim. Chúng tôi được cho biết có ba loại hình phạt: Trại VI, nơi nhốt vĩnh viễn những người đặc biệt gây khó khăn; biệt giam, hoặc cho vào *khun deo*, những xà lim nhỏ xíu giống như ở Maha Chai hay vào *phòng đỏ*, chỉ chừng hai mét vuông, nhưng còn hơn là bị cô lập trong nhà đá lạnh lẽo của *khun deo*. Còn vài hình thức trừng phạt khác nữa mà người ta không nói đến khi chúng tôi ‘bị’ thuyết giảng. Những cái đó sẽ biết sau.

*

* *

Cái sân ở Bang Kwang hình như nhỏ hơn sân của các nhà tù khác, nhưng có lẽ đây là ảo giác do số lượng tù nhân quá nhiều. Không thể tin được nó đông đến mức nếu bạn không ra sân sớm thì sẽ chẳng có chỗ ngồi, mặc dù không hề có mục đích gì trong việc ngồi này cả, chỉ ngồi khơi khơi vậy thôi.

Phòng giam không có giường chỉ lấy rơm lót để nằm, còn gối dưới hình thức nào cũng không được phép. Nhà tù nóng hầm hập và đầy bọ chét. Trong vòng có mấy ngày mà đầu tôi đã sinh chí, buộc lòng tôi phải cạo trọc.

Tất cả các loại nước mà chúng tôi tùy nghi sử dụng ở đây được cung cấp bởi con sông của địa phương. Con sông này còn nhỏ hơn một dòng suối; nước đỏ quạch, đục ngầu và đầy rác rưởi. Nó được bơm lên qua một ống dẫn theo hướng chảy của ống cống nhà tù; chúng tôi uống và tắm giặt bằng nước thải của chính mình. Có một lần tôi thấy họ thay nước ở các bể chứa bằng

một thứ nước khác, cứ gọi là nước sạch đi, vì dưới đáy các bể chứa này đóng một lớp rong rêu màu nâu đặc quánh. Có nghĩa là lâu lắm rồi họ mới làm điều này. Lần khác, khi tôi vừa mở vòi nước ra thì một con cá nhỏ rơi tọt vào hai lòng bàn tay tôi. Trong đời tôi chưa hề bắt con cá nào cho đến khi đến đây.

Nhà vệ sinh công cộng thì ở đâu cũng giống nhau: những cái hố được đào dưới lòng đất, xung quanh không tường mà cũng chẳng có rào. Thức ăn ở nhà tù Thái thông thường là gạo đỏ, có thể có một cái xương cá, hay một tô nước canh heo loãng loãng. Thịt thì hoàn toàn bị cấm. Chúng tôi đói muốn là người.

Chuột chạy tứ tung trong nhà lao nên không cách gì ngăn cản tù nhân không ăn thịt chuột. Một anh tù đã nghĩ cách nuôi một trại chuột ngay bên vách tường của xà lim. Mỗi sáng thứ bảy anh đem những chiếc lồng nhốt các con chuột mập ú, bày ra như cửa hàng thịt để bán cho các tù nhân khác. Ngoài ra, còn có vài gói thuốc lá xem ra người mua cũng cần. Người bán thịt chặt chuột thành từng phần nhỏ lớn tùy theo nhu cầu đòi hỏi của người mua, hoặc khá thêm một tí nữa, anh ta có thể đem hầm hay làm kiểu gì tùy bạn muốn. Chuột này không phải chuột cống nên chất lượng của nó khá hơn, tiêu chuẩn của người sành ăn cao hơn, anh ta nói thế. Anh ta còn nói với tôi rằng ăn thịt chuột không phải là chuyện lạ đối với dân quê. Nông dân Thái hẳn thấy chuột trong các ruộng lúa là họ bắt ngay. Họ dùng những cây có đầu vuốt nhọn, đâm chúng rồi đem về quay trên lửa. Món này được xem là khoái khẩu ở nhiều nơi. Tôi tin anh ta. Bị đói từ nhiều năm rồi nên tôi chấp nhận câu chuyện này để ăn cái món mà bình thường tôi không thể nào nuốt nổi.

Chỉ mới có mấy ngày đến ‘Con Cọp Khổng Lồ’, Paul đã gặp rắc rối với một tên Mỹ đen. Thấy anh chàng này to lớn, kền càng - lúc đó chúng tôi đang ngồi trong khu thăm nuôi - Paul ngạc nhiên trở mắt nhìn, vì lúc này Paul chỉ còn có 70 kg. Hắn quay lại nói: “Cút đi, hãy lo chuyện của mày đi”, rồi hắn hét vào mặt Paul: “Mày muốn đập bê tông hay muốn gì đây?” Những anh tù khác quay lại nhìn Paul xem phản ứng của anh như thế nào. Paul biết ngay cho dù bất cứ điều gì xảy ra đi nữa thì nó cũng sẽ ảnh hưởng

đến thời gian anh ở trại này, nhưng nếu anh chùn bước, anh cảm thấy mình bị sỉ nhục và sau này mọi người sẽ tiếp tục lấn lướt anh. Paul phản ứng: “Không, tao không muốn đập bê tông mà chỉ muốn đưa cái đầu mày vào cái lồng ở đằng kia thôi”. Tên Mỹ không ngạc nhiên về lời trả treo đó vì hình như hắn đã từng biết lịch sử của Paul. Hắn nhìn Paul một cách đều cáng: “Được, tao biết mày là một võ sĩ quyền Anh mà. Thử xem mày làm gì được tao”. Nói xong, hắn chồm về phía Paul trong một tư thế có vẻ rất vững vàng, trong lúc Paul hình như còn đang tập trung sự khôn ngoan của mình thì tên Mỹ chớp ngay cơ hội thoi một quả đấm vào quai hàm anh, cú đấm nghe ghê hồn. Paul phản công bằng cách lôi hắn về phía anh, nhắc bổng hắn lên trong khi hai đầu gối Paul khóa chặt cái vóc đáng nặng nề của hắn, ta có cảm tưởng Paul sẽ không thể nào đi được nữa. Nhưng chỉ là thoáng chốc thôi. Bị một cú đấm như điện giật, Paul phải ném hắn trở lại rồi đứng thẳng lên và đấm lia lịa vào cái thân thể khổng lồ trước khi cho hắn đo ván rồi nện vào đầu hắn bằng cánh tay trái của anh. Tên Mỹ ngạc nhiên ngã xuống đất, nhưng lập tức hắn đứng phắt dậy. Như điên cuồng, hắn lao vào Paul, lần này Paul giáng vào đầu và thân thể hắn những cú đấm làm hắn tả tơi. Lại một lần nữa, cả cái thân thể đồ sộ này ngã nhoài ra sàn nhà dưới cơn điên tiết của Paul. Hắn gục một lúc, sau cùng đứng lên và bỏ đi nhưng vừa đi vừa lầm bầm hứa sẽ trả thù. Về phần tên Mỹ, xem như trận đánh nhau kết thúc. Nhưng với Paul, nó chỉ đạt được phân nửa vì anh muốn cho tất cả tù nhân ở Bang Kwang một bài học là không một ai được láo xược với anh xong rồi lại quay đi nguyên rủa như thế. Paul lập tức phóng theo tên da đen và đấm vào mặt hắn, máu từ mắt anh tù này phọt ra. Hắn lại ngã xuống lần thứ ba. Lúc này những người bạn của hắn chạy đến đứng giữa hai người để can và tuyên bố Paul đã giải thích đầy đủ điều anh cần nói rồi. Tên da đen tiếp tục nguyên rủa bằng những lời xuyên tạc, nhưng bạn hắn kéo hắn đi. Paul chỉ bị thương duy nhất ở ngón tay giữa thôi.

Từ đó về sau, Paul rất được mọi người nể trọng. Ngay tên Mỹ ngày hôm sau cũng đến xin lỗi, và sau này họ lại làm bạn với nhau. Sự kính trọng miễn cưỡng này xem ra rất thông thường ở Bang Kwang.

Sau sự việc xảy ra ít lâu, Paul tâm sự với tôi rằng anh đánh nhau ngày hôm đó là vì quá khiếp sợ thôi. Tôi còn nhớ rõ lời nói này của anh. “Tôi đã từng chơi bóng đá và đấu với những người gan dạ nhất, to con nhất. Thân thể tôi bị đập như tử. Khi chơi quyền Anh tôi cũng bị đánh tơi bời, nhưng chưa bao giờ bị như ngày hôm đó. Khi mà tên da đen giáng cho tôi một cú đấm kinh hồn, cái duy nhất là phải giữ cho hai chân đứng vững và tìm hoạt động. Hai chân tôi hầu như rụng rời, và không biết làm sao tôi lại giữ thẳng được. Thành thật mà nói tôi không biết làm sao tôi còn đứng vững trên đôi chân của mình nữa”. Tôi còn nhớ cái cảm giác may mắn là có Paul để làm bạn ở đây, người đó không hề chùn bước trước bất cứ điều gì.

Ban quản lý Bang Kwang có vẻ không hề khoan dung với những gì có liên quan đến ‘thuốc’. Tất cả khách đến thăm đều bị lục soát rất kỹ và những gì bị nghi ngờ họ đều lật tung lên và lộn trái ra ngoài, thế nên mang thuốc vào nhà tù là một công việc hết sức khó khăn. Nhưng người Thái tìm ra muôn ngàn phương kế xung quanh vấn đề này.

Cách thứ nhất là heroin được bọc kỹ rồi nhét vào hộp thiếc đựng dầu cù là, xong họ nuốt cả hộp này nhưng tránh không để rơi vào bao tử. Tôi không biết làm thế nào mà chiếc hộp bị chặn ngay ở cổ họng. Tới khi lọt vào bên trong họ lại ựa chiếc hộp ra. Vài người lính phát hiện phương pháp chuyển heroin theo lối này nên bằng mọi cách moi ra cho được. Có hôm họ dùng đèn pin soi vào miệng một anh tù, hôm khác nghi ngờ người đi thăm nuôi có mang theo heroin trong cổ họng nên một tên lính bắt người này ngồi xuống và mang cơm ra buộc anh ta phải ăn. Anh này bảo rằng anh không đói nhưng tên lính cứ ép. Hắn đứng canh và quan sát trong lúc anh ta nhai trệu trạo chén cơm một cách miễn cưỡng. Khi anh Thái cố nuốt thì thành linh hắn lao tới bóp ngay cổ anh ta làm cho những hộp heroin phụt ra khỏi miệng. Hắn mỉm cười và nói “Giỏi lắm con. Mà giỏi lắm”. Nói xong nện cho anh ta một trận tàn bạo.

Cùng ngày hôm đó trưởng ban an ninh, Sucha, gọi tôi lên để giúp ông ta thông dịch. Một anh tù ngoại quốc đã đệ đơn khiếu nại các nhân viên của trại trong khi có đại diện Lãnh sự của anh ta đến thăm. Hôm nay, ông ấy nhờ

tôi dịch lại tờ thông điệp cho anh tù nghe. Rõ ràng lời khiêu nại rất cay đắng cho nên tòa Lãnh sự phải gửi giấy đến trại với lời lẽ đầy đe dọa và thề nhất quyết sẽ là sáng tỏ sự việc này. Tôi vừa dịch vừa nhìn thấy ông ta liếc anh tù bằng nửa con mắt. Ông ta nói một cách chát chúa: “Lãnh sự của mày một tháng chỉ đến với mày có một lần và mỗi lần chỉ trong vòng 30 phút. Còn 30 ngày còn lại mày nằm trong tay tao. Mày hiểu gì không?”

Những người nằm trong trại Bang Kwang phải chịu những cuộc tra khảo vô cùng ác liệt, cả về thể xác lẫn tinh thần. Những tên lính ở đây dùng những biện pháp dã man nhất để làm suy sụp tinh thần của tù nhân.

Một anh Thái bị dẫn ra, mình trần trụi, hai mắt bị bịt cứng, hai tay bị trói quặt ra đằng sau. Chúng bắt anh quỳ ngay giữa sân, đầu cúi gục xuống như trong tư thế đang cầu nguyện. Ba tên lính tay cầm gậy từ từ bước thật chậm rãi xung quanh anh ta, gót giày nện trên nền đất như muốn nghiền nát những hạt bụi dưới chân. Thái độ từ tốn này cố tình làm cho nạn nhân phải tập trung tinh thần vào hình phạt sắp diễn ra. Chúng đi vòng quanh vài phút rồi dừng lại, một trong ba tên đưa gậy quất nhẹ vào mặt nạn nhân. Mặt anh tù tái xanh vì anh đang chờ đợi một cú đấm thật kinh hoàng. Nhưng vài phút nữa trôi qua chẳng có gì, rồi bất chợt chúng quất vào lưng anh tới tấp đến nỗi không chịu được anh ta hét lên vì sửng sốt và đau đớn. Rồi chúng lại tiếp tục từng bước một chậm rãi đi xung quanh anh,... dừng lại ít phút và lấy gậy quất vào mặt nạn nhân. Động tác trên được lặp đi lặp lại, sau cùng chúng quất thật dã man vào lưng anh ta. Chúng tôi thấy hai xương bả vai của nạn nhân xoắn lại và có cảm tưởng ba cây gậy kia cũng sắp gãy làm đôi. Một vài phút trôi qua, bọn chúng lại quất vào mặt cho đến khi nạn nhân bất tỉnh. Chờ cho nạn nhân tỉnh lại, chúng lại tiếp tục cuộc diễu hành... Sau gần một tiếng đồng hồ, tinh thần người tù đã rời như thể trí não của anh bị tấn công bằng hàng trăm câu hỏi. Khi nào thì cuộc diễu hành của chúng dừng lại? Sau đó bao lâu nữa thì những chiếc gậy kia mới không còn quất vào thân thể của nạn nhân đây? Phần nào của cơ thể anh chịu sự hành hung nữa đây? Và điều đó có nghĩa là gì? Cứ sau mỗi lần đánh đập, cuộc diễu hành lại tiếp tục tiếp diễn. Bọn lính này còn chơi trò nào khác nữa không?

Cái đau đớn về thể xác đã khắc nghiệt rồi, nhưng nó trở nên khắc nghiệt gấp bội bằng thứ tra tấn kiểu này. Gương mặt của nạn nhân lúc bấy giờ bị biến dạng vì lối tra khảo tinh thần tuyệt chiêu đó.

Ở Bang Kwang, mấy tên lính được khuyến khích tẩy não tù nhân, biến họ thành những con vật không còn bộ óc. Hành hạ, đánh đập không mang lại hiệu quả thích thú nữa, chúng xoay ra hành hạ tinh thần. Và chúng là những chuyên gia tiêu diệt ý chí con người.

Lần đầu tiên chứng kiến cảnh trên, nhưng không lâu sau đó, tôi lại thấy một anh Thái khác bị hành hạ theo kiểu tương tự. Tôi không chắc anh này đã làm điều gì đáng hay không đáng kể cho lắm - để bị đem ra xử như thế. Chúng nó đưa nào cũng cầm gậy, cột anh Thái vào một cái trụ, rồi bắt đầu như kiểu thường lệ, nhưng thay vì hành động từ tốn chúng nó đập anh này một cách điên cuồng. Chúng đánh anh ta, tôi không hiểu làm sao anh sống nổi, đến độ da thịt bị tép ra, máu đổ thành dòng. Một xương cánh tay xuyên qua thịt lòi ra ngoài và hai chân anh khập khiễng vì biến dạng. Tôi cho rằng bọn này chỉ muốn đánh nạn nhân cho đến chết. Khi thấy đời sống của nạn nhân chỉ còn lại trong gang tấc, chúng mới dừng tay. Chúng nó không muốn lòi anh ta trở lại xà lim hoặc vào bệnh xá, nơi anh ta phải được cứu chữa. Tên đầu đảng rút ra một cây nhang, thắp lên rồi đem cắm vào bàn tay gãy, đầm máu của nạn nhân.

Ở tận đằng xa, nơi cuối cái sân này có một pho tượng Phật, nơi mà người Thái và người Hoa hay đến cúng vái, tên lính ra lệnh cho anh lết đến đấy mà cầu nguyện và xin sự khoan dung. Nạn nhân hầu như không mở được mắt để xem pho tượng đặt ở hướng nào, nói chi lết đến đấy. Nhưng tên lính bằng giọng đanh thép nói: “Người tù phải thực hiện điều này để vứt bỏ những điều xấu xa và sự nhục nhã mà mình đã làm. Nếu không có sự tha thứ và lòng thương xót của Đức Phật thì chỉ đáng chết thôi”.

Với cái thân tả tơi và cây nhang vẫn còn cháy trên tay, anh ta cố gắng nhấc mình lên và bắt đầu lê trên nền đất. Mỗi lần như thế chỉ được vài phân. Để qua hết mấy mét chiều dài của sân này anh phải lết đến bao giờ? Tuy nhiên anh vẫn cố gắng trườn tới để lại trên sân những vết máu chạy dài từ

thân thể tuôn ra. Khi anh đến gần tượng Phật, cây nhang hầu như gần tàn. Gần ngất xỉu, anh cúi đầu ngay dưới chân tượng và hai tay ôm chầm lấy nó như thể anh đang ôm mẹ. Anh cúi đầu xuống đất và cầu nguyện trước những cặp mắt hài lòng lẫn khinh bỉ của bọn lính gác.

Tôi phân vân không biết anh ta đã cầu xin những gì, và Đức Phật, nếu quả thật là thần thánh của loài người thì làm sao có thể an vị trên tòa sen chứng kiến cái cảnh như thế.

Chương 10

CÁI CHẾT

Ở trại Bang Kwang người ta cho biết duy nhất chỉ có một người vượt ngục được, đó là một anh Thái. Anh này bị kết án 7 lần, trong đó 3 lần lãnh tử hình nhưng khi đến ngày thì trước đêm hôm đó anh lại trốn thoát. Tôi nghĩ là anh ta đã hối lộ bọn lính canh để chúng lờ đi.

Trước ngày thụ án, họ giam anh ta trong một xà lim biệt lập ở tầng 4 của trại VI. Anh bị xiềng bằng một sợi dây xích khá to nhưng không hiểu làm thế nào mà anh ta tuột nó ra khỏi chân. Chẳng ai biết đích xác. Tuy nhiên, có vài người nói họ đã thấy trước đây anh ta biểu diễn trò này nhiều lần một cách rất điêu luyện. Sáng hôm sau bọn lính phát hiện ra trên bãi cỏ giữa lao xá chạy thẳng đến bờ tường bao xung quanh trại một sợi dây vải nối bằng ba chiếc xà rồng với một chiếc móc sắt ở đầu mà anh ta đã bỏ lại; và hàng rào trên bờ tường có vết cắt. Như vậy anh ta đã dùng một dụng cụ rất bén để cắt kẽm gai rồi trèo qua bức tường này mà bọn lính cũng như các tù nhân chẳng ai hay biết. Khi lính gác phòng vấn người nằm ở xà lim kế bên, anh này ra vẻ nhớn nhác vừa thối lui vừa lẩm bẩm: '*chima, chima.*' Chima có nghĩa là *quy xuất hiện*. Bọn lính rất mê tín nên khi nghe thấy thế chúng nó quay đi và rồi để sự việc này rơi vào quên lãng. Những người Thái tin rằng bất cứ anh tù nào chết đi thì hồn anh ta thường hay về xà lim, thế cho nên sau đêm nào có người bị hành quyết, những anh còn lại thường mang thức ăn và thuốc lá ra cúng cho người quá cố. Họ kể với nhau rằng họ thấy những điều thuốc đem ra cúng cháy âm ỉ suốt đêm và sáng hôm sau tất cả đồ cúng cũng biến mất. Dĩ nhiên, sự kiện này có thể giải thích dễ dàng khi mà trong tù thuốc lá

và thực phẩm quá sức khan hiếm. Nhưng thỉnh thoảng có những mẩu chuyện nghe hết sức thuyết phục. Và vì lẽ đó, người ta thường lợi dụng lòng tin của bọn lính để tránh được vài sự va chạm.

Ngoại trừ anh Thái này thôi, còn tất cả thì chết trước khi thoát ra khỏi trại ‘Con Cọp Khổng Lồ’. Cái CHẾT là cách duy nhất để tìm lại được sự TỰ DO.

Cứ cách vài tháng lại có một người bị đem ra xử tử. Thường những tin này được loan đi bằng loa phóng thanh trước đó vài giờ và lúc đó tất cả tù nhân khác bị buộc phải trở về lại xà lim của mình. Những giờ phút như thế này thì lương vô cùng, người ta có cảm tưởng như bóng tối đổ xuống bao trùm cả trại, khó thở đến nỗi không ai nói với ai lời nào. Cái chết và nỗi buồn vây bọc chúng tôi, nó chợt đến một cách bất ngờ, không phô trương, không kèn trống ầm ĩ. Khi chúng tôi biết thì nó đang diễn ra, không vội vàng nhưng có chủ tâm. Nó làm như thể linh hồn của người chết đang lang thang, quanh quất để tìm đến chúng tôi. Chúng tôi có thể nghe thấy và ngửi được khi nó bước vào trại giam của chúng tôi.

Khi nào thấy hứng thú, mấy tên lính lại giục chúng tôi đi ra xem cảnh họ hành quyết nạn nhân, cho dù có nhìn thấy hay không, mỗi người trong chúng tôi ai ai cũng đều có thể nghe và cảm nhận được hết. Có khi thì họ xử tử vài người cùng một lúc, có khi họ đem ra giết từng người một. Cái cảm giác người chết một mình như thế thật buồn làm sao! Anh tử tù bước ra, đầu gục xuống, đang ý thức từng giây phút cuối của cuộc đời mình, không một người nào bên cạnh chỉ trừ những kẻ mong anh chết quách cho xong. Có điều lạ là đa số mấy tên lính đưa tù nhân ra nơi hành quyết thường đi song song bên cạnh anh tù, đầu cũng cúi xuống một cách lặng lẽ. Chẳng lẽ chúng cũng khóc? Nhưng ít thấy ai gây chuyện cãi nhau trong giờ phút này. Tuân lệnh đã trở thành bản chất thứ hai, ngay khi sự tuân lệnh đồng nghĩa với việc mất đi hết mọi thứ mà bạn có.

Trong trại có một anh Thái, khi biết được ngày mình sẽ bị đem ra tử hình, trước đó mấy hôm anh ta chuẩn bị cho giây phút cuối của anh rất chu đáo. Anh lặng lẽ làm những công việc của mình rồi ngồi cầu nguyện. Chắc anh

muốn những ngày cuối phải được bình yên và không còn biến cố nào xảy đến với anh nữa.

Rồi khi ngày đó đến, đầu tiên anh ta tỏ vẻ rất bàng hoàng, chừng chặc như chấp nhận số phận của mình. Nhưng khi lính gác đến dẫn anh ra hành lang, bất ngờ anh ta phản ứng lại. Phản kháng không hung hãn nhưng chứa đầy sự tuyệt vọng. Anh với tay níu chặt chấn song không chịu bước đi và òa lên khóc nức nở như trẻ con. Anh không la lối ồn ào, chỉ ghì lại bằng hai cánh tay run rẩy, nước mắt đầm đìa trong nỗi tuyệt vọng khôn cùng. Thấy anh trì hoãn, một tên lấy dùi cui đập tàn bạo vào hai tay anh, nhưng anh vẫn không chịu buông ra, cứ cố gắng níu kéo mảnh đời đau khổ cuối cùng của mình. Nhìn cảnh này thật là kinh khủng. Một con người đơn độc, một người không muốn rời bỏ thế giới nghiệt ngã này mà bị buộc phải tiến đến để kết thúc giây phút cuối. Anh ta phải biết rằng đâu còn gì cho anh, dù chỉ thêm một ngày, một phút hay ngay cả vài giây đi nữa. Không còn gì hết, có chăng là một cuộc đời vô vọng ở Bang Kwang. Nhưng anh vẫn không đi. Cái giây phút cuối ngọt ngào làm sao, đối với anh đó là tất cả: Giây phút cuối còn lại đầy nước mắt cùng với một nhóm lính cầm dùi cui đập tàn bạo để anh buông hai bàn tay khỏi chấn song!

Khi một con người sắp bước vào cõi chết không có ai bên cạnh, cũng không một lời an ủi là điều đáng buồn nhất; và tôi ao ước mình sẽ không bao giờ phải chứng kiến cảnh này nữa.

*

* *

Tại Bang Kwang, những anh tù có hành vi tốt thường được tin cẩn, được nhiều ân sủng và được cho mặc đồng phục màu xanh, được cầm dùi cui như các nhân viên của trại. Những anh này gọi là lính ‘áo xanh’. Trước đây họ cũng can tội giết người hoặc có hành động bạo lực nhưng vì biết cách bảo vệ bản thân bằng nhiều mưu mô nên chiếm được một chỗ tốt trong hệ thống nhà tù. Tuy vậy, họ vẫn bị xem là tù nhân. Khi có một anh lính nào cần ngủ trong phiên trực thì anh chàng ‘áo xanh’ này thay thế để trông coi mọi việc. Đa số họ rất hài lòng vì được ân sủng nên đối xử với những người còn lại

thật công bằng; dĩ nhiên, cũng có những tên lạm dụng đặc quyền đó để lộng hành. Một tên ‘áo xanh’ đã vượt quá thân phận tù đầy của mình và bị mê hoặc bởi sự tự do quá trớn nên thường xuyên đi tìm ân sủng từ các cấp trên bằng cách đi tâu lại tất cả những gì hắn thấy. Phần lớn bọn lính buộc lòng lờ đi những trò giải trí của tù nhân, như chơi súc sắc hay ngay cả chích ma túy, nhưng tên ‘áo xanh’ này luôn luôn chứng tỏ mình là người nghiêm túc nhất. Hình như hắn không hề biết mình là người bị ghét cay ghét đắng trong đám quản lý của trại. Một buổi sáng nọ, sau khi một anh tù bị hành hạ bởi tên ‘áo xanh’, những người Hoa và người Thái bắt đầu đi quyên tiền vì nhân dịp một anh Thái sắp được phóng thích. Anh này, theo người ta biết, rất nghèo và chẳng có thân nhân nào ở bên ngoài cả, họ đem món tiền đó cho anh ta và xúi anh ta phải “xử đẹp” tên ‘áo xanh’ một trận thật ra hồn. Không cưỡng được món tiền to lớn mà cả cuộc đời mình chưa từng có - 300 Baht tương đương với 100USD. Anh nhận lời ngay dù biết chắc rằng việc phóng thích của mình vì lý do này sẽ bị hủy bỏ.

Khoảng giữa trưa hôm đó, anh Thái sắp mãn tù kia đi vệ sinh, trên tay cầm theo tờ báo mà người lính trao cho. Một lúc sau anh ta xuất hiện với một bọc báo đầy phân. Hồ hởi vì sắp được thả nên anh ta chẳng tỏ ra lo âu gì về cái màn chúng tôi sắp thực hiện. Gói phân này anh đã nín từ lúc bị đi tiêu chảy và tin rằng không gì có thể ghê tởm hơn. Lúc mọi người nóng lòng đứng chờ xem, anh tiến đến văn phòng, nơi tên hay gây rắc rối thường đến gõ cửa để mách lẻo. Vừa thấy anh, hắn đứng lên có vẻ khó chịu và bước tới hỏi anh đến để làm gì. Không nói một lời, anh Thái chụp ngay gói phân lên đầu hắn. Thật là kinh khủng!

Theo văn hóa của dân tộc Thái, điều tối kỵ nhất là không được rờ lên đầu vì họ tin rằng đầu là phần cao nhất của cơ thể, là nơi thiêng liêng để thờ Phật, còn chân là phần thấp nhất để chạm vào những thứ bẩn thỉu trên mặt đất... Nhiều lần tôi thấy mấy ông ngoại quốc đùa giỡn thường gõ lên đầu một anh Thái làm anh ta rất cáu tiết.

Trong khi mọi người chờ đợi hình phạt xảy đến với anh Thái thì kỳ lạ thay anh ta lại được phóng thích ngay chiều hôm đó mà không hề bị khiển

trách một lời nào. Trái lại tên ‘áo xanh’ tức khắc bị chuyển sang trại khác và sau hai tuần lễ nghe tin hăn chết vì bị đâm bởi một người nào đó. Vài anh lính hầu như lơ đi hoặc ít ra họ cũng sẵn sàng tha thứ những việc đã xảy ra, tôi nghĩ họ đủ thông minh để đoán trước những hành động sồn ọc này.

Nhiều anh lính đối xử với tù nhân cũng tốt. Nhất là những anh bán heroin thường được bọn tù kính nể vì ít ra họ cũng giúp chúng tôi chịu đựng cho qua ngày. Nhưng nói chung thì không thể nào tin cậy đến mức độ có thể đến quá gần.

Trong trại này, tôi làm bạn khá thân với một anh lính nhưng sau một thời gian thái độ hăn thay đổi vì lý do gì tôi không biết. Ngày hôm trước giờ tắm giặt, hăn bước đến gần chỗ tôi và hỏi tôi có khỏe không. Tôi chưa kịp trả lời thì bất ngờ hăn tát vào mặt tôi thật mạnh làm tôi cuộn người lại và thối lui. Khi liếc nhìn lên tôi thấy hăn mỉm cười. Tôi hỏi có chuyện gì xảy ra, hăn không nói tiếng nào, bộ mặt mang một nụ cười rất đáng ghét. Tôi nói nếu chơi vậy một lần nữa tôi sẽ đập hăn gục ngay. Hăn cũng chẳng nói chẳng rằng, vừa cười vừa bỏ đi. Tôi kinh hãi trước cử chỉ này, nó như thể báo trước một điềm không hay.

Gần một tuần rồi tôi không thấy hăn ta. Lúc dò hỏi ra thì hăn đã về nhà được hai ngày sau lần tôi và hăn đấu khẩu để ăn cơm tối với gia đình. Khi gia đình hăn đang ăn thì có tiếng gõ cửa. Người vợ ra mở. Người lạ đòi gặp mặt anh chồng. Hăn vừa bước ra thì bị một phát súng bắn ngay vào cổ. Từ đó, chúng tôi không gặp hăn ở Bang Kwang nữa, mặc dù hăn còn sống nhưng cả cuộc đời còn lại chỉ ngồi trên xe lăn vì viên đạn xuyên qua đốt sống cổ làm tê liệt cả hai chân.

Như tôi đã nói, những anh lính đủ khôn ngoan thì không nên thân mật với tù nhân và cũng đừng để khét tiếng là độc ác.

Hôm nọ, một anh lính tên Chom đi ra sân thể dục, gọi là sân nhưng thật ra nó nhỏ xíu không đủ cho tất cả tù nhân vào tập, thì thấy một anh tù tỏ vẻ chệnh mảng. Hăn bước đến đánh anh ta trước bao cặp mắt ngạc nhiên cho

đến khi anh này tắt thở mới thôi. Sự kiện đó không chỉ dừng ở đây mà nó cũng được lặp lại y như lần trước với một anh tù khác cũng cùng tên lính gác đó. Điều này gây sự phẫn nộ trong đám tù nhân. Vài ngày sau, khi hân vừa rời nhà tù sau phiên trực của mình thì mọi người nghe một tiếng súng vang lên, Chom vội vã chạy ngược vào trong với một cái tai bị biến mất. Ai đó đã bắn hụt rồi! Những người Thái có thể tha thứ cho một tên lính nếu họ thấy bỏ qua được, nhưng khi muốn giết là họ giết ngay.

Vài anh Thái vì có quan hệ họ hàng thân thuộc với những người có quyền thế đã chọn lựa vào trong này vì đời sống ở Bang Kwang ổn định hơn là ở khu nhà ổ chuột. Họ có bạn trong này và có băng nhóm. Thường những anh chàng này là những kẻ hung tợn, nhẫn tâm thích nổi loạn và hành động bạo lực. Đối với người ngoại quốc, những anh tù này phải được nể nang, nhưng càng tránh xa càng tốt.

*

* *

Sau hai năm ở Bang Kwang, Lão Già được thả ra. Trong thời gian ở đó, lão đã kháng án và tòa đã tìm ra nhiều sự trái ngược về các bằng chứng dùng để buộc tội lão ta. Thật may cho lão. Tôi không hề ganh tỵ với bất cứ người nào khi họ thoát ra khỏi nhà tù Con Cọp Khổng Lồ cả.

Vào ngày 15 tháng Hai, một ngày đối với chúng tôi là ngày LÀNH vì không có gì xảy ra và cũng chẳng có ai bị hành hạ. Nhưng một bức điện tín đã đến báo tin cha tôi qua đời. Tôi còn nhớ lần cuối ông đến đây thăm tôi, lúc bấy giờ tôi nhận xét thấy ông có vẻ như đã biết trước điều sắp xảy đến cho mình. Đối với bất cứ ai khi mất cha hoặc mẹ thì thật khó mà diễn tả những cảm giác của mình thành lời. Cái cảm giác như bạn mất đi một phần sức lực - đó chính là cái mà ông đã tạo ra tôi bằng máu huyết và da thịt ông. Với tôi, tôi có cảm tưởng như mình bị lừa đảo, bị tước đi cái gì đó đã một lần thuộc về tôi. Tôi đã không có mặt ở nhà trong những năm tháng cuối đời ông. Tôi không được phép nói là tôi rất yêu ông. Một kẻ nào đó đã không cho tôi nói câu này với cha tôi. Cũng như đối với anh tôi, anh chết quá bất ngờ nên không ai nói được một câu giã từ nào! Với cha, ông đã biến mất

khỏi hành tinh này và tôi không thể nhìn thấy ngay cả cái khoảng trống mà ông đã để lại phía sau. Nghĩ về mẹ, tôi buồn ghê gớm. Mẹ tôi bây giờ thật đơn độc làm sao!

Tôi khóc suốt ngày hôm đó, khóc như đã khóc cho Gary. Nhưng hai nỗi buồn khác nhau, nỗi buồn này lớn hơn, nhức nhối hơn vì cái cảm giác tuyệt vọng đang giày vò. Sự mất mát bắt đầu chùng chất lên đến trời xanh, và tôi ngã bệnh. Bỗng nhiên tôi thấy sự trừng phạt này quá nghiệt ngã và tôi không thể nào hiểu những bài học mà tôi đã học. Tôi còn phải chịu đựng như thế này bao lâu nữa trước khi thế giới bảo rằng tôi đã ***trả hết ‘cái giá’ của mình?***

Đầu óc cứ quanh quẩn mãi những ý tưởng đó khiến tôi càng chích heroin dữ dội hơn vì nếu không chắc tôi sẽ điên mất. Tôi thật sự mất hết hy vọng. Tôi không thể đương đầu với ký ức và chống chọi cái hiện tại tồi tệ này. Tôi đã có nhiều cơ hội để không vướng vào cái Số Phận cay nghiệt của ngày hôm nay, nhưng tôi lại để chúng qua đi... Trước khi đến Bangkok và Ấn Độ, gia đình đã gửi tôi sang Pháp sống với người bà con để nghiên cứu về loài ngựa, nhưng việc đó không đi tới đâu và sau chưa đầy một năm tôi trở về Úc. Ở Úc, tôi được thu nhận vào học nghề làm tóc tại Double Bay, nhưng thấy không thích hợp nên lại bỏ. Cuối cùng cũng không thể làm cái nghề bưng bia đi phục vụ cho những người bình dân ở quán Wynyard. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi theo đuổi việc giải cứu Avril? Bắt đầu từ lúc nào mà ngày hôm nay tôi suy sụp đến thế này? Khó ai tin rằng tôi đã từng có một quãng đời thật đẹp để rồi sau đó lại lang thang đi tìm cái thứ gớm ghiếc của ngày hôm nay. Những ký ức đó không còn là nguồn an ủi cho tôi nữa. Tất cả sự mất mát này được thay bằng cái hiện tại ghê tởm và những ác mộng bao trùm khiến tôi như người mất trí.

*

* *

Dạo này việc kiểm soát heroin ở Bang Kwang tương đối lỏng lẻo cho nên càng ngày bọn lính càng tận dụng cơ hội để kiếm tiền. Chúng mang thuốc vào để bán, và tù nhân cũng nắm rõ điều này: Cuộc cạnh tranh lạnh mạnh

diễn ra, lính gác làm tiền, tù nhân cũng làm tiền. Cái điên của tôi ở chỗ vì heroin mà tôi bị tống vào đây. Thứ thuốc mà trong đời tôi chưa từng thấy nhiều bao giờ, giờ đây hầu như luôn có sẵn và không một anh ngoại quốc nào không sử dụng đến nó. Nếu mấy anh này không biết ‘nó’ thì họ đi mua những loại thuốc an thần khác như Rohypnol, Valium... từ bọn lính hoặc từ bệnh xá.

Hiện giờ tôi được viện trợ đều đều từ gia đình và bạn bè thân thiết. Tôi thấy mình là một trong những anh tù may mắn, nghe có vẻ không chắc lắm, có đủ khả năng tài chính để giữ mình tránh khỏi tình trạng đau đớn đang gặm nhấm để đối phó với hiện trạng tại Bang Kwang. Tôi nhìn thấy nhiều người không tiền mua thuốc hay cố giữ nghiêm túc trong môi trường này đã hóa điên. Một đêm nọ, anh tù Bồ Đào Nha bất ngờ đánh thức tôi dậy bảo rằng anh ta vừa mới nói chuyện với mẹ của mình. Thoạt đầu tôi nghĩ là thật nhưng khi tỉnh hẳn tôi mới nhận ra là chúng tôi đang nằm trong lao xá. Thì ra lúc quá tuyệt vọng, anh ta đã xin bác sỹ một ít thuốc an thần, những thứ mà họ có thể cho chúng tôi để chống lại tình trạng loạn thần kinh nặng. Tên thuốc là gì tôi đã quên mất, song cái điều tôi nhớ rất rõ là mỗi lần bác sỹ chỉ cho một liều 50g thôi, nhưng lần này anh ta xin được đến 200g và không ngần ngại uống hết. Lượng thuốc quá lớn đã làm tê liệt hệ thần kinh của anh; do đó, anh ta không bao giờ hồi tỉnh được nữa.

Cứ lâu lâu một lần, khi ban quản giáo thấy mọi việc đi quá tầm tay thì họ lại bắt đầu cho kiểm soát gắt gao trở lại, nhất là kiểm soát heroin. Cuộc trừng trị thẳng tay kéo dài trong khoảng hai tuần và suốt thời gian này những anh tù thật điêu đứng. Vào ban đêm, hàng trăm tiếng rên la vì thân xác họ bị hành hạ cực độ do thiếu thuốc. Loại âm thanh đó có ai nghe thấy mới tin được.

Sau giai đoạn này, một tên lính đến báo cho tôi biết một tin rất hồ hởi. Hẳn tiết lộ rằng hẳn đã mang vào được nửa kí lô heroin nguyên chất. Tôi mua lại 350g và mang về phòng chia thành từng phần nhỏ, gói trong mấy tờ giấy 100 Baht. Sáng hôm đó, khi chúng tôi đang bước ra sân thì bất ngờ bọn lính ập đến khám xét. Tôi kinh hoàng vì tất cả những gói heroin hiện nằm

trong túi quần đùi tôi đang mặc. Bọn lính và những tên ‘áo xanh’ đang lục lọi khắp người của tù nhân. Chẳng có cách nào quay trở lại để lên về phòng giấu đi mà không bị nghi ngờ, tôi nghĩ mình chết đến nơi rồi.

May mắn thay, người bán thuốc cho tôi cũng có mặt tại đó. Vừa thấy tôi hẳn bước đến và bảo với mấy tên kia là để tôi cho hẳn khám. Hẳn thò tay vào hai túi quần trước của tôi giả vờ lục soát. Lúc sau hẳn tuyên bố chẳng có gì cả và cho phép tôi ra sân.

Khi tôi vừa ngồi xuống và bắt đầu lấy ‘thiết bị’ của mình ra thì một tên lính nhìn tôi với vẻ nghi ngờ, hẳn bước đến sát bên cạnh, tôi lạng người đi như một pho tượng, nhưng giả vờ như đang nhìn vào khoảng sân trống rỗng kia một cách thích thú. Hẳn quan sát tôi khoảng vài phút rồi bỏ đi. Nhìn quanh tôi để ý thấy một số người cũng làm giống như tôi, cũng tỏ vẻ thích thú cái trống trơn vô hồn của khoảng sân trước mặt. Ở một chừng mực nào đó, thật khôi hài! Cuối cùng không thấy gì lạ, hẳn bỏ đi và tức khắc trong sân bắt đầu diễn ra một cảnh nhộn nhịp thật lố bịch: mỗi anh tù rút ống tiêm của mình ra và chích ngay tại chỗ.

Cuộc sống cứ thế trôi đi. Nó có thay đổi chẳng dù chỉ trong thời gian ngắn ngủi. Khi có những người từ các hội truyền giáo đến viếng thăm hay có thư từ của gia đình gửi đến lúc bấy giờ không khí nhà tù nhộn nhịp được đôi chút, còn lại thì ngày này tiếp nối ngày khác đắm chìm trong ma túy và tẻ nhạt.

Sau một thời gian khá dài tạm gọi là yên ổn đối với tôi, nhưng rồi sóng gió lại nổi lên, một buổi sáng tôi bị một tên lính bắt gặp đang chích. Thế là ban quản giáo chuyển tôi qua *khun deo* và biệt giam tại đó. Từ lúc đến Bang Kwang, tôi đã sợ *khun deo* hơn sợ bất cứ thứ nào khác và thật tôi chưa kịp chuẩn bị cho cú sốc này. Lạnh lẽo, cô độc và tối tăm hơn những gì tôi đã tưởng tượng trước đây rất nhiều. Không có chỗ nằm tối thiểu cho một giấc ngủ, ngay cả một khoảng trống để suy gẫm cũng không nốt... Tôi biết thế nào tôi cũng hóa điên trong cái hốc tối tăm này.

Ở đây không có thuốc để chích nữa. Cơ thể tôi bắt đầu co giật, mồ hôi toát ra như tắm và những ảo giác xuất hiện trong đầu. Tôi có cảm tưởng như đang bị những con thú kỳ lạ hành hạ, giày vò. Bị nhốt trong một cái phòng nhỏ xíu này, tôi không còn kiểm soát được ý nghĩ của mình. Một trạng thái hoảng loạn và giận dữ xâm chiếm đầu óc tôi, tôi không thể nào kéo dài cuộc sống như thế này thêm một phút nào nữa, tôi đã mất hết ý chí để tồn tại và để vui vẻ trở lại rồi. Bây giờ tôi chỉ muốn chết ngay thôi.

Tôi tháo chiếc xà rồng quanh thắt lưng và quấn lại để làm một sợi dây, một đầu thắt thành cái thòng lọng. Nhìn lên trần thấy có một cái ống nước, tôi leo lên đó để buộc một đầu xà rồng vào. Không cho mình thời gian để suy nghĩ hay thay đổi ý định, tôi dứt đầu ngay vào cái thòng lọng và buông mình khỏi máng xối. Cái thòng lọng siết chặt quanh cổ, tôi cảm thấy cổ họng mình bị nghẹt cứng. Một cơn đau xoáy lên từ sống lưng và tôi biết mình không thể nào quay ngược tình thế được nữa - tôi sắp chết và chính tôi muốn thế. Ruột gan và bàng quang kiệt dần, đầu tôi chơi vơi vì thiếu oxy.

Trước khi bất tỉnh, chiếc xà rồng căng ra dưới sức nặng của tôi và rách toạc. Tôi chộp lấy chỗ rách nhưng không kịp, nó tét đôi và tôi ngã quy trên sàn. Tức thì những gì chất chứa trong ruột gan và bao tử đều tuôn ra ngoài, và tôi nằm trên đồng phân và đồng nôn mửa ở tư thế này trong mấy phút. “Không, không, không”, tôi lẩm bẩm một mình, muốn khóc nhưng không còn nước mắt để khóc. Tôi quá tuyệt vọng và đau khổ đến nỗi không biết làm cách nào để chết được. Dở chết, dở sống đấy mới đúng là địa ngục.

Tôi cố gắng đứng lên, đến máng nước lau sạch mình mẩy. Tôi không biết mình làm như thế để làm gì, vì chẳng có lý do nào cả. Tôi lặp đi lặp lại giờ này qua giờ khác: “Không, không, không” cho đến lúc giọng lạc hẳn đi.

Tôi ở đấy tròn một tháng, mắc bệnh kiết lỵ và hình như bị lao nữa, nhưng không có thuốc dù chỉ một viên aspirin. Tôi nài nỉ mấy tên lính cho tôi gặp bác sỹ, nhưng chúng phớt lờ đi. Sau một thời gian nằm đó, tôi đã học cách liên lạc với những anh tù bị biệt giam như tôi. Thực sự, những xà lim này được xây như những chuồng chó, cách nhau bằng các bức tường chạy dài ra phía trước để cho tù không thể nhìn thấy nhau. Một đêm, sau khi mấy tên

lính rút đi, tôi nghe một tiếng động rất nhẹ bên ngoài, tôi nhìn ra thì thấy một sợi dây dài ném ra từ xà lim bên cạnh và nó đang nằm trong tầm tay tôi. Đầu dây là một quả banh tennis. Tôi nghe tiếng anh tù hàng xóm nói khẽ bảo tôi chuyển giùm quả banh đi. Tôi với tay lôi quả banh vào, trên quả banh có một vết cắt sâu, trong đó nhét một lá thư gửi cho một anh ở cuối dãy và kèm theo một cây viết chì để anh kia hồi âm. Tôi thọc tay ra cửa để ném quả banh qua phòng bên cạnh. Và cứ như thế quả banh mang theo thông điệp cuối cùng đến tay người nhận. Một giờ sau, tôi nghe tiếng dội của quả banh trước cửa phòng mình, nó đang trên đường trở lại chỗ người gửi. Phương pháp này cũng được sử dụng để mua và bán ma túy từ những tên lính chịu hối lộ. Đôi khi quả banh và sợi dây bị trượt xa tầm tay, chúng tôi phải lấy xà rồng thấm ướt quăng ra để câu sợi dây vào. Làm được công việc này thỉnh thoảng phải mất đến hàng giờ và đòi hỏi một sự kiên nhẫn vô cùng tận. Điều này thì chúng tôi có thừa thời gian.

Cũng nhờ quả banh mà tôi học được cách nấu nước. Một bạn tù kiếm đầu ra được một cái muống, anh ta khoan hai cái lỗ vào đó. Một anh khác tìm thấy từ trại tù cũ hay ở đâu đó một cuộn dây điện, sợi dây này cột một đầu vào cái muống, một đầu nối vào bóng đèn treo trên trần, xong nhúng muống vào một cái lọ hoặc một ca đựng nước. Thế là chúng tôi có nước đun sôi để uống do một nguồn năng lượng cung cấp dù yếu và chậm; tuy nhiên, cũng rất hữu hiệu.

Nhiều lúc nhớ lại tôi tự hỏi sao thời gian ở tù, tôi học được nhiều cách để tồn tại đến thế. Hoàn cảnh này chắc có lẽ cũng tương tự thời chiến tranh. Tôi đã từng đọc sách báo nói về chiến tranh ở Việt Nam, những người lính Việt Cộng thường nhặt bất cứ thứ gì do quân đội Mỹ vứt đi chẳng hạn như cái bật lửa hay một vỏ đạn để đem về chế thành những dụng cụ hữu dụng khác. Hành động này không khác gì chúng tôi, những con người sống chẳng còn niềm tin: một quả banh tennis, một sợi dây, cuộn dây điện cũ,... vật liệu phế thải của người Thái đã giúp chúng tôi tồn tại ở Bang Kwang.

Vừa ra khỏi *khun deo* thì tôi ngã bệnh nên được ban quản giáo cho chuyển ngay vào bệnh xá. Sau khi khám xong bác sỹ thấy tình trạng sức khỏe của

tôi quá tệ, nên ông đề nghị đưa tôi sang Lard Yao nằm một thời gian. Điều này khiến tôi cảm thấy hết sức lạ lùng vì sức khỏe tôi lúc bấy giờ đâu có tệ hơn thời gian bị biệt giam một tháng vừa qua. Phải chăng cơ thể tôi đã thích nghi với nỗi bất hạnh này rồi?

Chương 11

LARD YAO

Lard Yao ít nhiều gì cũng liên quan với Bang Kwang, nhưng cái cảm giác nằm ở nơi này hoàn toàn khác hẳn. Về vài phương diện thì nơi đây còn tệ hơn nơi khác vì tù nhân toàn là người bệnh hoạn. Tôi tin chắc rằng trên đời này có bao nhiêu thứ bệnh đều quy tụ hết nơi đây. Trong các bức tường vây chặt là những con bệnh, bệnh về thể xác lẫn tinh thần. Quả thật, nơi này như một nhà thương điên. Ban đêm người ta nghe nhiều loại âm thanh vang lên như trong những phim kinh dị. Thỉnh thoảng có thể nói, tôi còn nghe được tiếng nấc vỡ vụn của một người đang hấp hối, của người mà cuộc sống sắp bắt đầu lìa khỏi thân xác họ.

Tôi dự tính chỉ ở đây cho đến khi tương đối thấy bình phục, nhưng một việc khốn nạn đã xảy ra quá sớm khiến tôi phải ở lại thêm 9 tháng nữa.

Một buổi sáng nọ có một anh tù Đức vì quá quẫn trí nên la hét và đập phá lung tung. Mấy tên lính chạy đến mở cửa phòng thì bất ngờ anh ta nhào ra đâm họ túi bụi. Thật sự, anh ta chỉ muốn phá cửa để tìm đường thoát ra khỏi trại thôi. Nhưng chưa đến vài giây sau khoảng mười lăm tên lính khác cầm gậy và dùi cui chạy ủa xuống hành lang tiến về phía anh ta. Bọn chúng đập anh tới tả và mãi một lúc lâu mới áp đảo được. Đó là lúc anh đã ngã gục dưới muôn vòn cú đánh. Nhưng bọn chúng vẫn chưa chịu buông tha, chúng tiếp tục đập cho đến khi người anh bẹp dí dưới đất. Các anh tù khác đứng quanh đấy nhìn chăm chăm, bất động, như thể họ đang xem một cảnh trong phim truyền hình. Và cứ thế chúng đánh cho đến khi da thịt người này rách

ra và xương cốt hầu như gãy nát. Trước cảnh tượng dã man, đầu gối tôi run rẩy vì cơn giận bốc lên cực độ. Cho dù biết trước hành động của mình là ngu ngốc nhưng tôi không thể nào đứng yên được nữa. Tôi không đủ can đảm nhìn anh Đức quằn quại dưới những chiếc dùi cui kia cho đến chết. Thế là tôi nhảy vào lôi mấy tên lính ra và hét bảo chúng dừng tay. Đồng thời tôi cũng gào mấy anh tù đứng xung quanh giúp một tay, nhưng họ vẫn đứng lặng như phỗng.

Nỗ lực của tôi chẳng mang lại tí hiệu quả nào. Bọn lính đẩy tôi ra và quay lại nghiền anh Đức thành một đồng thịt bầy nhầy. Không nhịn được nữa, tôi bắt đầu tung ra mấy quả đấm vừa đúng lúc chúng quay mặt lại. Một thằng cầm dùi cui đập ngay vào mặt làm tôi ngã xuống thêm. Tôi cố trườn ra khỏi đám lộn xộn này vì không muốn bị đòn như anh Đức kia, nhưng chưa kịp thì một cú khác giáng ngay vào đầu, tôi lại ngã xuống lần nữa. Kinh hoàng, tôi đưa hai tay lên van xin chúng dừng lại. Lúc bấy giờ anh Đức đã bất tỉnh và tất cả sự chú ý của chúng đều đổ dồn vào tôi. Tôi sợ hãi người vì thấy mình sắp lãnh một trận đòn dã man như tôi vừa chứng kiến, nhưng ngay khi đó tên quản giáo xuất hiện. Lúc tôi còn nằm dưới đất, bọn lính xúm nhau giải thích cho ông ta sự việc đã xảy ra. Thấy tôi quá quan tâm đến anh Đức nên ông ta bảo tôi đứng lên và nói rằng ông sẽ có trách nhiệm về sức khỏe của anh Đức, đồng thời ra lệnh tổng hai chúng tôi vào phòng *hình phạt*.

Hai đứa tôi được đưa xuống cuối dãy nhà, chỉ có mình tôi là bước được, riêng anh Đức chúng phải xốc nách lôi đi. Bọn lính thừa biết đầu anh ta đã sưng vù lên nhưng khi lôi đi dọc hành lang chúng nó cố tình kê đầu anh lên vỉ sắt dưới sàn nhà. Mỗi lần bị kéo qua tấm vỉ này, đầu anh ta giật tưng lên vì đau đớn. Chúng quay lại cười rúc rích với nhau. Và như thế anh bị lôi đi lôi lại trên hơn hai lần, bây giờ hoàn toàn bất tỉnh. Anh ta không còn điều khiển hệ tiêu hóa của mình được nữa và máu từ hai tai anh túa ra - mọi hình phạt lúc này thật vô ích. Đây chỉ là cách nuôi dưỡng thêm lòng căm thù của mấy tên lính gác mà thôi.

Đến cuối hành lang, chúng mở cửa xà lim và ném anh ta vào đó. Còn tôi thì bị đưa ra phía sau tòa nhà, chúng lấy xích xiềng mắt cá chân tôi lại và

đem qua một xà lim khác không xa chỗ đó mấy. Tôi kinh hãi nhìn căn phòng tối om không có tí ánh sáng nào, chỉ vón vện có bốn bức tường. Rướn mắt nhìn vào bên trong, tôi thấy có một cái vòng sắt gắn sẵn trên tường, bọn chúng xô tôi vào và móc sợi xích ở chân tôi vào cái vòng sắt đó nhưng chúng chỉ để chùng ra có vài phân thôi. Thật là ngu ngốc, tôi cứ tưởng rằng chúng nó nhằm nên chỉ cho chúng thấy nhưng chúng xúm nhau bò ra cười rồi bỏ đi sau khi đóng sập cánh cửa lại. Mọi vật trở nên tối đen. Chân tôi đã gắn chặt vào tường như thế này nên không làm sao nhúc nhích được. Phòng không có giường, chỉ đúng cái nền bê tông, tôi cố gắng đặt lưng xuống nhưng không tài nào nằm được vì chân tôi bị xích lệch vị trí, chỉ còn cách dựa vào tường ở tư thế nửa như ngồi xổm. Bây giờ tôi không còn tâm trí nào để nghĩ đến việc khác ngoại trừ tư thế và dáng vẻ của mình lúc đó. Căn phòng tối om như mực, tôi chẳng nhìn ra cái gì xung quanh. Lối cầm tù như thế này là quá tuyệt hảo rồi, chắc không còn cách nào hơn thế nữa!

*

* *

Không làm sao diễn tả lại hết thời gian tôi bị giam ở đây. Khó thật! Có lẽ các bạn chỉ bỏ ra một vài phút để đọc đoạn này nhưng tôi thì phải ngồi trong tư thế nửa chồm hồm suốt cả tháng trời. Làm sao tôi có thể truyền đạt đến các bạn cái khái niệm đó? Không có cái gì để đo đạc thì làm sao tôi nói để các bạn thông cảm? Cách tiếp cận duy nhất với kinh nghiệm trên là các bạn mỗi ngày bỏ ra một phút đọc đi đọc lại những gì tôi đã viết và đọc như thế suốt một tháng. Nhưng có lẽ chẳng ai làm được điều này mà không hóa điên vì thất vọng cả.

*

* *

Mỗi buổi sáng, lính gác mở cửa, tháo xiềng và dẫn tôi đến xà lim của anh Đức. Ánh nắng bên ngoài làm tôi nhức mắt, tôi phải nhắm nghiền lại trong suốt thời gian bước ra ngoài. Chúng nó bảo tôi mang cơm đến cho anh Đức, cơm phải đặt dưới đất như cách cho chó ăn. Căn phòng anh cũng tối quá, tuy không nhìn thấy rõ hoàn toàn nhưng tôi cũng biết là chúng muốn đánh anh

cho đến chết. Gương mặt anh không còn ra hình thù gì nữa vì xương quai hàm bị gãy nhiều chỗ và chiếc mũi méo lệch qua một bên, người như đông lại vì máu me xung quanh anh đã khô cứng. Anh nằm trên sàn nhà, rên lên những tiếng rất kỳ quặc.

Tôi dứt cơm vào miệng và giục anh ăn nhưng anh không thể nhấc đầu lên được. Anh cố gắng thều thào với tôi vài câu tiếng Anh, song tôi chẳng hiểu gì cả, lúc bấy giờ tôi nhận thấy anh ta cũng gần chết rồi.

Chân tôi vẫn còn bị móc vào cái khoen trên tường, nhưng bấy giờ chúng đành nói lỏng ra đôi chút để tôi có thể tự vớ lấy thức ăn. Bát cơm mang đến và đẩy vào mỗi ngày một lần dưới sàn nhà như cho chó ăn. Họ phát cho tôi một tấm chăn đắp để chống lại cái lạnh toát ra từ nền bê tông. Tôi thuyết phục được một tên lính kiếm thêm vài cái nữa, đổi lại tôi đã cho hắn mấy gói thuốc lá. Những chiếc chăn được gấp lại và lót trên nền gạch nhưng vẫn còn quá lạnh. Hai vai và hông tôi bầm tím. Cầu tiêu thì vẫn là một cái hố đào sâu dưới đất, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Tôi cố gắng hạn chế nước trong thùng bằng cách sau khi rửa ráy để dành lại dội cầu. Có một lần nước hết sớm quá, tôi xin thêm thì tên lính dừng dừng trả lời: “Thật đáng tiếc!”.

Trong bóng tối đen như mực thế này, nếu bạn có cố gắng giương mắt để định hình đồ vật thì cũng vô phương, bạn chẳng nhận ra gì hết. Tất cả chỉ là những cái bóng lơ mờ thôi, và đôi khi tôi tưởng đó là những hình thù ma quái. Tuy vậy, tôi có thể hình dung được bát cơm hàng ngày họ đẩy vào cho tôi, ngay chỗ mà họ vẫn đặt nó cho dù lúc bấy giờ nó không có ở đó.

Cái phòng này đã không đủ chỗ cho một người vậy mà họ còn tổng thêm vào một người nữa. Đêm tối đen, tôi lơ mờ thấy một dáng người to lớn đang cử động như một đám mây trước mắt. Một người cũng bị xiềng và móc dính trên vách như tôi nên chúng tôi không thể nào tránh va chạm nhau.

Ngay khi được thả khỏi Lard Yao, họ đưa tôi trở lại Bang Kwang và ở đây tôi được phép tháo bỏ xiềng xích, sợi dây đã quấn quanh mắt cá chân tôi suốt 9 tháng liền. Trong thời gian tôi vắng mặt, trại Bang Kwang có một sự thay đổi khá quan trọng: Tù nhân bây giờ được viếng thăm thường xuyên

bởi những người lạ hoắc. Họ có quyền chọn trong bảng danh sách, tên tù nhân có kèm theo quốc tịch, người mà họ muốn gặp. Nơi tiếp khách là một bãi cỏ nằm phía bên phải của lối vào phòng *hình phạt* gần sân thể dục. Thịnh thoảng mấy tên lính hay chơi bóng đá trên mảnh sân nhỏ xíu này, còn tù nhân thì đứng xung quanh xem. Trong những buổi thăm viếng này, tôi gặp được ông bà Charles Holmes, họ là những nhà truyền giáo người Anh. Hai ông bà này dùng phần lớn thời gian để đến thăm các trại tù và giúp đỡ tù nhân về mặt tinh thần. Không biết tôi đã gặp hai người này trước đây chưa hay chỉ mới đây thôi. Hai ông bà thường mang thức ăn đến cho tôi và rất tận tụy trong việc thực hiện những yêu cầu của tôi. Từ đó họ bắt đầu đến thăm tôi đều đặn. Để đáp lại lòng từ thiện của họ, điều duy nhất là tôi phải đọc Kinh Thánh. Ông bà ấy mang vào cho tôi một quyển kinh được sao chép lại. Họ yêu cầu tôi hãy bắt đầu đọc phần nói về Daniel trước, một nhân vật bị bỏ qua đêm trong chuồng sư tử nhưng vẫn sống sót nhờ tin vào Chúa.

Trong Kinh Thánh bao gồm những chuyện bạo lực và tra khảo không được kể ra. Nạn nhân thường là những người phạm luật. Chỉ khi nào họ biết ăn năn, hối lỗi thì mới được tha tội và được yêu thương. Có một chương khiến tôi tò mò, trong đó nói về Job, một bầy tôi trung thành bị Chúa bắt phải chịu những hình phạt và những mất mát không thể tả được. Lý do Người làm thế là để thử xem Job có nghe lời xúi giục của quỷ Sa Tăng chống lại Chúa hay không.

Nghiền ngẫm tôi thấy Job và tôi có nhiều điểm giống nhau. Hai chúng tôi đều là những thằng thiếu suy nghĩ.

Chương 12

CUỘC NỔI LOẠN

Cuộc nổi loạn xảy ra vào Chủ Nhật ngày 5 tháng 8, 1985. Vào ngày đó tôi đang tiếp Simone, một cô gái khoảng 19 tuổi đến từ vùng biển phía Bắc thủ đô Sydney. Trong thời gian nghỉ phép, cô sang Thái Lan và muốn thăm những người đồng hương trong các trại tù. Cô ta đã thăm tôi vài lần ở đây. Mặc dù lâu lắm tôi không tiếp xúc với phái nữ, vậy mà tôi chẳng thấy khó khăn tí nào khi gặp gỡ cô ta. Nàng có sức lôi cuốn đến nỗi mỗi lần chuyện trò với nàng tôi chẳng còn quan tâm đến những gì đang xảy ra xung quanh. Hôm đó, cho đến khi thấy bọn lính nhốn nháo vừa chạy vừa thối còi ra hiệu với nhau, tôi mới kinh hoàng nhìn ra phía tường thành thì thấy từ trên chòi canh những khẩu M16 đang được ném xuống cho bọn lính bên dưới.

Trong khu thăm nuôi, khách bị lừa hết ra phía sau sân cỏ. Một tên chạy đến nhắc bóng Simone và lôi nàng vừa chạy vừa bảo phải ra khỏi nơi này trong khi tôi chưa kịp nói lời tạm biệt với nàng. Tôi đang phân vân có lẽ có một việc gì thật ghê gớm đang xảy ra mà chúng tôi chưa ai được biết. Đồng thời lính chạy vào sân ra lệnh chúng tôi trở lại xà lim và khóa chặt tất cả cửa phòng.

Tiếng bàn tán lan ra khắp nơi. Hóa ra có một anh ở trại tù số 6 đã chộp một tên lính, kề dao vào người và lôi hẳn ra làm con tin; trong khi vài anh tù khác cướp súng và đe dọa mấy tay lính khác. Thoạt đầu, hiện tượng có vẻ lý thú lắm vì lính ở đây chưa bao giờ gặp phải tình huống như thế này. Chúng tôi hồ hởi muốn xem sự thể diễn tiến ra sao, nhưng một giờ trôi qua chẳng

thấy động tĩnh gì cả. Toàn khu vực bao trùm trong sự yên tĩnh. Suốt buổi hôm đó, chúng tôi không thấy cũng chẳng nghe tin gì về số phận của tên lính bị bắt. Nhưng một lúc sau có tiếng nháo nhào ở tận đằng xa vọng lại, không phải là tiếng xô xát mà như tiếng trẻ con đang nô đùa ngoài sân chơi. Rồi lúc bấy giờ chúng tôi nghe một tiếng đâm sầm rất mạnh như thể có ai đó đang cố hết sức tung cửa để tẩu thoát. Âm thanh đó được lặp đi lặp lại hai, ba lần.

Một người xuất hiện ngay trước cửa xà lim của chúng tôi, không phải lính mà là một anh tù, trên tay cầm một khúc ống nước đang gõ vào ổ khóa như muốn nó bật tung ra. Vừa nện anh vừa bảo: “Có một cuộc bạo động, bọn lính đã đi hết rồi. Bang Kwang đang bị vây bên trong.” Tất cả cửa phòng của tòa nhà số 5 đều được phá tung, tù nhân ủa ra tứ phía, gặp cái gì là đập phá cái đó. Nhà tù lúc bấy giờ cực kỳ lộn xộn. Tôi và Paul chẳng biết làm gì, nhưng không thể nào không hào hứng trước cảnh như thế. Dù biết rằng cuối cùng thì tất cả chúng tôi không ai tránh khỏi bị hành quyết, điều đó xem như một ân huệ chứ không còn cách nào hơn.

Mấy anh xông vào khu ở của bọn lính và vào cả văn phòng ban lãnh đạo, phá phách lung tung. Họ còn lôi khung hình của vua Thái xuống rồi giơ cao lên đầu vừa ca, vừa hét như người mất trí. Một anh cho chúng tôi biết chính phủ Thái vừa đưa tin công bố lệnh ân xá sắp chấm dứt, nghĩa là tù nhân có thể được thả sớm hơn bản án đã thi hành.

Thình lình tiếng loa phóng thanh vang lên ra lệnh chúng tôi chấm dứt ngay cuộc bạo loạn và phải trở về lại chỗ của mình, nếu không sẽ bị trừng phạt. Mọi người cứ lơ đi làm như không nghe thấy và đồng thời còn quay lại phỉ báng vào lời kêu gọi trên loa. Ngay khi cuộc bạo động bắt đầu, tôi đã thấy kinh hãi vì có một người cho tôi biết cách đây khoảng mười năm cũng ở Bang Kwang này có cuộc nổi loạn như thế và sau đó mọi người đều bị xử tử không sót một ai. Tôi hoàn toàn tin nó là sự thật vì ban Quản giáo ở đây chẳng ngần ngại gì mà không đem hết chúng tôi ra hành hình.

Tối đêm hôm đó mọi người gần như không ai chợp mắt. Cả trại hỗn loạn một cách kỳ lạ. Một anh nào đó đã chộp được một cái máy khâu bằng của bọn lính, mở oang oang. mấy anh tù gần như ngây dại khi được nghe bản

All Along The Watchtower do Jimi Hendrix hát. Không biết làm gì, tôi và Paul đi lang thang. Khi ngang qua trại 5 chúng tôi thấy trong một xà lim nhỏ hẹp một nhóm năm anh Thái đang ngồi xoay tròn trước những ngọn nến lung linh, im lặng cầu nguyện, trông họ giống như một ốc đảo tí hon yên bình, lạc lõng giữa cái cảnh điên cuồng bên ngoài. Tôi và Paul bước đến ngồi xuống cạnh họ, tò mò muốn biết họ đang làm gì. Một anh nói: “Chúng tôi cầu cho linh hồn mình được siêu thoát vì chắc chắn ngày mai cuộc đời của chúng tôi sẽ kết thúc.”

Sáng hôm sau, bầu không khí của Bang Kwang bao trùm một sự yên lặng đến rùng mình. Không một bóng lính gác, không cảnh sát và cũng không thấy một nhân viên nào của trại. Chắc chắn là họ sẽ kết thúc cuộc nổi loạn đó vào ngày hôm nay. Trong cái yên lặng lạnh mình này, thỉnh thoảng người ta nghe tiếng la hoan hỉ phát ra từ một nơi nào đó. Riêng những người tù ngoại quốc hầu hết đều trốn trong các căn phòng ‘đỏ’. Tôi, Paul và hai người Mỹ nữa ở yên trong xà lim nằm phía sau lưng trại, mắt cứ dán ra cổng và những bờ tường chờ xem động tĩnh.

Vào khoảng 9, 10 giờ sáng giông tố bắt đầu nổi lên. Tất cả cùng một lượt, những cánh cửa nhà tù bật tung ra, một toán lính thuộc lực lượng đặc biệt ủa vào, nã súng điên cuồng. Trục thẳng hình như từ các bãi cỏ bên ngoài trại đang cất cánh. Lính biệt kích đồng loạt trèo lên tường án giữ vị trí như thể chờ lệnh tấn công. Súng nổ vang trời, tim tôi bắt đầu dội lên. Một anh tù bỗng dừng chạy băng qua sân, hướng về phía hàng rào kẽm gai thì bị bắn banh xác ngay tức khắc. Lính đứng dọc bờ tường ở những lối đi, nã súng xuống sân. Edward, một anh Mỹ, nhận thấy rằng bắn vào khoảng trống khi họ đứng ở các vị trí chiến lược khó khăn như thế này thì có nguy cơ sẽ bắn vào nhau. Vừa nói xong thì một anh tù Thái đứng cách chúng tôi vài ba mét bị bắn tét lồng ngực. Bên kia sân, tôi thấy một anh khác đang cố trèo lên tường, nhưng chỉ được nửa chừng cả thân thể anh ta rũ liệt ngã xuống đất. Edward bắt đầu thấy khiếp đảm. Anh bèn cởi chiếc áo sơ mi của mình ra, bước về phía tường vừa đi vừa quơ quơ chiếc áo ra hiệu muốn nói chuyện với những người chỉ huy. Mấy tên lính đồng loạt nâng súng nhắm vào anh.

Trong tích tắc tôi nhúu mày vì tin chắc rằng anh sẽ bị giết. Cả bọn lính đồng loạt hét bảo anh phải lùi lại và ra lệnh cho anh nằm xuống. Lúc bấy giờ phía sau lưng tôi là một họng súng M16 đang chĩa vào gáy. Tên cầm súng bảo tôi không được động đây. Tôi run lấy bấy vì họng súng đang nằm sau gáy mình. Lúc bấy giờ có một anh lính khác đi ngang qua thấy tôi, hăn bảo với tên kia rằng chúng tôi không dính dáng gì vào việc này. Tên lính nọ nhắc họng súng khỏi đầu tôi và ra lệnh tôi phải cởi áo, nằm úp mặt xuống đất và hai tay để ra sau gáy chờ có lệnh mới được đứng lên.

Một giờ sau tiếng súng im bật, bọn lính chạy xung quanh đồn tù nhân lại. Người nào cũng bị trói quặt hai tay ra sau lưng bằng dây bện rất chắc. Một số bị trói bằng dây màu đỏ, số khác màu trắng. Tôi chẳng hiểu màu sắc đó mang ý nghĩa gì. Rồi sau đó chúng lừa một nhóm năm anh tù ra phía trước và bắt quỳ xuống. Trước khi tôi kịp nghĩ điều gì sẽ xảy ra tiếp thì bọn lính đứng phía sau đồng loạt nâng súng bắn vào đầu họ. Tiếp theo là năm người khác. Tất cả đều bị trói bằng dây màu đỏ. Sự việc tiến hành quá nhanh làm mấy anh còn lại kinh hãi quay hỏi nhau xem tay họ bị cột bằng dây màu gì.

Paul, tôi và vài người ngoại quốc khác bị đưa xuống phía cuối dãy nhà số 5. Cái nắp hầm cầu ở đây đã bị bắn nát nên nước phân dềnh lên gần cả tấc. Một tên ra lệnh cho chúng tôi nằm sấp xuống và bò ngang qua đấy, xem như chúng tôi cũng phải chia sẻ hình phạt trong cuộc nổi loạn vừa rồi. Nhưng Bruce, anh tù Úc, quay lại nhìn tên lính và phản đối cách trừng phạt này. Anh ta bảo rằng anh không liên quan gì trong việc này cả. Anh là một người giữ đúng nội quy của trại và trong suốt thời gian lộn xộn anh vẫn ngồi yên trong xà lim của mình. Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu, tôi cho là Bruce đã làm một hành động sai lầm chết người. Nhưng ngạc nhiên thay tên lính quay lại lườm Bruce rồi bảo anh ta đứng sang một bên, còn những người khác phải nằm trườn qua đồng phân đó. Thấy màn phản đối của Bruce hiệu quả, một anh Thái cũng bắt chước định từ chối. Song không một chút do dự, tên lính quay lại đưa báng súng nện ngay vào một bên đầu anh ta. Hăn đập mạnh đến nỗi đầu anh Thái té đôi ra như quả dưa hấu rơi từ trên cao xuống đất. Anh Thái ngã ập vào đồng phân, máu và óc trộn lẫn vào đồng bầy nhầy

đó. Chưa đã giận, hẳn hết chúng tôi phải làm theo lệnh của hẳn. Không một ai còn dám phản đối nữa.

Trong thời gian lao xá nổi loạn này, Paul bị đánh một cách tàn nhẫn đến nỗi anh không còn bước được. Chân phải của anh oằn đi, gãy từ ống quyển trở xuống. Tất cả chúng tôi gồm 36 người bị nhốt, bị bỏ đói trong 3 ngày liền mà chẳng một nhân viên y tế nào để ý đến. Thời gian này Paul vô cùng khốn khổ.

Qua hết ngày thứ ba sau khi dập tắt cuộc nổi loạn, họ mới mở cửa nhà giam và lừa chúng tôi ra ngoài để tắm giặt. Tôi và một anh bạn Mỹ phải xốc nách dìu Paul đi. Một tên lính nổi giận quát tháo ầm ĩ bắt chúng tôi phải di chuyển cho nhanh. Tôi giải thích cho bọn chúng rằng chân Paul bị thương nặng, thần kinh không còn điều khiển được cử động nên không thể nào bước nhanh hơn. Nhưng hẳn cầm cây gậy cứ chọc vào lưng chúng tôi miệng hồi lia lịa.

Và từ đó trở đi, Bang Kwang không còn sự nhân nhượng nào như trước nữa.

Chương 13

CUỘC ĐỜI

Bây giờ nhìn lại thời gian ở Bang Kwang, tôi mới nhận ra rằng phần lớn cuộc sống ở trong tù tương tự như cuộc sống của thế giới bên ngoài, giống đến mức khi đề cập tới những sự kiện xã hội bên ngoài tôi coi nó xa vời như đang xảy ra trong một quốc gia nào ngoài hành tinh mà chúng tôi không hiện diện trong đó. Chúng tôi không còn nhớ cái thế giới thật như thế nào, quả thật chúng tôi hoàn toàn quên mất!

Nhưng dù sao tận cùng trong thâm tâm, chúng tôi đều mong ước một cuộc đời bình thường trong một cộng đồng có một nếp sống thật quy củ. Thế nên chúng tôi cố gắng biến đổi những gì ở chốn đáng thương này thành một mô hình gần tương tự như cuộc đời trong quá khứ của mình, giống được chừng nào hay chừng đó: chẳng hạn như chúng tôi liên hệ làm ăn với nhau, ghi sổ sách kế toán, và nhất là tôn trọng vị trí xã hội và vấn đề tài chính của nhau. Ông bà Holmes cho tôi một quyển sổ để ghi lại những việc chi thu hằng ngày - ‘hôm nay phải đưa cho Paul 1.500 Baht; David nợ tôi 500 Baht; Ba Sao mới trả cho tôi một viên thuốc, còn nợ lại 2 viên nữa. Hôm nay Ronald và tôi sẽ trở lại phương pháp làm cũ về kế toán v.v...’. Trong bất cứ cộng đồng nào, con người cũng phải tìm cách liên kết với nhau vì lợi ích chung. Mấy năm cuối ở Bang Kwang tôi có một đám bạn thân thiết và chúng tôi cố gắng giữ liên lạc với nhau thật chặt chẽ.

Trong số đó có Gary Genovese, người Mỹ gốc Ý, chú của anh là TRÙM của một gia đình tội phạm ở New York. Gary kể cho tôi nghe rằng hoặc anh,

hoặc anh của anh sẽ là người kế nghiệp công việc hàng đầu này. Tôi cũng lấy làm lạ tại sao một gia đình khét tiếng ‘anh chị’ mà không gây được áp lực đối với mấy quan chức thoái hóa Thái Lan này... Nhưng Gary cho rằng thời gian anh nằm ở Bang Kwang chỉ đơn giản là để tỏ ra mình khí phách đối với những người ở New York thôi. Anh của anh ta là Bob cũng đang nằm khám tại đất Mỹ.

Có lần Gary đưa cho tôi xem tấm ảnh anh trai mình, trong tấm ảnh đó anh này đang đứng quàng tay qua người của một cô gái trông thật hấp dẫn. Cô này, anh ta đã quen trong tù, một trại tù mà an ninh không lấy gì chặt chẽ lắm. Ở đó thỉnh thoảng họ cho phép tù của hai trại gặp gỡ nhau. Đằng sau tấm ảnh có dòng chữ: “Gary thân mến, cô gái trong ảnh này và anh sắp lấy nhau đấy. Thử đoán xem cô ta là ai?... Cũng là một tên giết người đó nghe!”

*

* *

Nhật ký ngày 6 tháng 6 năm 1986

Bị đưa sang *khun deo* hôm nay. Tình cờ họ lục soát thấy Gary có kim chích. Vì chúng tôi hay ngồi ăn chung với nhau nên cả hai đều bị biệt giam. Rất ghét cô độc - thật là một thời gian khổ nhọc.

*

* *

Ở Bang Kwang cũng có một cậu nhóc tên là Marcello, người Ý. Ít ai ưa nó. Nó thường mặc quần đùi, đứng ở chỗ cao rồi xoay tròn như diễn viên múa ba lê, vì thế cả trại đều coi nó là loại người không giống ai.

Trong thời gian bị biệt giam, Marcello phát bệnh lao. Ngày nó được thả ra khỏi *khun deo*, người ta thấy nó lão đảo đi tìm bác sỹ. Marcello bệnh rất nặng, lúc đó nó đã kiệt sức và không còn biết gì nữa. Nó chỉ nằm rũ rượi, mê sảng trên chiếc giường làm bằng mấy tấm ván ghép lại và phủ trên mình một tấm chăn. Tôi không nhớ rõ tại sao lúc đó tôi cũng vào nằm trong bệnh xá. Giường tôi nằm cách chỗ của Marcello không xa. Mấy hôm sau, tôi có người ở Lãnh sự quán đến thăm, đi kèm với người này là một bác sỹ Úc.

Sẵn dịp này tôi nhờ ông ta dành chút thời gian khám bệnh giùm cho Marcello. Ông ta nhận lời ngay. Hai mươi phút sau ông trở lại chỗ tôi nằm với vẻ mặt nhợt nhạt và đòi xin gặp bác sỹ trưởng của trại. Ông ta bảo nếu Marcello không được điều trị kịp thời thì chỉ trong vòng 24 giờ nữa chắc chắn không còn cứu kịp. Tối hôm sau, bộ phận tiêu hóa của Marcello hoàn toàn mất kiểm soát. Nó bắt đầu lịm dần trên vũng phân mênh mông của mình. Thấy tôi nhìn, nó nhấc tay lên vẫy nhẹ, phân lỏng từ những ngón tay rơi xuống từng giọt. Sáng sớm tôi phải nhờ một anh Thái giúp tôi đẩy chiếc giường của nó đến gần máng xối để rửa ráy. Tôi vục từng bùm nước rưới lên thân thể nó và cố gắng làm sạch được chừng nào tốt chừng đó. Trong cơn mê sảng, nó cố gắng thều thào hai chữ, “Cám ơn”.

Paul hơi lấy làm ngạc nhiên khi nghe thấy tôi đã làm điều này, bởi vì tất cả những người ngoại quốc ở đây đều xem Marcello là một tên vô lại. Nhưng riêng tôi, điều quan trọng là tôi không thể nào giống như những tên cai ngục. Và sau bao nhiêu lần chứng kiến mọi thứ xảy ra xung quanh, tôi vẫn không thể nào biến mình thành một robot: vô cảm và thiếu lòng trắc ẩn.

Hóa ra vị bác sỹ mà tôi nhờ khám cho Marcello về có tiếp xúc với Lãnh sự quán Ý, và Lãnh sự quán Ý cũng cử một bác sỹ của mình mang một thùng thuốc đến bệnh xá. Nhưng mọi việc đã quá muộn! Marcello đã ra đi từ đêm hôm trước, im lìm và bình thản trong nỗi niềm riêng tư của nó.

Nhìn thấy người đại diện của Lãnh sự Ý còn đứng đó, tôi tiến lại gần và hỏi ông có biết tin gì về Marcello hay không. Ông ta trả lời có và lập tức đi ngay để đến gặp Marcello. Đúng lúc chúng tôi đang nói chuyện với nhau thì chiếc xe mang thi hài Marcello rời khu nhà giam. Tôi chỉ tay vào chiếc xe và nói: “Kìa, nhìn chiếc xe kìa. Tôi nghĩ là Marcello đang ở trong đấy.” Ông ta quay lại nhìn theo tay tôi. Trước khi hiểu lời tôi nói, ông làm một hành động hết sức lạ lùng: nhảy ra khỏi ghế, hét lên và lao theo chiếc xe trong lúc nó từ từ lăn bánh ra phía cổng. Khi ông còn đang chạy theo, chiếc xe đã biến mất sau hai cánh cổng chậm chậm khép chặt. Ông ta dừng lại, quay đầu tiến ngược về phía chúng tôi với tâm trạng quẩn trí như tâm trạng của một người cha vừa thấy xác con mình bị mang đi.

Marcello không có gia đình nên xác của nó được chôn trên một mảnh đất phía bên ngoài nghĩa trang. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì ít ra chúng tôi cũng đã tắm rửa được cho nó.

*

* *

Ngày 27 tháng 4 năm 1986

Steve trở về ngày hôm nay nhưng có lẽ anh ta không thể gặp tôi được, phải đợi đến ngày 7 tháng 5 cơ. Nói là sẽ có mặt ở đây trước ngày 6 và đi cùng với ông bà Holmes. Ít ra tôi cũng hy vọng thế. Lẽ ra hôm nay tôi phải nói thêm. Thôi để lần sau sẽ lên kế hoạch.

*

* *

Ngày 6 tháng 5 năm 1986

Ông bà Holmes và Steve sẽ đến thăm tôi hôm nay. Tôi đang mong Steve đến thăm tôi một lần nữa. Nghĩ thêm những gì cần phải nói để khiến họ thích thú. Tôi phải hoàn tất mấy bài học trong Thánh kinh rồi giao lại cho Charles và phải ghi ra những thức ăn cần mua.

*

* *

Ngày 7 tháng 5 năm 1986

Họ bảo sẽ trở lại thăm mình vào ngày 6/5. Chẳng lẽ mình nhầm ngày. Có thể họ đến bất kỳ ngày nào trong tuần này, cũng có thể là ngày hôm nay.

*

* *

Ngày 9 tháng 5 năm 1986

Hôm nay thứ Sáu, có lẽ ông bà Holmes và Steve đến. Tuy nhiên, miễn là họ đến trong tuần này, mọi việc sẽ ổn hết.

*

* *

Tôi đang đứng xếp hàng chờ khám bệnh thì một anh tù người Pháp chạy ào vào phòng mạch la rối lên xin bác sỹ cho bất cứ thuốc gì để giảm đau. Anh ta đang ở trạng thái cuồng loạn vì thiếu heroin. Bác sỹ trả lời rằng ông không thể giúp gì được. Anh ta bảo nếu không có thuốc thì sẽ tự tử ngay. Vừa nghe thế vị bác sỹ mở ngăn kéo lôi ra một con dao rồi quay chiếc cán lại trao cho anh ta. Ông nói tiếp: “Muốn chết thì anh làm ơn ra ngoài hành lang, đừng đứng trong phòng tôi làm rối lên như thế.”

Vào thời điểm này những sự kiện như thế khiến tôi thấy buồn cười. Trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, có lúc người ta cũng tìm thấy sự khôi hài và không thể nào nhịn cười được. Đó là cách duy nhất để sống qua ngày.

Khi trở về xà lim tôi định kể cho Paul nghe những gì vừa chứng kiến ở bệnh xá nhưng không tìm thấy anh ta đâu cả. Sau một lúc dò hỏi tôi được biết Paul bị bọn lính dẫn đi rồi, bị đưa sang Lard Yao và vĩnh viễn ở tại đó. Nghe tin này tôi rụng rời tay chân. Kể từ khi cùng leo lên máy bay ở phi trường Sydney, chừng đó năm hai chúng tôi chưa bao giờ rời nhau. Đối với tôi, Paul được xem như một người anh và chúng tôi gần gũi nhau nhiều hơn đa số những người khác gặp nhau trong suốt cuộc đời họ.

Tôi không thể hình dung rằng tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại Paul ở Thái Lan nữa. Mỗi mỗi không...!

*

* *

Ngày 20 tháng 12 năm 1986

Tôi nhớ Paul quá đi mất. Tôi hy vọng anh vẫn ổn. Paul Hayward là một thành viên thân cận trong hoàn cảnh này và hơn thế nữa, anh là người bạn thân nhất của tôi. Tôi thương anh và nhớ anh khủng khiếp. Tôi cầu mong anh vẫn còn ở tại đây với tôi. Bây giờ thì chúng tôi bị tách rời nhau - anh đã bị chuyển sang nhà tù Klong Prem. Chúng tôi đã nằm trong tù với nhau 8 năm rồi, đã trải qua biết bao điều, những điều mà những người khác chưa bao giờ trải qua. Tôi cho là tình bạn của chúng tôi không có gì so sánh được

vì chúng tôi hiểu những điều thầm kín trong lòng nhau và biết tất cả những ý nghĩ của nhau. Lòng tôi đau như thắt.

*

* *

Ở Bang Kwang có một trại nuôi heo. Những con heo này còn mập mạp hơn cả tù nhân. Chúng nó được cho ăn những thứ tương tự như cho chúng tôi, nhưng rõ ràng chúng còn có thêm một khẩu phần nữa.

Những anh tù Thái làm việc cho trại heo lãnh một món tiền lương rất tội nghiệp, nhưng họ đã biết cách kiếm thêm lợi nhuận...

Nhiều người hỏi tôi về vấn đề tình dục ở Bang Kwang. Ở đây chuyện tình dục và cưỡng dâm xảy ra thường xuyên cũng giống như ở nhiều trại tù bên Tây phương vậy thôi. Tôi phải nói rằng không hẳn như thế vì người Thái không dễ tha thứ chuyện đồng tính luyến ái. Nếu các nhà chức trách ở đây biết được anh nào đồng tính thì họ cho tập trung lại thành từng nhóm nhỏ. Dĩ nhiên, những chuyện ‘giải lao lãng mạn’ này không thể nào tự nhiên trong một nhà tù chật cứng người được.

*

* *

Ngày 20 tháng 2 năm 1988

Hôm nay là lễ Makha Bucha, tôi chẳng biết là ngày lễ gì, chỉ thấy mọi nơi đều đóng cửa: không bệnh xá, không viếng thăm, không có cái ‘quái’ gì hết. Mọi thứ đều ngừng lại. Cái xứ sở này có quá nhiều những ngày quốc lễ quái quỷ như thế nhưng chẳng có gì hay ho. Đối với tôi ngày nào cũng như ngày nào, cũng chỉ thêm một ngày thật phí phạm trong đời mình thôi.

*

* *

Thỉnh thoảng Lãnh sự quán có gửi cho chúng tôi vài tờ tạp chí để đọc. Phần nhiều là báo ‘Phụ Nữ hàng tuần’ hay một thứ gì đại loại thế. Thật thú vị khi được nhìn thấy những gì từ thế giới bên ngoài, nhưng đọc không sướng ích gì cả vì các tạp chí này đã qua tay nhiều tên lính rồi mới đến

chúng tôi và hơn nữa, những tấm ảnh đáng xem trong đó đã bị chúng cắt đi mất, những tấm ảnh mà chúng nghĩ có thể gọi cho chúng tôi liên tưởng đến một khẩu súng, một chiếc trực thăng hay câu chuyện của một nhân vật nào đó... Đôi khi, chúng chỉ cắt những tấm hình mà chúng cho là sẽ gọi trong đám chúng tôi nhiều sự thích thú. Chẳng hạn mục thời trang phụ nữ bao giờ cũng còn lại lỗ hổng. Chúng tôi được đọc mẩu chuyện về một nữ diễn viên trẻ đẹp đang lên đến đỉnh cao của sự thành đạt nhưng tiếc thay bức ảnh của cô ta không còn trên trang đó nữa.

Có lần, một cô gái đến thăm và mang cho tôi tờ tạp chí *Playboy* hay *Penthouse* gì đó. Ngày hôm đó gặp được một tên lính tốt bụng nên chúng tôi đề nghị biếu anh ta vài gói thuốc lá để được chuồn tờ báo vào trong.

Loại tạp chí này tôi đã từng thấy và từng đọc, nhưng đó là nhiều năm về trước và bây giờ trong thời gian tôi ngồi tù thì cái đạo đức bên ngoài rõ ràng đã thay đổi. Những phụ nữ trong tạp chí này không những đẹp một cách sừng sốt mà tư thế đứng ngồi của họ gây ấn tượng không thể chịu nổi. Suốt mấy ngày sau đó tờ tạp chí được luân chuyển qua hết khu trại của tôi như một tác phẩm bán chạy nhất mà mấy anh tù đã phải thi nhau trả tiền mới mượn được. Họ không thể tin phụ nữ phương Tây đẹp mê hồn lại chịu ‘phô trương’ thân thể cho mọi người xem như trong quyển tạp chí này. Nhưng đáng buồn thay ‘quyển sách’ cuối cùng tan nát dưới tay của những tên lính! Thật sự, bọn chúng chẳng cố tình hủy hoại mà vì nó đã được sử dụng quá nhiều.

Một buổi chiều nọ, một cô gái đến thăm tôi. Trong lúc trò chuyện cô ta đột nhiên hỏi tôi lần cuối cùng tôi làm tình là khi nào. Tôi trả lời cách đây cũng nhiều năm. Cô ta bảo ước gì có thể đưa tôi ra ngoài ngay bây giờ. Cũng đã khá lâu mới có một người nói với tôi chuyện đại loại như thế, tôi thật sự phân vân chẳng hiểu cô ta có ý gì.

Đến gần cuối buổi cô ta khoe với tôi là trên người mình có một hình xăm và hỏi tôi có muốn xem không. Tôi gật đầu hưởng ứng. Nói xong cô ta vén áo lên để lộ một hình xăm nhỏ bên hông rồi lại ngồi xuống và tiếp tục câu chuyện, làm như không biết rằng tôi đang ngồi trên đồng lửa sau khi trông

thấy cái hình xăm đó. Hình ảnh chiếc hông của cô ta cứ lớn vớn trong đầu đến khi không thể nào cưỡng được, tôi bèn xin cô ta cho tôi xem cái hình xăm lần nữa với mục đích nghiên cứu. Miệng tôi lúng búng rằng rất thích loại nghệ thuật đó. Cô ta đứng dậy vén áo lên một lần nữa. Tôi ngồi ngắm như trời trồng, giả vờ nghiên cứu từng chi tiết của nét vẽ. Trong khi đó sau lưng tôi cũng có một đám lính đứng bu xung quanh xem. Cho đến ngày hôm nay khi nhớ lại tôi chẳng biết cái hình đó mô tả cái quái quỷ gì nữa.

Có nhiều người đàn bà biết cách kích thích dục tính của cánh đàn ông trong hoàn cảnh éo le. Chẳng hạn có lần một cô đề nghị muốn bán cái quần lót của mình với giá 500 Baht, một anh tù sướng rơn bỏ tiền ra mua và nhờ một tên lính mang vào cho anh ta. Tin này lan rất nhanh trong khu thăm nuôi và chỉ ít phút sau cô gái này đã ngồi trước mặt 20 tù nhân kể cho họ nghe những câu chuyện dựng đứng hết sức kỳ quặc. Thấy thế, mấy tên lính bèn tấu tán chiếc quần của cô ta. Chúng không hiểu nổi tại sao lại có người khoái nhìn quần lót phụ nữ, trong khi chúng chỉ thích xem ‘quyển sách’ đó của tôi thôi.

*

* *

Tù nhân nào có phẩm chất tốt thì được rất nhiều đặc ân, như John, người Úc. Anh được phép tự xây một căn nhà cho mình trong khu công cộng. Anh đã dùng những phế liệu và các mảnh gỗ mua lại của mấy người Thái. Đúng là một kiệt tác. Bruce, cũng người Úc, cái anh chàng đã từ chối không chịu bỏ qua đồng phân sau vụ nổi loạn, nổi tiếng thích mèo. Ở đây mèo vô số kể. Anh ta cho ăn và nâng niu chúng nên mỗi lần anh đi loanh quanh trong trại là chúng bu theo. Anh như người nuôi chim trong cung điện Tây Ban Nha, nhưng chỉ thích mèo thôi. Một hôm có chú mèo đẻ ra một lô mèo con, nhà chức trách cho phép anh giữ chúng trong xà lim của mình để chăm sóc. Anh ta đặt chiếc hộp nhỏ ở góc phòng làm ổ cho chúng. Đương nhiên làm sao chúng có thể tồn tại trong một nơi như nơi này được. Cuối cùng chỉ còn một con sống sót. Bruce quyết tâm giữ chú mèo này nên canh chừng nó ngày đêm. Anh ta đặt nó lên hai bàn tay, nâng niu và ăn cùng với nó, đùa giỡn với

nó bên ngoài sân trại. Anh tắm rửa và chia khẩu phần của mình cho nó. Một anh chàng bắt trị lại cưng một chú mèo con như con đẻ của mình trong một khung cảnh bẩn thỉu và tồi tệ của Bang Kwang này! Thật là một hiện tượng chẳng bình thường tí nào. Nhưng mọi người hiểu sự gắn bó giữa anh và chú mèo: Ở một nơi như nơi đây thì bất cứ cái gì mang đến niềm vui cho bạn cũng trở thành một điểm tập trung rất quan trọng trong cuộc đời mình. Có một sinh vật nhỏ bé dựa dẫm vào mình để sống và ngược lại mình lo toan, chăm sóc với cả tình thương thật không có gì hơn. Trừ phi đó là một giấc mơ. Chúng tôi ghen tỵ với Bruce.

Sau một thời gian, chú mèo lớn lên. Bruce phải đem nó ra ngoài để mọi người cho nó thêm những gì nó cần. Một hôm nó nhận được một gói quà trong đó toàn các hộp thức ăn cho mèo. Vài anh buồn về việc này và so sánh chú mèo của Bruce ăn còn ngon hơn họ. Nhưng Bruce cảnh báo rằng thực phẩm đó chỉ dành cho mèo, nếu ai ăn cắp thì anh sẽ xử lý ngay.

Một hôm Bruce để chú mèo ngủ trong cái hộp gỗ ở góc phòng, anh ta đi bệnh xá vì nơi đây cấm không cho bất kỳ một con vật nào vào. Khi trở về, anh thấy có vài tên Thái đang ngồi trong phòng nhìn anh mỉm cười. Linh cảm điều chẳng lành, anh đi tìm chiếc hộp nhưng không thấy chú mèo đâu cả. Thì ra nó đã bị treo lủng lẳng ở cái then trên tường. Sợi dây buộc quanh cổ nó chặt đến nỗi lưỡi nó thè ra, hai mắt nhắm nghiền và xoắn lại vì quá đau đớn. Cảnh tượng này khiến Bruce bị sốc mạnh và anh xỉu ngay tại chỗ. Mấy tên Thái cắt dây treo mang chú mèo ra lột da và nuốt sạch chỉ còn trở lại bộ xương.

Từ đó, Bruce chẳng tiếp xúc với một ai vì không sao quên được sự việc đau lòng xảy ra ngày hôm đó. Cuối cùng Bruce cũng được thả và trở về nhà ở Melbourne. Tôi viết cho anh mấy lá thư nhưng không thấy hồi âm. Sau đó tôi nhận được một lá thư do mẹ anh viết. Bà cho hay là từ ngày Bruce trở về, thời gian đầu anh có vẻ thích nghi với hoàn cảnh hiện tại và rồi hầu như quen dần với đời sống trước đây. Anh ta rất ít nhắc đến Bang Kwang, và bà hiểu rằng anh đã muốn quên hẳn nó đi. Nhưng một hôm, sau khi ra một cửa hiệu ở góc phố trở về, trông anh có vẻ nhột nhạt và phiền muộn. Bà hỏi có

việc gì, Bruce chỉ lặng thinh rồi thông thả lui vào phòng ngủ của mình khóa cửa lại và không chịu ra ngoài đến mấy tuần sau đó. Lá thư này mẹ Bruce viết cho tôi gần sáu tháng sau ngày sự việc đó xảy ra. Bà ta còn nói bắt đầu từ hôm ấy Bruce không hề thốt ra lời nào nữa cả.

*

* *

Ngày 4 tháng 4 năm 1988

Bị biệt giam. Thân xác bị cách ly nhưng đầu óc và tâm hồn tôi vẫn tự do. Không ai có thể giam cầm tư duy và ước muốn của mình được. Tính đến tháng 10 này tôi ngồi tù được 10 năm. Một thập niên!

Người ta ít biết hay không để ý, tôi đói lắm, rất rất đói. Đói trong suốt 10 năm. Tôi mơ đến các món ăn. Ô, Chúa ơi, tôi ao ước được ăn lại những bữa cơm thơm tất. Năm ngày nay tôi không có gì để ăn, ngoại trừ nước, nước sông. Tôi hình dung ra, nước của con sông màu nâu đỏ quạch toàn bùn đang chảy bên ngoài khu trại.

Có biết bao điều để tôi kể lại. Lạy Chúa, xin Người gìn giữ và ban phước cho con sống để con kể lại những chuyện đã trải qua. Vì bây giờ chỉ có Chúa mới biết tôi đã chịu đựng như thế nào thôi. Nghĩ đến ngày nay, vào thời đại này, con người với kỹ thuật tiên tiến mà còn cho phép những nơi như nơi này: chiếc đồng hồ *phát triển* dừng lại. ***Tôi phải tồn tại, tôi phải ra khỏi đây để kể cho toàn thế giới biết hết những gì đang xảy ra ở trong này.*** Và xin Chúa thương xót, vì có Chúa mới ban ân huệ cho tôi. Tất cả những gì tôi trải qua đều theo ý Chúa. Nó phải có một ý nghĩa to lớn hơn nhiều. Sớm muộn gì thế giới cũng sẽ biết. Đợi ơn Chúa con vẫn còn biết yêu.

Những con rệp làm tôi phát điên lên.

*

* *

Rồi một buổi sáng, một tên lính đến mở cửa và bảo tôi thu vén đồ đạc vì trong một tiếng nữa sẽ được thả. Tôi không thể tin được. Song tôi cũng bị dao động bởi ý nghĩ cuối cùng rồi cơn ác mộng cũng phải tan đi nên cảm

thấy mình yếu hơn và người hơi choáng váng. Tôi cuộn giường lại và ngồi lên, nghĩ xem mình sẽ làm gì trong vài ngày tới. Mãi theo đuổi những ý nghĩ đó đến nỗi hơn một tiếng đồng hồ trôi qua từ khi nghe tin được thả mà không để ý. Lại thêm một giờ nữa, tôi vẫn ngồi và chờ đợi.

Cuối cùng tên lính trở lại, trên mặt hằn thoáng hiện nụ cười hiểm ác. Thoạt đầu tôi cứ ngỡ đó là nụ cười từ biệt bình thường mà tên lính này dành cho những người sắp ra trại. Trong suốt thời gian ở đây tôi không hề có cảm tình với hăn, nhưng hôm nay tôi lại thấy hăn thật dễ thương và nghĩ sẽ để cho hăn lấy bất kỳ đồ dùng gì của tôi mà hăn thích. Chỉ một lúc sau thôi, tôi mới biết mình đã bị lừa. Thì ra hăn muốn hủy hoại một ngày của tôi bằng cách đưa ra cái tin giả là tôi sắp thoát khỏi đây. Thật vậy, tôi sẽ không được thả ngày hôm nay hoặc một ngày nào được dự đoán trong tương lai cả...

Tôi bước ra sân ngồi xuống đó nhìn những người xung quanh, họ cũng như tôi không có cái gì tồn tại trong lòng ngoại trừ nỗi sợ chết.

*

* *

Ngày 15 tháng 6 năm 1988

Hôm nay cùng đi với phái đoàn Lãnh sự Úc có bác sỹ Brody. Ông này sau khi khám bệnh đã bảo rằng ngoại trừ những tuyến quanh cổ có vấn đề thì tôi vẫn khỏe mạnh cho dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Bao nhiêu năm rồi tôi như bị vây hãm trong cơn điên loạn. Có lẽ đôi khi bạn cũng thấy trên đường cái một người mất trí và hăn bạn sẽ nghĩ đó là cái gì còn rất mới mẻ. Ở nơi này người đông lúc nhúc, họ là hàng xóm của tôi mà hàng ngày tôi đều phải tiếp xúc.

Hôm nọ một anh người Đức, không ai khích động và cũng không ai mời mọc, tự dưng nhảy cồm lên tuyên bố rằng Hitler là một bậc kỳ tài, rằng cách giải quyết cuối cùng là một ý tưởng rất hay và Đức không thắng trong Thế Chiến II thật đáng tiếc vô cùng. Mấy anh Thái đứng nhìn hoang mang - ở Thái Lan không có nhiều người lai Do Thái cho nên họ không hề biết Hitler là ai. Thấy chẳng ai phản ứng gì, anh Đức nản lòng bèn gào to lên rằng tất cả

các bạn sẽ biết tôi đang nói về cái gì khi Reich Đệ Tứ xuất hiện... Tiếp sau đó anh ta đi vòng quanh trại, chân đưa thẳng về phía trước, đầu gối không gập lại, kiểu đi của sĩ quan Gestapo. Anh Úc thấy thế cũng hét lại: Ê, Adolf! Tiếng la càn dụ anh Đức vào trạng thái kích động mãnh liệt. Anh ta bắt đầu chào và hét tướng lên: ‘Sieg Heil!’. Chàng Úc bước thẳng tới đâm vào mũi anh Đức, mạnh đến độ mũi anh ta tét làm đôi, một nửa chiếc mũi đóng đưa trên mặt, anh ta ngã nhào xuống đất.

Có đêm nghe anh tù người Thụy Sĩ khóc nức nở, tôi bước sang hỏi chuyện thì anh bảo rằng chỉ muốn chết ngay, vì không thể chịu đựng thêm một ngày nào trong chốn này nữa. Khi tôi hỏi anh bị kết án bao lâu, anh trả lời còn sáu tháng nữa mới được thả ra. Tôi khuyên anh đừng có điên mà hãy cố gắng chờ thêm một thời gian ngắn nữa thôi. Riêng tôi, tôi phải chờ đến 20 năm cơ đấy!

Một lúc sau kể cũng khá khuya rồi, tôi tỉnh dậy thấy anh ta nằm im bất động. Tôi lay anh thì mới biết anh ta sắp chết vì đã uống thuốc quá liều. Tôi gọi lính gác và yêu cầu họ mang anh ta sang bệnh xá ngay nhưng chúng mở cửa xà lim lôi anh ra rồi vứt anh nằm đó, bỏ đi. Tôi đứng lặng, nhìn anh ta tắt thở.

Một buổi sáng, một tên lính gác đến bảo tôi dọn sang khu khác trong nhà tù, khu 7/1. Khu này dành cho những tù nhân nước ngoài mắc bệnh truyền nhiễm. Rõ ràng sau khi xét nghiệm tôi được cho biết là đã mắc chứng viêm gan. Như vậy tôi sẽ chôn cả đời mình trong đây, khu 7/1 của Bang Kwang.

*

* *

Ngày 22 tháng 3 năm 1989

Phái đoàn Lãnh sự Mỹ hôm nay đến đây mang tin vui cho David. Anh ta sẽ được về lại với gia đình ở New York vào giữa tháng tới. Chúng tôi sẽ không để mất liên lạc. Tôi hy vọng sẽ được gặp nhau ở bên ngoài...

*

* *

Một đêm tôi nằm mơ thấy tiếng người nói lao xao. Họ nói bằng một giọng thật lạ lùng, âm thanh cao vút, cao và to đến độ đánh thức tôi dậy. Nhưng tiếng nói đó không dứt. Khi mở bừng mắt ra tôi thấy phía trên người tôi có ba sinh vật nhỏ xíu, gớm ghiếc nhưng tôi không thể nào mô tả được. Chúng chăm chăm nhìn tôi làm tôi cảm thấy muốn điên lên được. Miệng chúng cứ nhấp nháy nhưng lại không ăn khớp với giọng nói. Tôi không thể nhận ra cái gì đang nói, nhưng đúng là tôi nghe rõ hai chữ ‘*chuẩn bị*’.

Tôi nhắm nghiền mắt, hy vọng rằng mình còn đang tỉnh táo, để cho những hình ảnh cùng giọng nói đó biến đi.

Nhưng khi tôi mở mắt ra lần nữa thì những sinh vật đó đến gần tôi hơn và chúng đang hạ xuống đậu trên mình tôi. Tôi lại nhắm mắt lần nữa và sau khi mở mắt ra, mấy con vật đó đã biến mất. Mọi vật xung quanh trở nên yên tĩnh. Lúc đó tôi cho rằng mình sắp điên đến nơi rồi. Ngay lúc bấy giờ, một anh Thái đến chạm nhẹ lên vai tôi nói rằng lúc đang ngồi cầu kinh ở góc phòng, anh ngẩng đầu lên thì thấy hình dáng của ba vị Phật đang lơ lửng trên người tôi. Anh ta còn bảo các vị Phật đó đến đây để bảo vệ tôi, vậy tôi đừng sợ gì cả. Nói xong anh ta trở lại góc phòng cầu nguyện tiếp.

Tôi không ngủ lại được, nằm đó cố tìm hiểu xem thế giới này điên hay tôi điên. Không, tôi không điên.

*

* *

Ngày 7 tháng 4 năm 1989

Ngày hôm nay Paul được ra trại. Tôi không biết anh có cảm giác gì khi trở về với gia đình sau 11 năm tù đầy. Mười một năm! Lẽ ra anh không phải ở tù lâu như thế - thật là bất công. Đáng lý ra tôi phải ở tù thay cho anh vì tôi đã làm nhiều việc sai trái hơn Paul. Đối với anh, đây chỉ mới là lần đầu tiên, cho nên anh chỉ đáng lãnh hai năm là cùng. Tôi hy vọng lúc trở về anh sẽ đương đầu được với mọi thứ.

Paul bị thúc ép rời Lard Yao vào lúc 2 giờ sáng. Lòng tôi tràn ngập niềm vui, nhưng đồng thời không khỏi lo lắng vì không biết anh sẽ gặp phải

những điều gì khi trở về nhà. Một nhà báo rất có cảm tình với Paul nhưng cũng chẳng có cách nào để bênh vực hành động của anh. Anh ta viết một câu chuyện, kể về một nhân vật có đủ mọi thứ nhưng đã bị hủy hoại hết vì một sai lầm bi thảm không bỏ qua được. Sau khi câu chuyện được đăng ra, tòa báo nhận được rất nhiều thư từ các nơi gửi đến. Nhiều lá thư bày tỏ sự thông cảm, nhưng một nửa số đó thì lại nguyên rủa và chỉ trích tờ báo đã để phí phạm giấy cho một tên tội phạm. Họ kết tội Paul đã làm gương xấu cho bọn trẻ và còn phán rằng lẽ ra anh nên bị treo cổ.

Paul sẽ phải đương đầu với việc này khi trở về Úc, và tôi không biết anh sẽ ứng phó ra sao. Nếu cả hai chúng tôi đều cùng được thả ra một lượt thì có thể ổn hơn. Chúng tôi sẽ là một khối có đủ sức để chống lại với những kẻ muốn tấn công cũng như lúc chúng tôi còn ở trong tù. Bây giờ một mình đơn độc, một trong hai đứa sao mạnh mẽ bằng trước đây!

*

* *

Lần cuối cùng tôi nhớ có vài chuyện buồn cười xảy ra ở Bang Kwang. Một nhóm chúng tôi góp vốn lại để làm rượu. Một anh đưa ra kế hoạch nấu rượu từ quả thơm. Anh khác thì kiếm được những cái lon nhôm và chai nhựa ở bãi rác. Chúng tôi phải hối lộ cho mấy tên lính để chúng lờ đi mấy cái lon xếp trong góc phòng có chứa chất lỏng đang lên men.

Rồi một hôm chúng tôi được báo sắp có phái đoàn gồm các chức sắc cao cấp Thái đến thanh tra. Giám đốc trại cảnh báo chúng tôi phải cư xử làm sao cho phải phép trong thời gian họ viếng thăm. Ông ta nói, chúng tôi là những người đại diện cho ông ta, vậy nếu chúng tôi tỏ ra lịch sự với họ thì sẽ được khen thưởng.

Trước giờ thanh tra đến, chúng tôi tìm cách ngụy trang các lon rượu, càng khéo càng tốt. Chúng tôi lấy xà rồng phủ lên chúng để có ai nhìn vào sẽ nghĩ chỗ đó chỉ là một chiếc bàn hay chiếc ghế nhỏ mà thôi. Khi phái đoàn đến, chúng tôi tất cả bước ra khỏi cửa xà lim và đứng xếp thành hàng dài như cuộc diễu hành của học sinh. Viên giám đốc cùng với đoàn thanh tra trong những bộ đồng phục nhà binh sạch sẽ tiến về phía chúng tôi. Ông ta giới

thiệt với phái đoàn chúng tôi là những anh chàng ngoại quốc có ý thức kỷ luật tốt nhất trong trại.

Rõ ràng họ có ấn tượng rất tốt với căn phòng sạch sẽ của chúng tôi nên một trong các viên chức cao cấp nhất bước vào và nhìn quanh. Giám đốc trại bước theo sau có vẻ lo lắng vì ông có lẽ đã nhìn thấy cái vật đang được ngụ ý trang kia. Bất thành linh, như thể một hành động của Chúa, ngay trong góc phòng một tiếng nổ phát ra từ một lon rượu đang cất. Còn kinh hoàng hơn nữa, kèm theo tiếng nổ là một chất lỏng sền sệt, vàng óng văng tung tóe khắp người viên quản lý trại và lên những bộ quần áo không một tí vết đó.

Thậm chí đến những viên chức khắc khổ người Thái cũng không thể nhịn cười vì sự ngớ ngẩn trong cách tính giờ của Chúa. Đó là điều cuối cùng làm cho tôi cười khi còn ở Bang Kwang, rồi tiếp sau đó là một chuỗi những nỗi buồn cô đặc lặp đi lặp lại khiến tôi hầu như muốn ném tuốt hết khỏi tâm trí mình mọi cảm xúc.

*

* *

Vào giữa năm 1989, tôi bắt đầu cảm thấy thoải mái trong cái thế giới ghê tởm của Bang Kwang. Đúng vậy, tôi đã thích nghi với môi trường điên loạn này rồi và nghĩ rằng chỉ có sự dung thứ mới có thể giữ lại được tình bằng hữu. Đó là lần đầu tiên từ khi bước chân đến Bangkok, tôi thấy mình có thể tồn tại.

Những sức mạnh đã ngự trị cuộc đời tôi suốt mười năm qua hẳn đã ý thức cái cảm giác này của tôi từ một nơi nào đó trong vũ trụ và bây giờ những sức mạnh đó trỗi dậy rồi đây.

Leo Odems, một anh Mỹ đen rất to con, đã trở thành bạn của Ronald, David, Gary và tôi. Leo tràn trề sức sống nên không ai nghĩ rằng anh ta có thể bị ngục tù này làm cho biến mất được. Những tên lính rất thích anh ta. Khi còn ở *khun deo*, chúng nó thường hay bảo anh cười cho chúng xem. Leo đen đến độ không ai nhận ra anh trong bóng tối. Do đó, mỗi lần toét miệng

cười, hàm răng anh trắng nhớn nổi bật trong bóng tối mới khiến người ta nhận ra anh.

Leo và tôi rất thân nhau. Tôi biết anh sẽ mãn hạn tù trước nên đã cho anh địa chỉ của tôi ở New York; anh bảo là sẽ không bao giờ để mất nó vì khi nào tôi ra khỏi đây thì chúng tôi sẽ gặp nhau và sẽ làm lại cuộc đời mà chúng tôi đã phung phí. Tưởng tượng đến cảnh gặp lại Leo ở Mỹ, tự dừng tôi thấy vui vì đã đến đây, đến Bang Kwang này, và gặp được anh. Rồi một đêm Leo sử dụng quá liều heroin, chúng tôi làm đủ mọi cách cho anh tỉnh: vỗ khắp người, đánh thức, và đi tìm bác sỹ cho anh. Thời gian còn lại chỉ đủ để cứu mạng sống của anh thôi. Nhưng không còn kịp nữa, Leo đã rơi vào tình trạng hôn mê và bắt đầu xuất huyết. Anh khóc trên tay tôi, van tôi đừng để anh chết. Tất cả đều quá muộn, ngay lúc bấy giờ anh tắt thở.

*

* *

Ngày 5 tháng 5 năm 1989

Tòa Lãnh sự báo cho tôi hay tôi nằm trong danh sách đầu tiên trong lệnh tha của nhà vua... Tôi và David bị nhốt chung một phòng đủ rộng cho một người, nhưng khi David về trước thì chỉ còn lại có mỗi mình tôi.

*

* *

Ngày 8 tháng 5 năm 1989

David được thả đúng 4 giờ chiều ngày hôm nay.

*

* *

Ngày 13 tháng 5 năm 1989

Bây giờ chỉ còn có ba chúng tôi trong khu này: tôi, Ronald Burnett và Christian Gippett. David về nhà hôm thứ Hai. Ba chúng tôi ăn chung với nhau - trước đó chúng tôi ăn riêng. Cảm giác này thật dễ chịu.

*

* *

Tôi biết Ronald Burnett trước đây là một lính Mỹ đã từng tham chiến ở Việt Nam. Trong lúc anh và trung đội của anh trườn qua giao thông hào thì một quả súng cối rơi xuống nổ tung giết chết tất cả trừ anh. Ronald bị thương trầm trọng trong vụ đó và được đưa sang Nhật để điều trị, trong mấy tháng liền anh nằm trên giường, tiều tụy và thần thờ đến nỗi không biết mình đang ở đâu. Trong thời gian này người ta phải chích morphin giảm đau cho anh nên khi trở lại Mỹ anh rất ghiền morphin. Đã một thời gian anh cố gắng chống chọi lại cơn ghiền này, nhưng cuối cùng nó mạnh hơn. Không thể nào tìm mua morphin dễ dàng, anh quay ra cái thứ thay thế sẵn sàng hơn là heroin.

Vì quá ghiền heroin nên anh đã lặn lội sang Thái Lan để mua cho rẻ. Anh bị bắt với một số lượng thuốc khá lớn và đó là nguyên nhân anh bước vào nhà tù Bang Kwang.

Chúng tôi rất thân với nhau, và sau đó anh được trả tự do.

*

* *

Ngày 13 tháng 9 năm 1989

Hôm nay là sinh nhật thứ 36 của tôi. Tôi vào tù lúc mới có 25 tuổi. Thời gian thật quá dài; tôi đã phung phí hết tuổi thanh xuân của mình trong cái địa ngục này.

*

* *

Tôi đã biết Christian khi còn nằm trong bộ phận chính của trại, nhưng sau này chúng tôi là hai người ngoại quốc cuối cùng còn lại ở đây nên tôi hiểu rõ về anh ta hơn.

Christian là người Pháp, đã từng vào tù ra tội khắp nơi trên thế giới chỉ vì nghiện ma túy quá nặng. Nhưng Lãnh sự Pháp ở Thái Lan rất quan tâm chăm sóc người bản xứ của họ; do đó, Christian thường xuyên được cung cấp thuốc men và thực phẩm đầy đủ. Những thứ này Christian hay chia sẻ cho tôi. Một hôm tòa Lãnh sự gửi cho anh 100 viên Rohypnol, loại thuốc

được xem là hợp pháp mà Christian rất thích. Anh ta thật hào phóng đem ra chia cho tôi, bảo với tôi rằng ngày hôm nay anh còn một nguồn cung cấp thuốc từ một nơi khác nữa. Christian đã thông đồng với một anh Thái chuyển heroin vào trại bằng cách nhét những gói nhỏ vào ruột heo. Việc cung cấp kiểu này không gây sự nghi ngờ ở bọn lính vì Christian thường xuyên nhận những gói thực phẩm từ nước ngoài đưa vào.

Chiều hôm đó, khi gói hàng được mang đến, Christian lui về xà lim của mình để tháo những gói heroin, nhưng những gói này bị bung ra và heroin đã trộn lẫn với máu và các chất nhầy trong ruột heo rồi. Tối hôm đó, tôi nhận thấy anh thất vọng rõ rệt vì đang cần thuốc kinh khủng. Thấy thế tôi đề nghị anh hãy uống đỡ ít Rohypnol và đi ngủ để sáng hôm sau tính chuyện khác. Trước khi trở về phòng, anh để lại trên giường tôi một số lượng lớn Rohypnol. Không có heroin lẽ ra anh phải cần những viên thuốc này trong vài tuần sau đó. Nhưng sáng hôm sau lính canh đến lay tôi dậy và báo là có điều không ổn đã xảy đến cho Christian. Tôi chạy vội sang phòng anh, thấy Christian nằm đó, trên cánh tay lòi ra cây kim tiêm, bên cạnh là một gói nhỏ đã lấy ra từ ruột heo. Như vậy có nghĩa là Christian đã chích hết chất nhờn vào tay anh với hy vọng vớt vát chút heroin hòa tan trong đó. Tôi nâng anh ngồi dậy, lay cho anh tỉnh và van xin anh đừng chết. Máu trong tai anh túa ra như thể nó đã bị ứ đọng lâu ngày. Người anh bắt đầu lạnh và cứng đơ. Nhưng tôi không thể để anh đi, tôi cứ lay anh và miệng cứ xin anh đừng chết... Tôi ngẩng đầu kêu Trời và hỏi xem Người còn muốn cho tôi chứng kiến những điều vô nghĩa như thế này đến bao giờ nữa. “Đến bao giờ nữa, hỡi Thượng đế”, tôi gào lên thống thiết. Tên lính canh bắt đầu khóc nức nở.

*

* *

Ngày 21 tháng 9 năm 1989

Xác của Christian nằm đó khi họ mở cửa xà lim. Xuất huyết não. Người ta phải bẻ xương mới kéo được anh ra khỏi phòng... Ôi, làm ơn, hãy cho năm này là năm cuối cùng của tôi. Tôi không thể chịu đựng thêm nữa. Tôi thực sự bắt đầu mòn mỏi.

*

* *

Sau cái chết của Christian, tôi bỏ thuốc. Tinh thần bị hủy hoại đến mức tôi hầu như không còn cảm nhận được mình đang cai nghiện. Sự thống khổ mà thế giới này đã ban phát cho tôi quá lớn. Sự ân xá của nhà vua bây giờ xem như không có khả năng xảy ra, và tôi cũng chẳng hề nghe nhân viên lãnh sự đề cập tới nữa. Nếu sự ân xá này bị hủy bỏ thì tôi sẽ phải đợi thêm bốn năm nữa lệnh này mới được áp dụng lại. Tôi bắt đầu nhận ra một khả năng rất thật rằng tôi sẽ chết trong tù thôi và ý tưởng đó khiến tôi bị dao động khủng khiếp giữa nỗi sợ hãi không thể chịu được và sự mâu thuẫn hoàn toàn trong tư tưởng, chẳng có chỗ đứng trung gian giữa hai trạng thái tinh thần này. Tôi không thể tin được tôi đang đến gần với cái chết. Mà thật sự tôi đã chết rồi còn gì. Một ‘khối thịt’ tình cờ biết suy nghĩ!

*

* *

Ngày 25 tháng 12 năm 1989

Hôm nay là lễ Giáng sinh - Giáng sinh lần thứ 12 tôi ở nơi đây. Tuyệt đối không thật chút nào. Có lẽ họ sẽ giam tôi tròn 33 năm và bốn tháng... Không một tin gì về lệnh ân xá. Có thể phải mất thêm ba đến sáu tháng nữa. Người ta bảo với tôi hồi cuối tháng 9 rằng lệnh ân xá của tôi còn nằm trong Hoàng Cung. Tôi đang hy vọng được ra khỏi đây ngay bây giờ. Rồi sau đó một lần nữa, tôi nghĩ lệnh ấy có thể bị khước từ.

Chương 14

NGÀY CUỐI

Một tên lính đến báo tôi được phóng thích. Anh ta nói lệnh ân xá đã được chấp thuận. Tôi chẳng tin chút nào. Cái loại trò chơi này bây giờ đã trở thành thú tiêu khiển phổ biến của bọn lính canh; vì vậy, tôi không để mình thất vọng một lần nữa.

Tuy nhiên, vào xế ngày hôm đó, ngày lễ Giáng Sinh năm 1989, có một người trong hội truyền giáo đến thăm và xác nhận cho tôi điều này, điều mà tôi cho rằng không bao giờ có thể xảy ra. Cảm xúc lúc bấy giờ ra sao, tôi không còn nhớ rõ, chỉ có cảm giác như tôi đã mở gói quà trên tay mà vẫn nhìn thấy một gói quà khác bên trong.

Nếu đây là sự thật thì tôi vẫn phải đợi chờ.

*

* *

Vào ngày 11 tháng Giêng năm 1989, một tên lính đến mở cửa xà lim bảo tôi thu dọn đồ đạc và gấp giường lại. Hắn cho biết tôi sẽ được thả vào một giờ chiều. Sự việc đó có thật và đã xảy ra. Những người cùng cảnh ngộ bắt đầu lần lượt đến gặp tôi để nói lời từ biệt. Tôi thấy mình run lên như một cậu bé đang sợ hãi. Lạ lùng làm sao, có vài anh bạn tù ôm tôi và khóc. Một nỗi thương xót cho người còn ở lại dấy lên trong tôi. Tôi thông cảm với sự kinh hoàng của họ khi họ nhìn người ta ra về, cho dù đó là những người không quen biết, mà mình thì còn ở lại.

Tôi bước xuống con đường dẫn ra cổng, cũng cùng con đường này cách đây rất nhiều năm tôi đã bước lên. Tôi thấy xung quanh chẳng có gì thay đổi, cũng những khu vườn xum xuê, ruồi nhặng, mùi hôi thối của cống rãnh và của đồng rác cao ngất bên cạnh đường. Đường như không có mấy may điều gì xảy đến. Bang Kwang như thể một khoảng chân không trong đó thời gian như ngừng lại, trong khi phần còn lại của thế giới thì tiếp tục trôi đi... Tôi quay đầu lại nhìn nơi đây một lần nữa. Nó vẫn còn ở đó. Nó là một vật sống.

Tôi đứng ngoài cổng trại cùng với mấy tên lính để chờ xe cảnh sát đến chở đi. Trong lúc chờ đợi chúng tôi nói chuyện với nhau - nói chuyện ngang hàng - về những chuyện lạ lùng xảy ra ở thế giới bên ngoài. Một tên nói khi tôi về hẳn sẽ rất nhớ tôi. Một tên khác dặn tôi khi nào ra khỏi cổng rồi thì đừng quay lại nhìn. “Đừng nhìn lại,” hắn nói. “Đừng nhìn lại.”

Khi cảnh sát đến, tôi thấy một tên lính móc ra chiếc chìa khóa và tra vào ổ của hai cánh cổng đồ sộ. Nhìn hành động này tự nhiên tôi sửng sốt một lúc bằng bản năng kỳ quái. Thì ra đây là người đã nắm giữ chìa khóa đời tôi. Vào bất cứ thời điểm nào, hắn cũng làm một động tác như nhau, một động tác không hề có chút ráng sức nhưng đã thay đổi hoàn toàn sự sắp xếp cuộc đời tôi. Một cái xoay nhẹ của cổ tay thật đơn giản đó đã làm tan nát lòng người. Sự lo lắng và nỗi đau khổ hẳn đã chết đi trong thoáng chốc. Vào bất cứ thời điểm nào, áp lực của ý nghĩ này khiến tôi gần như muốn xỉu.

Tôi bước ra khỏi Bang Kwang để đi vào thế giới mà trước đây tôi không ý niệm được nó là gì, hình như nó giống một cuộc đời. Tiếng cánh cổng khép lại rít lên một cách giận dữ như thể cảnh cáo tôi đừng bao giờ trở lại nữa.

Tôi ngồi vào trong xe và nó bắt đầu lăn bánh. Tôi muốn nhìn lại Con Cọp Khổng Lồ. Tôi có cảm tưởng như nó quên bằng tôi một cách quá dễ dàng và có cái gì bên trong đã khiến tôi không quyết tâm.

Tôi nhìn thẳng về phía trước khi chiếc xe chạy dọc theo một con sông. Nước sông khá trong và chảy thật êm đềm, nhưng tận cùng dưới đáy của nó là xác những con vật đang trôi...

Chương 15

VỀ NHÀ

Tôi không biết họ có nghi ngờ tôi làm điều gì khác nữa chẳng. Quay lại Chang Mai để mua heroin? Dù sao đi nữa thì họ sẽ làm gì tôi bây giờ? Ném tôi trở lại Bang Kwang?

Tôi không có khả năng làm những việc đó sau những gì đã xảy đến. Giờ đây tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc tuân thủ luật lệ.

Cảnh sát đưa tôi về đồn và ở nơi đó, tôi nghĩ, họ sẽ chở thẳng tôi đến Sứ quán chứ không đổi hướng. Luật nghiêm ngặt như thế rồi. Ở đồn Cảnh sát, tôi còn phải ngồi chờ nhân viên của Sở Di Trú đến đưa tôi về, nhưng họ thông báo là ông ta hôm nay không đến được; do đó, tôi phải đợi qua ngày hôm sau. Tuy nhiên, tôi chẳng lấy làm phiền tí nào cho dù phải ngồi chờ trong cái phòng giam bé tí không giường, không thực phẩm này. Ở đây, tôi cảm thấy thoải mái nhiều so với nơi tôi đã từng sống trên hơn một thập niên qua.

Sáng hôm sau, viên cảnh sát của Sở Di Trú đến mang tôi đi. Khi xe chạy chưa được vài trăm mét thì đến đèn đỏ, tôi để ý có một người lái mô tô với vẻ lén lút trờ đến cạnh cửa phía tài xế. Khi xe dừng lại nơi đèn đỏ, tôi thấy hai người nói chuyện với nhau, đầu tiên tôi không nghe được những gì họ nói nhưng sau đó cũng đoán được nội dung câu chuyện. Tôi nhận ra người đi mô tô là một anh Thái. Anh này tôi biết khi còn ở Bang Kwang. Anh ta vừa nghe tin tôi được thả và biết được lộ trình chuyển tù nhân ngoại quốc sau khi được phóng thích nên đứng sẵn chờ lúc xe tôi đi ngang qua.

Anh ta nài nỉ tên cảnh sát cho phép tôi được tự do đi với anh từ giờ đến 8 giờ tối cùng ngày, rồi sau đó anh ta sẽ đưa tôi đến Sở Di Trú. Đương nhiên, đầu tiên tên cảnh sát còn ngần ngại nhưng cuối cùng anh ta cũng bị thuyết phục. Ai cũng biết tiền là công cụ hữu hiệu nhất có thể biến đổi những tên cảnh sát dù nguyên tắc đến thế nào đi nữa. Sau khi tôi hứa sẽ có mặt ở Sở Di Trú tối nay, tên cảnh sát thả tôi xuống và lái xe đi.

Tôi leo lên ngồi phía sau chiếc mô tô, anh bạn tôi bảo trước hết phải đi tìm cái gì ăn đã. Và anh chở tôi qua các đường phố sinh hoạt đông đúc như những năm về trước. Những con đường mà trước đây tôi đã nhìn thấy khi tên Chó Diên ấn đầu tôi qua thành balcon khách sạn và gào bên tai tôi rằng: “Mày sẽ không bao giờ, không bao giờ thấy nó được nữa đâu.” Lúc đó tôi hoàn toàn tin hẳn, trong một ý nghĩa nào đó, hẳn có lý. Nhưng bây giờ thì người ngồi sau chiếc mô tô này không còn là người mà hẳn sẽ thốt lên những lời đó nữa.

Trong một thoáng, cảm giác sợ hãi bỗng dừng đến với tôi. Biết đâu chừng hẳn có thể đang lảng vảng đâu đây chờ dịp tôi vấp ngã lần nữa. Như thế hẳn lại có dịp chỉnh sửa lại sự bất công là vẫn để tôi còn sống. Ý nghĩ này làm tôi không yên, nó cứ lớn vồn trong đầu khi nào tôi còn lang thang trên đường phố của Bangkok.

Chúng tôi đến một nhà hàng khá đẹp, chọn một cái bàn. Sự thật mà nói thì nhà hàng này chỉ thuộc loại hai, nhưng vào thời điểm này họ phục vụ bất cứ thứ gì ngoài cơm và một cái xương cá tôi cũng coi như nhà hàng 5 Sao. Trước hết tôi gọi cho mình một chai bia trong vòng 12 năm nay.

Ngồi khoảng mấy tiếng đồng hồ tôi bắt đầu thấy sốt ruột nên đề nghị anh bạn chở tôi đến Sứ quán. Anh ta hiểu được nỗi lo âu của tôi nên đứng lên trả tiền rồi chúng tôi rời nhà hàng. Đến nơi là vào giờ ăn trưa, những nhân viên tôi cần tiếp xúc đều không có mặt ở đó. Yên tâm vì coi như mình đã đến trình diện nên hai chúng tôi quay trở ra tìm một quán rượu. Chẳng mấy chốc chúng tôi thấy có quán rượu, hai đứa vào ngồi nói chuyện và uống vì một cái gì đó hình như vô tận.

Lạ lòng thay hình như sự xếp đặt của thời gian khi tôi còn nằm giữa những bức tường một thời vây hãm tôi có đổi khác. Giờ đây những bức tường đó đã bị xé toạc ra. Những năm tháng rỗng tuếch, lê thê những buồn chán, bức dọc và lo lắng như một kẻ thù. Bây giờ tự dưng tôi cảm thấy nó ý nghĩa vô cùng, ngay khi chỉ nhìn xung quanh như lúc này, tôi đã thấy có vô số việc cần làm để lấp đầy nó. Một bức họa trên tường hay là màu sắc của tấm thảm. Ôi, tất cả đều được chăm chút sau cái thế giới u ám kia.

Điều đáng ngạc nhiên là hai chúng tôi ngồi với nhau hàng giờ mà chẳng có gì nhiều để nói với nhau. Không phải lúc để nói về nhà tù, và chuyện khác thì chúng tôi lại ít biết. Nhưng thời gian im lặng đó thật thoải mái. Cả hai đều biết cái gì đang xảy ra ở đây. Một sự im lặng cho việc lựa chọn. Điều này cũng tốt thôi.

Trời bắt đầu tối khi hai đứa tôi chở nhau về Sứ quán. Bọn tôi lái xe vòng quanh các ngõ hẹp, tôi nhìn lên bầu trời và kinh ngạc xiết bao trước những gì mình thấy: *các vì sao*. Trong ngần ấy thời gian tôi không thấy *sao*, nhưng chúng vẫn ở đó, trên bầu trời kia, mờ mờ vì ánh đèn của thành phố nhưng thật ra lúc nào chúng cũng rực rỡ và lung linh.

Tôi hồi tưởng lại những năm năm trong xà lim, dưới mái vòm của nhà tù, tôi đã mơ thấy *sao*. Bầu trời ban đêm là một trong số những vật bình thường mà tôi nhớ. Nhưng thỉnh thoảng mấy năm sau này tôi quên mất là có dạo tôi đã nhớ đến chúng. Bây giờ nhìn thấy chúng thì tôi lại muốn được nằm ở một nơi nào đó, ngửa mặt lên trời để đếm từng *vì sao* một. Tôi phân vân không biết rồi mình sẽ gặp bao nhiêu nhận thức thuộc loại như thế này nữa. Phải dừng lại ở nơi nào đó thôi, nếu không đầu óc tôi chắc chắn sẽ quá tải.

Đến Sở Di trú, bọn tôi chào từ biệt tôi. Anh chúc tôi khỏe và còn căn dặn là phải cẩn thận khi còn ở nơi này, vì đây là một nơi rất nguy hiểm. Câu này nghe có vẻ hơi lạ đối với tôi lúc ấy vì sau Bang Kwang còn cái gì có thể tệ hơn?

Anh nhìn tôi với cái nhìn nói lên bao điều trái ngược: ‘Mừng gặp lại và chào tạm biệt’. Thật tuyệt vời làm sao mà cũng đau khổ làm sao! Tôi buồn

khi nhìn anh ta lái xe đi, đồng thời cũng vui vì biết sẽ không bao giờ có ngày gặp lại nhau nữa. Rồi anh ta, người cuối cùng có liên quan đến hệ thống nhà tù Bangkok, mất hút trong bóng đêm.

*

* *

Cả nhóm nhân viên của Sở Di Trú cúi tiết khi thấy mặt tôi. Họ quát tháo bảo tôi phải giải thích tôi đã ở đâu. Tôi trả lời họ là tôi nghĩ mình không phải trình diện cho tới 8 giờ tối, và hiện giờ tôi vẫn còn vài phút nữa. Dù sao thì tôi đã đến đây, vậy vấn đề của tôi là gì? Tôi đâu có chỗ nào khác để đi.

Rõ ràng toàn thể nhân viên của Lãnh sự đã đi lùng sục khắp các đường phố. Họ cho rằng tôi lại biến vào mê cung của tội ác nữa rồi, cái mê cung đã mang tôi vào tù đó. Sau đó khá lâu, qua lá thư của một người bạn tù, tôi biết thêm có vài nhân viên đã trở lại Bang Kwang báo cho những tên cai ngục biết họ đã để xổng mất Warren Fellows. Tin này vừa lọt ra thì cả nhà tù trở nên nhốn nháo.

Cách làm việc ở đây thật lố bịch. Mặc dù tôi đã đến đây vào giờ cơm trưa và không thấy một bóng nhân viên nào ngoại trừ người thư ký, nhưng họ cư xử với tôi như cư xử với một tên học trò trốn học. Trong một cơ sở sạch bóng như nơi này mà họ nói tôi giống như một đứa trẻ hư hỏng chỉ bị đánh đòn bằng một cọng lông. Cuối cùng, sau khi làm xong một đồng thủ tục giấy tờ, họ đưa tôi qua xà lim. Như vậy là lời cảnh báo vừa mới đây không lâu của bạn tôi chẳng sai chút nào.

Sở Di Trú là một căn phòng rất lớn, trong đó người nằm la liệt như khi chúng tôi ở trong nhà tù. Những người này rất bẩn thỉu. Một số có vẻ bệnh hoạn. Toàn khu xông lên mùi tanh tưởi. Vài tên lính canh mặt vênh váo, nhăn nhó khi bước ngang qua những người đang nằm dưới chân chúng. Nơi này khiến tôi cảm thấy khô hài vì nó làm ra vẻ như một nhà tù, có những kẻ giả làm tù nhân, có kẻ giả làm lính gác. Những thành phần nào ở Bang Kwang có thì ở nơi đây cũng có, chỉ khác một điều là sự đe dọa không có hiệu quả thôi. Bạn không đến đây để sống hết đời mà chỉ dừng chân trước khi trở về với gia đình.

Tuy nhiên có một vài điểm tương đồng đáng ghi nhận giữa nơi này và ở các trại tù. Khi tôi đến trình giấy tờ, một nhân viên bảo rằng tôi sẽ ở lại đây thêm vài ngày nữa để họ sắp xếp chuyến bay. Hẳn ta còn bảo tôi phải đưa hẳn 400 Baht để trả tiền thuê chỗ ngủ. Chính phủ Thái Lan không chịu nghiền nát cuộc đời của Warren Fellows nên họ quyết định tước cho hết số tiền còn lại trước khi anh ta ra đi. Tôi trả lời tôi không có đủ số tiền ấy. Để trả lời câu nói của tôi, hẳn nhếch mép cười một cách khinh bỉ, lối cười của một kẻ sắp thắng trong một trận chiến. Không làm cách nào hơn chỉ trừ lục soát tôi để moi tiền. “Thôi đủ rồi”, tôi nói với hẳn: “Hãy rút đi. Sau tất cả những điều mà tao đã trải qua, giờ tao không còn sợ bất cứ thằng làm việc hành chánh ác ôn nào hết.” Sau cùng thì tôi cũng được thông qua. Nhưng chưa hết, mấy giây sau tôi lại phải đương đầu với một tay an ninh vạm vỡ. Hẳn bắt đầu tấn công tôi bằng những quả đấm dã man. Hẳn tỏ ra cực kỳ khoái chí như thể đã đợi chờ dịp này suốt đêm qua. Tôi cũng khá hào hứng vì những gì đang xảy đến nên phản ứng rất kịch liệt; thật sự, tôi cũng không nghĩ mình có thể hành động như thế. Khi sự ngu xuẩn qua đi, tôi trở về chỗ của mình và ngồi xuống nền nhà, bắt đầu đếm thời gian còn lại ở Thái Lan. Tôi thấy thà kết thúc chứ chờ đợi như thế này thì thật khổn khổ.

Tôi lên chuyến bay về Perth vì chỉ đủ khả năng trả tiền vé đến đó thôi. Bạn bè và gia đình tôi cũng đã được Lãnh sự quán báo cho biết ngày giờ tôi đến. Sự chuyển động của máy bay vừa lạ lùng mà cũng vừa quen thuộc. Trong đời, tôi đã di chuyển bằng phương tiện này rất nhiều lần, nhưng mười một năm rưỡi qua tôi không đi lần nào nên đã quên mất cách nó nhồi và lắc lư thế nào. Tôi bắt đầu cảm thấy nhuộm bệnh và phải mất mấy tháng sau mới bình phục. Nhưng đó không phải thứ bệnh đơn giản do di chuyển mà là sự khởi đầu ý thức về những việc đã xảy ra ở Bangkok - ý thức đó tự lộ ra dưới hình thức nổi đau thể xác.

Đã từng là một nô lệ và là một con thú trong khoảng thời gian dài dằng dặc nên tôi nghĩ mình không bao giờ trở lại như con người bình thường được nữa. Cuộc đời tôi là thế, nó không phải là một màn diễn tập có trang phục. Tôi đã mất quá nhiều. Và đó là tất cả bởi vì tôi đã leo lên một động cơ

giống như chiếc động cơ này với một nhiệm vụ hết sức sai lầm. Tôi phân vân không biết có phải cùng là chiếc máy bay này không, chiếc máy bay mà tôi đã đi cách đây gần mười hai năm. Nếu mọi việc xảy ra khác đi thì chắc nó đã đưa tôi về nhà ngày 11 tháng 10 năm 1978 một cách an toàn rồi. Thay vì nhìn vào những việc đã xảy ra, tôi muốn xếp lại tất cả, bọc chúng thật kỹ để che giấu khoảng thời gian giữa bây giờ và lúc đó, nhưng tôi không thể. Tôi phải sống với nó, với ký ức ghê tởm đó và bây giờ tôi biết những khả năng tồi tệ có thể sẽ xảy ra mà tôi không làm gì được.

Cô gái cạnh bên nhìn tôi như thể tôi là một vật lạ từ hành tinh khác đến. Đúng, tôi cho là cô ta nghĩ không sai.

*

* *

Hành lý của tôi được xét rất kỹ khi qua cửa khẩu sân bay Perth. Họ không tìm thấy gì. Vậy mà hai tên thám tử Liên Bang lôi tôi qua một bên rồi đưa vào một căn phòng nhỏ của sân bay. Ngồi dựa trên ghế với bộ mặt cười nham nhở thường xuyên, chúng bắt đầu chất vấn tôi. Chúng hỏi tôi ở Bang Kwang thế nào. Dù tỏ ra thân thiện nhưng những câu hỏi càng lúc càng tọc mạch hơn. Tôi không quan tâm điều chúng muốn biết nhưng thật sự tôi không thể nào tóm gọn những gì đã trải qua ở Bangkok. Làm sao tôi có thể tóm tắt hết những gì mình đã chứng kiến trong một buổi?

Sau đó một tên hỏi tôi một câu rất kỳ lạ. Hắn chỉ một chậu cây đặt trong góc phòng và hỏi đó là cây thật hay cây giả. Tôi không nhớ câu tôi trả lời vì tôi không biết, nhưng câu hỏi đó làm tôi kinh hãi. Tôi bắt đầu phân vân không biết những thứ vây xung quanh mình có phải thật không. Và cái cảm giác được tự do của tôi là thật hay chỉ tưởng tượng. Về thị giác, điều này ám chỉ họ muốn biết Bang Kwang đã phóng thích cái gì. Trả một con người thật về cho cộng đồng hay thả ra một con quái vật? Và bây giờ chính tôi bắt đầu lo âu về điều này. Cho đến ngày hôm nay tôi vẫn không biết cái cây đó là thật hay giả. Cuối cùng hai tên thám tử đưa tôi ra đại sảnh của sân bay, nơi đó chị dâu và cháu gái tôi đang đứng đợi. Họ ôm tôi và thì thầm: “Mừng chú trở về”.

Có cái gì trong lời nói này, điều đó hình như không hẳn là đúng.

*

* *

Tôi xin phân loại ba thời kỳ của cuộc đời tôi được xem như đau lòng nhất: Ngày bị bắt, thời gian đến Chang Mai, ngày bước chân vào Bang Kwang. Và bây giờ tôi có thể thêm giai đoạn thứ tư vào nữa, ngày trở về với gia đình.

Hôm sau khi đến Perth, tôi tìm một quán rượu nằm ngay góc đường gần khách sạn chúng tôi đang ở. Tôi muốn đến đó ngồi một mình, uống vài lon bia để sắp xếp nội dung đang có trong đầu theo trình tự thời gian. Đêm trước, đầu tôi đầy ắp những sự kiện đến nỗi tôi không biết bắt đầu từ đâu. Chúng hiện ra quá nhanh, mọi thứ đều quá nhanh. Giờ đây tôi ngồi một mình với lon bia trong tay, sự lạ lùng của mọi vật xung quanh bỗng trở nên rõ ràng hơn. Tôi đã về nhà - một nơi tôi đã mơ suốt chuỗi thời gian dài dằng dặc, trong những đêm đen như vô tận ở Bang Kwang, Maha Chai, Bumbud và Lard Yao.

Thời khắc tôi mong mỏi đã hiện ra đây rồi, nhưng rất lộn xộn làm tôi tê cứng và bối rối. Tôi không muốn gặp ai giờ phút này và cũng mong đừng ai nhìn thấy tôi. Nhưng chưa đâu, đúng ngay lúc đó tôi thấy một người đàn bà đi ngang qua khách sạn. Gương mặt bà quá quen thuộc đối với tôi hơn bất cứ gương mặt nào trên thế gian này. Một người mà tôi không gặp trong một thời gian dài, và hình như không phải tự nhiên mà tôi thấy được. Người đó là mẹ của tôi.

Trước đó mấy ngày bà nhận được cú điện thoại từ Lãnh sự quán ở Bangkok.

- “Thưa bà Fellows, chúng tôi có tin vui về Warren cho bà.”
- “Ồ, thật không? Con tôi ra sao rồi?”
- “Thưa bà, anh ta được thả hôm qua và bây giờ anh ấy đang trên đường về.”

Quá kích động vì tin vui, mẹ tôi đã mua vé máy bay bay sang Perth và đặt khách sạn cả tuần lễ để chúng tôi có thể hàn huyên và hiểu nhau trở lại. Bà đã trải qua quá nhiều phiền toái trong thời gian tôi ở tù.

Nhưng có một cái gì đó đang xảy ra trong tôi, và nó bùng lên khi bà bước vào phòng. Tôi không tin hoàn toàn vào hoàn cảnh lúc này, bởi vì bất cứ lúc nào tôi vui, tôi biết, dường như sẽ có những kẻ muốn đến tước đoạt nó đi để rồi dụ tôi vào tình trạng câm lặng. Tôi lo lắng việc như thế sẽ xảy ra bây giờ và sự tự do mới mẻ này cũng chỉ là ảo giác. Nếu tôi tự cho phép mình vui quá thì thật nguy hiểm vô cùng. Vì vậy khi bà đến gần, tôi chỉ chạm vào bà và trước khi nói những câu chào hỏi tôi đã trách mẹ sao đi theo tôi. Tôi bảo bà hãy tránh xa tôi ra và để mặc tôi một mình. Mẹ tôi bật khóc. Bà cố níu tôi trong vòng tay, nhưng tôi lùi lại gạt bỏ hết những xúc động của mình. Tôi cảm thấy như chính tôi cũng đang gạt bỏ tình thương yêu bà dành cho tôi. Vì sự tỉnh táo của cả hai nên một phần trong tôi, tôi thấy vui vì đã gặp mẹ, phần còn lại thấy quá ư phiền phức. Tôi không biết phải phản ứng ra sao và cư xử như thế nào. Cả hai, tôi và mẹ đều đã trải qua quá nhiều thử thách. Thử thách tôi đã đối mặt là những gì được kể trong quyển sách bạn đang đọc, còn thử thách của mẹ tôi là một chuyện hoàn toàn khác.

Lần cuối bà có mặt ở Perth là lần dự đám tang của Gary. Một năm sau đó cha tôi qua đời. Thêm vào đó đứa con trai của bà đang bị tra tấn bởi bàn tay những kẻ xa lạ ở một nơi xa lạ, chắc hẳn bà không chịu đựng nổi. Người ta nói cho tôi biết trong suốt thời gian tôi ở Bangkok, bà không hề ra khỏi nhà, ngay cả ngày lễ ‘Các bà Mẹ’. Tôi thấy quá buồn. Tôi cảm thấy mình bị dày vò ghê gớm bởi bốn phận làm con đối với bà nhưng không biết phải làm sao. Tất cả những gì tôi có thể nói hôm nay là, tôi chưa chuẩn bị cho những cú sốc về mọi mặt khi chúng tôi lại bước vào đời sống của nhau.

Ngày vừa đến khách sạn, tôi nằm bẹp trên giường và hầu như rơi vào trạng thái hôn mê. Tôi bắt đầu mê sảng, thỉnh thoảng tỉnh dậy nhưng không biết mình đang ở trong thế giới nào. Mẹ tôi lo lắng, thay quần áo cho tôi và đưa tôi đến bác sỹ. Bác sỹ bảo tôi bị suy dinh dưỡng trầm trọng, ngoài ra

còn mắc bệnh lao phổi nữa. Họ đề nghị biện pháp tốt nhất là nên đưa tôi về nhà, về Sydney, càng sớm càng tốt.

Theo kế hoạch, mẹ tôi không định trở về sớm đến thế. Một y tá bệnh viện biết toàn bộ câu chuyện của gia đình tôi nên đề nghị biểu mẹ con tôi hai tấm vé máy bay để về nhà. Mẹ tôi rất xúc động vì lòng tốt đó nhưng bà không thể nhận được. “Cám ơn cô rất nhiều,” mẹ tôi nói với người y tá, “chúng tôi sẽ ổn thôi. Dù gì thì tôi cũng phải đưa Warren về nhà.”

*

* *

Tỉnh dậy ở Sydney, tôi hoàn toàn không biết mình đã băng qua hết chiều rộng của đất nước này. Tôi thấy mình mất phương hướng và hoảng sợ. Một cảm giác hoảng sợ đúng như cảm giác khi còn ở trong ngục tù, nhưng ở đây, xung quanh tôi bây giờ toàn là những tiện nghi của một thế giới thật. Nghiệt ngã làm sao! Tôi kiệt sức đến độ không thể sờ mó vào bất cứ thứ gì. Thờ thần bước vào phòng khách riêng của mẹ, tôi thấy bà đang ngồi trên chiếc trường kỷ. Tôi bất chợt cảm thấy mình cần phải nói câu xin lỗi. “Con xin lỗi mẹ,” tôi lặp đi lặp lại câu nói này, “thật sự con không biết chuyện gì đã xảy ra đến với con. Con không biết chuyện gì cả.”

Mấy ngày sau, mẹ đưa tôi đến một bệnh viện ở Sydney, và ở đó tôi nằm mất hai tuần lễ. Trong suốt thời gian ở bệnh viện tôi bắt đầu quen dần với ý tưởng là mọi người thật sự quan tâm và chăm sóc tôi khi tôi đau ốm. Những người đó cũng chỉ là những người bình thường và giản dị, cho nên tôi nghĩ tôi sẽ phải tự rèn luyện lại con người mình. Chắc hẳn tôi giống như một đứa bé mới sinh ra, hay như một cậu bé không biết nói và hư hỏng mà ai ai cũng mong tôi cư xử giống như một người trưởng thành trong xã hội.

Nhóm phóng viên rất nhạy, họ vừa nghe tin tôi đi bệnh viện là đã đến vây quanh phòng tôi chen lấn để vào phỏng vấn. Tệ nhất là Mike Munro. Anh ta muốn có bài viết đầu tiên nên cố tình xông vào trong lúc tôi nằm trên giường đang mang mặt nạ dưỡng khí. Mẹ tôi nhiều lần van xin để tôi yên nhưng vẫn không sao ngăn được anh ta. Một hành động hết sức thô bỉ như thế tôi từ chối công chúng một thứ gì đó mà họ đáng được hưởng. Hẳn dùng sức để

chen vào khiến mẹ tôi mất bình tĩnh, một thái độ chưa từng thấy trong đời bà. Mẹ tôi trải qua rất nhiều nhọc nhằn về tinh thần: chết chóc, thảm kịch, và nỗi đau không nói nên lời. Từ đó bà căm ghét bọn phóng viên, đúng là ‘Một con sâu làm rầu nồi canh’.

Tôi không quan tâm đến việc họ đang làm hơn là những gì Chó Diên và Prisit đã làm.

*

* *

Mấy tuần lễ sau tôi mới có thể hòa nhập được với cộng đồng. Đêm đầu tiên đi dự buổi tiệc do một nhóm bạn cũ tổ chức, nói là cũ chứ thật ra đối với tôi bây giờ họ vẫn còn khá mới mẻ. Khi đến chỗ hẹn tôi ngạc nhiên thấy đó là nhà hàng Tàu với một con rồng vàng thật to được vẽ trên cửa sổ. Vừa thấy bức vẽ đó tự dưng tôi giật nảy người khiến đám bạn cười rộ lên: “Tụi tao nghĩ mày thích ăn cơm chiên”, một đứa trong đám nói. Tôi giả vờ cười theo nhưng tận đáy lòng tôi thì buồn vô hạn. Tôi không thể trách họ, vì tôi biết họ chỉ nói đùa chứ thật sự không thể hiểu ý nghĩa cú sốc của tôi. Nhưng ngay từ giây phút này, từ giờ trở đi, giữa tôi và họ sẽ có một khoảng cách mênh mông. Không ai biết tôi ở đâu cho dù họ cố gắng để tìm tôi. Thực ra, theo họ thì tôi đã từng đi xa, nhưng bây giờ tôi đã trở về. Đây là thời gian cho tôi vui để tiếp tục cuộc đời còn lại của mình và quên đi quá khứ...

Làm sao có thể quên được một khi nó đã thay đổi cuộc đời tôi một cách không thương xót. Mỗi lần soi gương hoặc nhìn thấy một vật rất thông thường mà tôi không được thấy trong từng đó năm, điều đó luôn nhắc tôi nhớ lại cái thế giới khác hẳn với thế giới tôi đang hiện hữu. Và bây giờ tôi đã thay đổi cũng chỉ vì nó. Mọi thứ xung quanh tôi như đang vang lên tiếng rì rầm kỳ lạ. Cuộc sống đã biến dạng và không còn quen thuộc kể từ ngày đầu tiên tôi bước chân vào Bumbud.

Tôi không thể làm cho người khác hiểu tôi - nhưng cũng cảm thấy điều đó là không cần thiết - vậy chỉ còn cách là tôi phải biết thích ứng với hoàn cảnh thôi. Suy nghĩ đó đã dựng lên một bức tường vô hình giữa tôi và thế giới còn lại: Nhà Tù.

*

* *

Lúc đi thơ thẩn trong khu phố gần nhà, tôi gặp mọi người và nhận thấy hình như họ cũng khác đi. Một sự kiện vô cùng lố lăng đã xảy ra trong thời gian tôi vắng mặt: bọn nhóc ngoài đường phố nhuộm tóc xanh, tóc vàng, mặc những chiếc áo thun vẽ những hình dị hợm. Hình như toàn xã hội đã lớn lên và hướng ngoại trong thời gian tôi đang ở tù và đã tập thu mình vào trong. Suốt thời gian ở Bangkok, tôi bắt đầu quen với những công việc phải làm âm thầm.

Nhưng ở đây ngược lại, người ta quá cởi mở và quá tự do ngay với chuyện sử dụng ma túy. Một buổi tối trong quán rượu, tôi để ý thấy mọi người đưa heroin cho nhau ngay giữa phòng và hút một cách công khai với vẻ mê mê cực kỳ. Không thể nào tin được. Phải chăng cái luật đã đưa ra nhất tôi chừng đó năm bây giờ được hủy bỏ trong thời gian tôi vắng mặt? Tôi cảm giác mình có nhiều điểm tương đồng với mấy người bạn thân ở Bang Kwang hơn là những người ngồi trong quán rượu ngày hôm nay.

Cũng đêm đó, khi máng chiếc áo khoác lên ghế để đi đến quầy lấy thức uống, lúc quay lại chỗ ngồi tôi phát hiện ra có ai đó đã lục túi áo tôi. Tôi mất quyền sở trong đó có tên và địa chỉ của những người ở Bang Kwang để liên lạc khi trở về. Đầu tiên tôi cho việc mất quyền sở này là một điều lành, vì như vậy kể như không còn liên hệ gì với quá khứ kinh hoàng nữa. Nhưng sau đó tôi có cảm giác như còn một kẻ nào đó đang muốn tách tôi ra khỏi gia đình mình một lần nữa.

*

* *

Sau đó lạ lùng và thú vị biết bao! Tôi lại gặp Paul ngay đây, tại quán rượu này. Tôi đã từng quen thấy anh ấy trong cái cảnh đời u tối. Anh có vẻ buồn hơn, nhưng ngay lúc này tôi dần tất cả những cảm nghĩ đang làm cuộc đời tôi điêu đứng lại.

Tôi chăm chú ngồi nghe Paul kể những gì đã xảy đến cho Neddy Smith. Tôi vẫn biết anh ta là một địch thủ đáng gờm trong giới xã hội đen, hay ít ra

cách làm ăn đã đưa anh ta đến chỗ đó. Nhưng tôi mong rằng Paul không bao giờ dính dáng một chút quan hệ pháp lý nào với Neddy nữa. Những chuyện Paul kể chứa toàn bạo lực, dã man và sự tham lam quá độ của Neddy, người mà tôi không thể tưởng tượng được mình đã quen biết. Và trước đây tôi chưa bao giờ nghe đến tên Roger Rogerson, mặc dù tôi tin rằng hắn đã xuất hiện trong cuộc đời Ned khi Paul và tôi bị bắt giữ. Tôi chưa gặp lại Ned từ khi rời Úc vào năm 1978 cho đến tận bây giờ. Tôi và Paul không hề nhắc về những chuyện đã xảy ra trong bao nhiêu năm qua. Thực sự chẳng có gì để nói nữa.

Hôm nay gặp lại Paul, tôi phải dành thời gian để nói về người bạn thân của mình. Paul kể cho tôi nghe câu chuyện buồn về gia đình anh: đứa con gái lớn, Kelly, từ chối không chịu nói với anh một lời nào từ khi anh bị bắt trở về. Cho đến một hôm, không hiểu sao, vị nha sĩ của Kelly có được tấm hình của Paul và giơ lên cho cô ta xem, tức thì Kelly thốt lên “Bố!”. Lúc đó, Paul nói, Kelly đã lớn và đã thành một thiếu nữ rồi và khó khăn lắm cô ta mới nhận ra anh là ai. Còn người con gái thứ hai, Belinda, thì hoàn toàn không nhận anh là bố. Bằng một giọng nghẹn ngào, anh phải cố gắng hết sức để kể cho tôi nghe.

Qua những lần gặp gỡ sau này tôi nhận xét thấy Paul không thể nào thích nghi với cuộc sống tự do hiện tại. Anh luôn rơi vào khoảng trống đầy những chuyện hãi hùng và tự mình vùng vẫy tìm cách thoát ra. Tình cảm của anh thay đổi rất kỳ lạ, không còn là Paul một thời nổi tiếng.

Theo tôi biết, sau khi Paul trở về có một số người quen biết muốn tìm cách gặp gỡ anh vì anh đã từng là trung tâm của sự chú ý, nhưng cái mới mẻ ban đầu đó đã tàn lụi và Paul bây giờ rất cô đơn. Paul, dĩ nhiên, cũng có một gia đình; họ hết sức tận tình chăm sóc anh nhưng rồi cũng quen dần với sự lãnh đạm của anh. Paul không thể hòa đồng với thực tế. Anh không quên quá khứ để hòa đồng với cuộc sống quanh mình chỉ vì anh đã nhiễm HIV và chứng lao phổi khi còn trong tù. Tựu trung, Paul không bao giờ được phóng thích khỏi Bang Kwang.

Tôi nghĩ rằng giá họ đừng tách tôi và Paul mỗi người một nơi khi còn trong đó thì ngày hôm nay đâu có như thế này và bây giờ chúng tôi sẽ cùng nhau chia sẻ những đau khổ và cùng nhau tìm cách lấy lại quân bình trong cuộc sống hiện tại. Sau cái ngày hai đứa chúng tôi tự tử hụt ở lao xá cảnh sát bên Thái Lan, chúng tôi đồng tâm nhất trí ráng chịu đựng cho qua cảnh khổ này, nhưng rồi sợi dây ràng buộc hai đứa tan tành khi Paul bất ngờ bị chuyển qua trại khác. Từ đó, hai chúng tôi theo hai con đường riêng lẻ. Paul từng là một người có khả năng mạnh mẽ, nhưng cũng rất nhạy cảm. Vậy mà trong cuộc thi này anh không thắng nổi chỉ vì thiếu đồng đội.

Paul ra đi vĩnh viễn vào mùa Đông năm 1992 vì sử dụng quá liều heroin, chẳng biết anh có cố tình hay không. Thật sự, tôi không chắc lắm, nhưng điều đó không thành vấn đề. Hành động sai lầm như thế chứng tỏ rằng anh đã mất hết ý chí tồn tại, đặc biệt khi Paul là một người có bản chất sống còn. Tất cả điều tôi nói ra đây là vì tôi rất hiểu Paul. Tôi nhớ anh nhiều hơn nhớ những người đã từng sống trên cõi đời này. Tôi nằm mơ thấy Paul đang cố gắng nói với tôi điều gì đó qua một hàng rào kẽm gai ngăn giữa hai đứa. Paul bảo tôi tiến lại gần, thì thào một lời cảnh báo nhưng tôi không làm sao nghe được. Gương mặt anh khờ khạo và đầy vẻ lo âu. Tôi bước đến hàng rào gần anh hơn để nghe anh nói. Anh cố gắng một cách tuyệt vọng nhưng không nói được rồi quay lại bỏ đi. Tôi gọi với theo cho đến lúc anh mất hút.

*

* *

Một buổi tối tôi đến quầy bar khách sạn ngồi uống rượu với mấy người bạn thì có gã da đen trông rất vạm vỡ tiến đến bên tôi hỏi tôi có biết anh của hắn không. Tôi nhìn hắn và trả lời tôi không hề biết anh của hắn là ai rồi quay lại tiếp tục uống. Bất ngờ và chẳng được báo trước, hắn thoi vào một bên mặt tôi làm tôi ngã xuống ghế, xương quai hàm bị gãy làm ba. Tôi phải mang cái niềng quai hàm mất sáu tháng. Trong suốt thời gian đó tôi cố hình dung xem hắn là ai và tại sao hắn lại muốn đập tôi.

Một thời gian sau tôi trở lại khách sạn trên với hy vọng gặp lại con người đó. Tôi không muốn trả thù mà chỉ muốn biết câu chuyện ấy như thế nào

thôi. Có lẽ hẳn có một người anh cùng ở tù chung với tôi, hoặc một người nào đó đã dính líu vào công việc làm ăn bẩn thỉu xảy ra trước khi tôi đến Bangkok. Cũng có khả năng buồn hơn là anh của hẳn nghiện ma túy nên hẳn là một trong số nhiều người muốn trả thù trên thân xác của Warren Fellows. Tôi đến đó chưa được lâu thì có một gã bước đến gần và chìa tay ra bắt tay tôi. Anh ta giới thiệu mình là anh của người đánh tôi hôm nọ.

Anh ta xin lỗi vì hành động của em mình và giải thích thật ra hẳn không có oán thù gì với tôi, chẳng qua xui cho tôi ngày đó tự dừng hẳn nổi cơn hung bạo mà chính hẳn không thể nào hiểu hoặc giải thích được.

Bạn có cảm nhận được một con người sống trong môi trường bạo lực nên bị ảnh hưởng bởi bạo lực không? Tôi thắc mắc nhưng hy vọng là không.

Ngày nay, những cảnh bạo lực luôn khiến tôi lợm mửa bởi vì tôi đã chứng kiến quá nhiều cảnh tượng đó trong một thời gian quá dài. Thế giới của chúng tôi đã được hình thành bởi sự sợ hãi, tuyệt vọng, và man rợ. Tôi không hiểu được tại sao những người đang sống trong một xã hội thoải mái, tự do như thế này mà còn muốn tạo ra những tình huống hung tợn. Tôi không thích xem phim bạo lực. Tôi không muốn nhìn gương mặt độc ác của một kẻ đang cố gắng hủy hoại đời sống của người khác và không muốn thấy vẻ kinh hoàng của nạn nhân. Tôi không chịu được khi nhìn những gương mặt như thế. Suốt 12 năm chúng luôn hiện ra xung quanh tôi rồi. Những cảm xúc đó tượng trưng cho cuộc đời tôi trong ngục tù nên tôi không bao giờ muốn nhìn thấy chúng nữa.

Những bức tường chung quanh đã vây kín tôi trong từng đó năm, những gương mặt xung quanh mà tôi đã tập trung vào đó và mỗi chi tiết diễn đạt của từng cảm xúc trở thành một chi tiết quan trọng trong cuộc đời tôi. Bây giờ tôi trở nên nhạy bén với sự thay đổi nét mặt con người. Ở Bangkok, chỉ cần nhìn nét mặt một người tôi sẽ biết được nhiều thứ. Trong nhiều cách, đó là phương pháp duy nhất để truyền đạt thông tin cho nhau. Một cái nháy mắt hay cái méo môi cũng cho anh biết được câu chuyện: ‘Anh cần cái này, cái nọ’ hoặc ‘Kế hoạch này hay nọ sẽ giết anh đêm nay’ Các tin tức được truyền cho nhau bằng những dấu hiệu như thế đó. Những ngày tháng còn trong nhà

giam, một thành viên trong nhóm chúng tôi sẽ làm một hành động rất tự nhiên như gãi lên má, hoặc lên mũi là chúng tôi sẽ hiểu ngay anh ta đang muốn thông báo điều gì. Và những dấu hiệu như thế còn dùng ám chỉ sự khác nhau giữa cái sống và cái chết. Những nhận thức của tôi đã được tăng cường, có lẽ quá nhiều trong xã hội bình thường này. Tôi có thể nghe được những điều người ta đang nói ở phòng bên cạnh, và tất cả những phản xạ của tôi cùng cách tự vệ đều được đưa vào ăn khớp với nhau. Nó có thể là những điều phiền toái nhưng cũng có lợi cho tôi. Tôi biết, đối với vài người, tôi là một sinh vật kỳ lạ nên tôi chỉ muốn gặp người nào mà họ có vẻ không hề biết tôi là ai. Nhưng thường khi gặp tôi, họ hay hỏi suốt mười mấy năm nay tôi đã ở đâu... Mặc dù biết rồi, nhưng họ cứ thích phỏng vấn những câu đại loại như thế làm tôi lúc nào cũng phải kiềm chế cơn thịnh nộ của mình.

Cho dù biết đó cũng chỉ là một thứ tò mò, nhưng tôi không hiểu tại sao thiên hạ cứ thích đùa cợt trên nỗi đau của người khác. Đầu tiên bằng những câu hỏi, sau đó họ biết tôi không thể chống trả lại họ bằng sự thô bạo như một con thú. Họ bắt đầu xô đẩy, choán chỗ của tôi, đưa ra những lời lẽ công kích xúc phạm như chứng tỏ họ có thể đối chọi với một tên tội phạm khét tiếng bằng trí khôn ngoan và sức mạnh của mình, để rồi lúc trở về những khu nhà mát mẻ nằm vắt tay nghĩ lại thấy mình đã lên mặt được với những nhân vật xấu xa.

Họ quá ngu vì nghĩ tôi không nhận ra điều này. Họ đâu biết rằng trong những năm bị cầm tù tôi không làm gì ngoài việc nghĩ cách làm thế nào để tồn tại cho được. Để thực hiện điều đó tôi chuẩn bị rất kỹ, luôn vận dụng đầu óc đối phó với những tên cai ngục. Lúc nào óc tôi cũng đầy ắp những biện pháp và sức mạnh để làm điều này. Trong 12 năm trời tôi học cách đọc tư tưởng người khác, sử dụng thành thạo để người khác thấu hiểu ý tưởng của mình. Trong lúc hầu hết những người tôi gặp hiện nay luôn tập trung thời gian vào công ăn việc làm, vào mối quan hệ, vào TV, phim ảnh, thể thao hoặc hàng triệu thú tiêu khiển khác. Còn tôi, đầu óc tôi chỉ loay hoay với cách làm sao tồn tại ở chốn ngục tù mà thôi. Nếu một ai đó muốn đo sức

mạnh tinh thần với tôi thì phải giỏi như Prisit, nếu không họ sẽ thua tôi mà không biết đấy.

Vừa mới đây có người nói với tôi: “Này, Warren. Anh bây giờ được tự do rồi đó.” Đối với tôi, thật sự tôi chưa được tự do hoàn toàn vì ba phần tư đầu óc tôi vẫn còn đầy ắp những hình ảnh đó. Tôi vẫn còn nghe tiếng xao động của những lá cờ cắm trên bờ tường Bang Kwang. Tôi vẫn thấy những đứa trẻ đi học về rồi nghĩ đến biết bao thứ trên đời đang trải dài trước mắt chúng; còn tôi, bao nhiêu thứ đã mất mát. Tôi cứ nghĩ và nghĩ mãi...

Sau khi đọc xong mấy trang cuối này có lẽ các bạn tin rằng tôi đang đắm mình trong nỗi thương xót cho bản thân tôi. Vâng, đúng là như thế. Tôi cảm thấy rất buồn. Chính xác hơn là tôi thương hại bản thân tôi. Sao lại không nhỉ? Đâu phải đâu tôi làm bằng đá tảng mà tôi không biết buồn. Chính vì tôi thương thân nhiều quá đến mức tôi không cần xin lòng thương hại từ bất cứ người nào khác nữa.

Và, đương nhiên một vài người trong số các bạn sẽ bảo tôi nên dành thời gian để buồn cho những người tôi đã làm họ bị tổn thương vì đã buôn bán heroin và buồn cho những ai mà cuộc đời đã bị hủy hoại vì heroin. Tôi thật sự buồn cho họ và chính tôi là một trong những trường hợp điển hình đó. Tôi biết khi một người đã dính vào ma túy thì cuộc đời sẽ tàn tạ đến mức nào. Tôi cảm thấy thương hại và cảm thông với họ nhiều hơn là những người chưa từng đụng đến ma túy.

Bây giờ tôi có lại một quả tim, và ở tận cùng sâu thẳm của nó là cả một nỗi buồn và sự xót xa. Đôi khi tôi ao ước, Chúa nhặt lấy khẩu súng và bắn nát quả tim này cho tôi.

*

* *

Đây là sự nản lòng khủng khiếp. Thật sự tôi không muốn thế đâu. Đó chỉ là ý tưởng của ngày hôm qua, hôm nay thì tôi cảm thấy khá hơn nhiều rồi. Còn nhiều việc tôi có thể làm. Chẳng hạn như hôm nay trời nắng tốt, tôi sẽ giúp mẹ tôi đi chở cái máy giặt mới về.

ĐOẠN KẾT

Vào cuối năm 1996, tôi nhận được cú điện thoại từ một người gọi đến nhờ giúp đỡ, lý do vợ ông ta bị bắt ở Thái Lan vì chuyên chở heroin. Ông bảo một nhà báo đã mách với ông rằng tôi có thể làm được việc này. Nói thật ra tôi có làm được gì đâu, ngoại trừ vài lời cam kết không thỏa đáng.

Vài tháng sau đó tôi đọc báo thấy vợ ông ta xuất hiện trên một bản tin. Bà ấy bị kết án 50 năm tù. Tôi xúc động vô cùng và kinh hoàng thay cho ông bà ta. Phải nói là dù có vờ đi phần nào những muộn phiền, nhưng bấy giờ tôi có cảm tưởng mình là một người nào khác. Nghĩ đến những năm tháng dài đằng đẳng mà bà ta phải trải qua, thật là kinh khiếp. Chắc chắn tôi sẽ không trở lại nơi đó. Không bao giờ.

Tôi thật sự hy vọng quyển sách này đến được tay các bạn, một sự sáng suốt mà tôi đã không hề có trước đây khi bắt đầu cuộc hành trình. Bây giờ tôi mới nhận ra rằng không có gì quý bằng sống một cuộc đời tự do. Không có một khoản tiền nào xứng đáng để trả cho sự rủi ro mà tôi đã lãnh. Trên thế gian này không có khoản tiền như thế.

Trong lúc ngồi ở một quán rượu để viết quyển sách này tình cờ tôi nghe được câu chuyện của một cô gái còn rất trẻ. Cô nàng có nét mặt thật tươi, đang kể cho bạn mình nghe về công việc làm ăn: mỗi lần mang thuốc phiện từ Indonesia về, cô nhận được 5000 USD thù lao. Nghe câu chuyện này tôi biết ngay cô ta chẳng biết chút gì về những việc tôi từng trải qua ở Thái Lan. Nhớ lại cảnh anh tù người Thái bám lấy hàng rào kẽm gai để cố níu lại giây phút cuối đời trong sự tuyệt vọng, dù chỉ thêm vài giây nữa thôi, chính những giây phút cuối cùng này đã hình thành cuộc đời của cô gái trẻ mà chỉ

đáng 5000 USD khôn khổ thôi sao? Phải hơn 5 tỷ USD là đáng khác. Những giây phút cuối thật vô giá, các bạn có biết không?

Có người nói rằng không thể cảnh báo người ta và rằng khi nào chính bản thân họ vấp phải thì họ mới thấu hiểu. Tôi nghĩ điều đó cũng đúng phần nào. ***Nhưng nếu ký ức về những nỗi kinh hãi mà tôi đã trải qua có thể thay đổi suy nghĩ của một người thì lúc bấy giờ sự mất mát của tôi không hẳn là vô ích. Và, quả thật, nó sẽ trở nên vô giá cho một đời người.***

*

* *

Rồi có lần tôi mơ thấy mình đang ngồi trên một băng ghế vào một buổi chiều chạng vạng. Tôi ngồi giữa hai người phụ nữ, trò chuyện nói cười vui vẻ và hồn nhiên như những ngày xa xưa. Khi nắng chiều phai dần, chúng tôi rủ nhau đi đến một nơi nào đó ăn tối rồi ra phố dạo chơi. Trong một thoáng tôi cảm thấy lòng mình thật ấm áp và nhẹ nhàng. Tất cả những sự kiện lạ lùng của đời tôi, cái màn đen bao trùm vạn vật đã được nhắc lên. Tôi có thể làm một người bình thường trở lại. Tôi có thể thích nghi với thế giới hiện tại, một thế giới trẻ trung với một cuộc đời tươi đẹp.

Rồi bất chợt tiếng leng keng rất quen thuộc đâu đó vang lên, tôi quay lại thì thấy một tên lính gác đứng ngay bên tôi, tay đang cầm những chiếc chìa khóa cửa xà lim trong khi các cô gái biến mất dạng. “Đến giờ rồi”. Hắn nói và gọi tôi bằng cái tên của chính mình.

Tôi giật mình tỉnh giấc. Phải mất mấy phút sau mới tỉnh hẳn nhưng phân vân không biết mình đang ở nhà hay còn ở trong tù. Tôi bước ra bếp pha cho mình một tách cà phê. Trà hoặc cà phê là sự lựa chọn vào mỗi buổi sáng. Rồi suốt ngày hôm ấy tôi tự nhủ rằng mình không còn ở chốn đó nữa. Nhưng tôi biết rõ nơi ấy, tôi nhớ rõ những nỗi kinh hoàng và tất cả sự mất mát mà nó gây cho tôi đã vĩnh viễn hằn sâu trong tim.

Và từ những chi tiết của ký ức đó, e rằng, tôi không thể nào còn tự do nữa.

HẾT

Hình ảnh

Một số hình ảnh nhóm làm ebook tìm được trên Internet, liên quan đến tác phẩm này.



Tác giả Warren Fellows (thứ hai từ phải) và William Sinclair (Lão Già, thứ hai từ trái) bị giải đi trong nhà tù Thái Lan, năm 1980



Paul Hayward trên trang bìa tạp chí về bóng bầu dục với thông tin bị bắt



Cổng nhà tù Bang Kwang



Tác giả (bên trái) cùng con trai sau khi ra tù



Tác giả thời gian gần đây



Credits

Nguồn ebook
tve-4u.org
VCTVEGROUP

Scan
mymk

PDF
tran ngoc anh

OCR
svcntnk42a1

Soát lỗi
annie_tuongminh
Bộ Cặp
Caruri
Mỹ Giang

quandeptrai
svcntnk42a1

Soát lỗi lần hai và tạo ebook

Caruri

Điều hành dự án

V/C

Xin cảm ơn các bạn trong nhóm VCTVEGROUP đã tham gia tạo ebook cho tác phẩm này.

Trong quá trình soát lỗi chính tả, chúng tôi có sửa đổi một số từ theo lỗi chính tả miền Nam của dịch giả, đồng thời sửa một vài lỗi dịch nhỏ. Do vậy ebook có thể có những sai khác so với sách in, mong bạn đọc thông cảm!

Caruri

Table of Contents

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[PHẦN MỞ ĐẦU](#)

[Chương 1 SỰ TÌNH CỜ](#)

[Chương 2 THÁI LAN](#)

[Chương 3 NHỮNG DẤU HIỆU](#)

[Chương 4 ĐỊA NGỤC](#)

[Chương 5 TRẠI KHỈ](#)

[Chương 6 NHÀ MÁY ‘VUI NHỘN’](#)

[Chương 7 MA TÚY](#)

[Chương 8 NGÀY XÉT XỬ](#)

[Chương 9 CON CỌP KHÔNG LỖ](#)

[Chương 10 CÁI CHẾT](#)

[Chương 11 LARD YAO](#)

[Chương 12 CUỘC NỔ LOẠN](#)

[Chương 13 CUỘC ĐỜI](#)

[Chương 14 NGÀY CUỐI](#)

[Chương 15 VỀ NHÀ](#)

[ĐOẠN KẾT](#)

[Hình ảnh](#)

[Credits](#)